



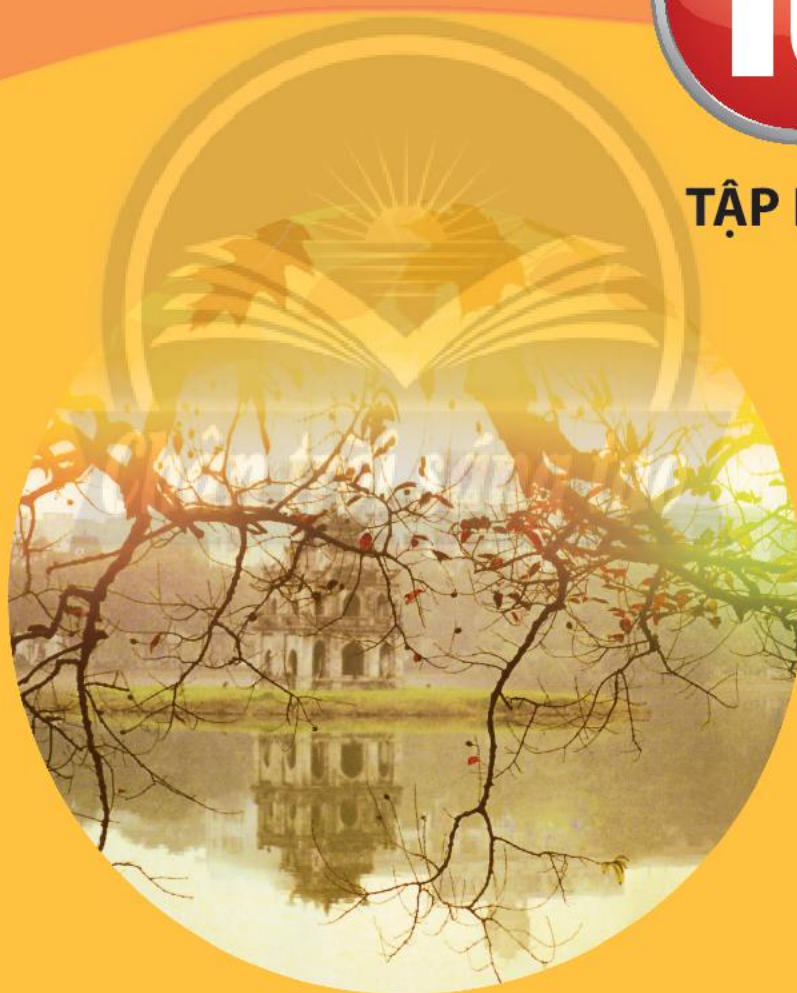
NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – TRẦN LÊ HOA TRẠNH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

NGỮ VĂN

SÁCH GIÁO VIÊN

10

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY

TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM

NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

NGŨ VĂN

SÁCH GIÁO VIÊN

10

TẬP HAI

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



*Hãy bảo quản, giữ gìn Sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Quý thầy cô thân mến,

Sách giáo viên (SGV) *Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* là tài liệu bổ trợ cho sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 10* của bộ sách này.

Sách gồm 2 phần:

Phần 1. Những vấn đề chung

Phần 2. Định hướng tổ chức thực hiện các bài học

Trong phần một (Tập 1) – *Những vấn đề chung*, sách trình bày các vấn đề: *Quan điểm biên soạn SGK; Những điểm mới của SGK; Cấu trúc của sách và bài học; Một số phương pháp, kỹ thuật tổ chức dạy học; Phương tiện dạy học; Phương pháp kiểm tra đánh giá năng lực HS.*

Trong phần hai – *Định hướng tổ chức thực hiện các bài học* – sách gợi ý về nội dung, cách thức tổ chức dạy học từng bài học trong SGK. Với mỗi bài học đều có hai mục chính: *Định hướng về mục tiêu bài học* và *Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học*. Ở phần này, sau khi nhấn mạnh các mục tiêu (phẩm chất, năng lực, yêu cầu cần đạt), lưu ý đặc điểm bài học, dự kiến phân bố số tiết và phương pháp, phương tiện dạy học,... sách đề xuất phương thức tổ chức các hoạt động dạy học (cách giới thiệu bài mới; cách hướng dẫn HS đọc, viết, nói – nghe,...) nhằm đáp ứng các yêu cầu cần đạt.

Sách được biên soạn thành 2 tập, tương ứng với 2 tập SGK *Ngữ văn 10*.

Hi vọng rằng bộ sách này sẽ mang lại sự bổ trợ hữu ích, thiết thực đối với quý thầy cô.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Bài 6: Nâng niu kỉ niệm (Thơ)	5
Bài 7: Anh hùng và nghệ sĩ (Văn bản nghị luận – Tác giả Nguyễn Trãi)	31
Bài 8: Đất nước và con người (Truyện)	57
Bài 9: Khát vọng độc lập và tự do (Văn bản nghị luận)	84



A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Giúp HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Biết trân trọng, gìn giữ những kỉ niệm đồng thời có trách nhiệm với hiện tại và tương lai.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ* và *tự học*, *năng lực giải quyết vấn đề* và *sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ* và *văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt* (YCCĐ) như sau:

– Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.

– Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB; nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

– Nhận biết được lỗi về trật tự từ và cách sửa.

– Viết được VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

– Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân); nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

Các YCCĐ trên đây là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của hai VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua câu hỏi *Sau khi đọc*.

Về phân bố thời lượng dạy học, GV tùy vào điều kiện thực tế của đối tượng, địa phương mà phân bố số tiết cho từng nhóm kĩ năng một cách phù hợp với việc thực hiện mục tiêu.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

– Về thể loại:

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thuộc thể loại thơ và hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với chủ đề *Nâng niu kỉ niệm*. Đó là chủ điểm xuyên suốt của bài học, thể hiện tinh thần tích hợp về nội dung dạy học và phát triển năng lực cho HS của bộ sách. Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức ngữ văn* (gồm *Tri thức đọc hiểu*, *Tri thức tiếng Việt*) nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– Về cấu trúc bài học:

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện trên tinh thần tích hợp, và về cơ bản, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu (riêng về hoạt động viết, có thêm ngữ liệu tham khảo để HS trực quan về kiểu bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình, từ đó HS dễ dàng nhận ra đặc điểm, bố cục, cách viết,...).

Đọc: Cụm ngữ liệu gồm 4 VB, trong đó, VB 1 *Chiếc lá đầu tiên* (Hoàng Nhuận Cầm) và VB 2 *Tây Tiến* (Quang Dũng) thuộc thể loại thơ, là những ngữ liệu chủ yếu nhằm thực hiện YCCĐ: “Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình”. VB 3 khác thể loại (là VB truyện), nhưng cùng chủ đề *Nâng niu kỉ niệm* được sử dụng để đọc kết nối chủ điểm. VB 4 *Nắng mới* cũng thuộc thể loại thơ, nhằm hướng dẫn HS đọc mở rộng theo thể loại. VB này được cung cấp như là một gợi ý, có đặc điểm thể loại, nội dung và độ dài tương đương với 2 VB chính của bài học. GV chỉ hướng dẫn cách đọc để HS tự đọc ở nhà và tìm thêm các VB tương đương, tự đọc để đáp ứng yêu cầu đọc mở rộng trong năm học.

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ: “Nhận biết được lỗi về trật tự từ và cách sửa”, thực hành tổng hợp về tác dụng của việc sử dụng từ Hán Việt, nói giảm, nói tránh, và lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB.

Viết: HS thực hành viết VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.

Nói và nghe: HS biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân); nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học *Nâng niu kỉ niệm* dự kiến được dạy trong thời gian 12 tiết, có thể phân chia như sau:

– Đọc: 7 tiết (VB 1: 3 tiết; VB 2: 2,5 tiết; VB 3 đọc kết nối chủ điểm và VB 4 đọc mở rộng theo thể loại: 1,5 tiết).

– Viết: 2 tiết

– Tiếng Việt: 1 tiết

– Nói – nghe: 2 tiết

Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học, GV linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

– Sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp đàm thoại gợi mở để giải thích ngắn gọn về một số đặc điểm của thơ (tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo), cách làm bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình. Trong quá trình giải thích, cần kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.

– Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến về VB, về bài viết và bài nói; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kĩ năng: cách sửa lỗi từ và lỗi câu.

– Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như: trực quan, trò chơi, giải quyết vấn đề và một số kĩ thuật như sơ đồ, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tiếng Việt.

3.2. Phương tiện dạy học

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có).

– Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*Chuẩn bị đọc, Sau khi đọc*) trong SGK thành phiếu học tập.

– Sơ đồ, biểu bảng.

– Bảng kiểm bài viết, bài nói – nghe của HS.

B. GỢI Ý TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHẦN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB thơ. Vì thế, mục tiêu giúp HS “Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình” sẽ là mục tiêu hàng đầu. Cùng với đó là các YCCĐ: “Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ VB; nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm”.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bổ cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem *Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu* đối với từng VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc*, *Đọc VB*, *Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi (có thể thêm các câu hỏi ngoài) để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB.

Cũng cần lưu ý thêm rằng: (1) các câu hỏi trong khi đọc được đặt ra là để HS biết dừng lại ở những điểm cần thiết khi đọc VB, tự trả lời từ đó mà rèn luyện các kĩ năng đọc (*suy luận, liên hệ, tưởng tượng,...*); (2) trong các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc* thường có những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGỮ VĂN

1.1. Tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo trong thơ

Trong bài *Giao cảm với thiên nhiên*, HS đã được học một số vấn đề về thể loại thơ như: *thơ, chủ thể trữ tình, vần và nhịp, từ ngữ, hình ảnh trong thơ, tính chỉnh thể của tác phẩm*, vì thế, vào đầu giờ học, GV nên gợi nhắc HS nhớ lại các yếu tố trên trước khi dạy về *tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo* trong thơ.

Đây là hai khái niệm trừu tượng, vì thế GV nên chọn cách dạy quy nạp, cụ thể là:

– *Tình cảm, cảm xúc trong thơ*: GV ghi một bài thơ ngắn lên bảng, yêu cầu HS đọc, sau đó, xác định tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong khổ thơ. Trên cơ sở đó, GV có thể hướng dẫn HS đọc khái niệm này trong SGK và xác định từ khoá. GV lí giải thêm: Thơ là tiếng nói của nội tâm, thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ về cuộc sống, con người.

– *Cảm hứng chủ đạo trong thơ*: GV tiếp tục hướng dẫn HS đọc lại bài thơ trên lần thứ hai, xác định trạng thái tình cảm mãnh liệt, xuyên suốt trong bài thơ là gì. Sau đó, GV làm rõ thuật ngữ này thông qua các ví dụ. Chẳng hạn, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông) là cảm hứng ngợi ca, chia sẻ những khát vọng lớn lao giữa các thế hệ; bài thơ *Hoa bìm* (Nguyễn Đức Mậu) là niềm thiết tha thương nhớ tuổi thơ, tình yêu quê hương từ những hình ảnh bình dị.

Việc làm rõ các khái niệm trên sẽ được tiếp tục thực hiện khi hướng dẫn HS đọc VB 1 và 2.

1.2. Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa

Nội dung tri thức *Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa* có thể được dạy như sau:

– Mục đích của việc dạy phần này là giúp HS có tri thức công cụ để thực hành đọc và viết, vì thế GV có thể sử dụng một số phương pháp như thuyết trình, trực quan (sơ đồ, mô hình, bảng biểu,...) để giới thiệu với HS về *Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa*. Sau đó, thông qua quá trình thực hành, GV có thể hướng dẫn HS củng cố để hiểu sâu hơn những tri thức về *Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa*.

– Sử dụng phương pháp dạy học theo mẫu nhưng chỉ dừng lại ở mức độ phân tích mẫu với những thao tác cơ bản sau: (1) *lựa chọn mẫu ngữ liệu* (có thể sử dụng mẫu do SGK cung cấp ở phần *Tri thức tiếng Việt*, hoặc mẫu ở phần *Thực hành tiếng Việt*, hoặc mẫu do GV tự chuẩn bị) → (2) *cung cấp mẫu cho HS* → (3) *thiết kế câu hỏi/ nhiệm vụ học tập để hướng dẫn HS phân tích mẫu* nhằm nhận diện lỗi trật tự từ trong câu và đề xuất *cách sửa* được thể hiện trong từng mẫu → (4) *hướng dẫn HS khái quát* thành những đơn vị kiến thức cơ bản sau: (a) *lỗi trật tự từ trong câu*; (b) *cách sửa*.

– Hướng dẫn HS đọc nội dung của phần *Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa*, xác định một số từ khoá quan trọng. Sau đó, trong quá trình tổ chức cho HS thực hành các bài tập tiếng Việt liên quan đến *Lỗi về trật tự từ trong câu và cách sửa*, GV từng bước kết hợp với việc yêu cầu HS nhận diện *lỗi trật tự từ trong câu* ở từng bài tập và đề xuất *cách sửa*; trên cơ sở đó củng cố các nội dung đã tìm hiểu ở phần *Tri thức Ngữ văn*.

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể tham khảo lời giới thiệu trong SGK. Hoặc GV cũng có thể yêu cầu HS đọc lướt phần *Lời giới thiệu* trong SGK, quan sát nhanh hình thức trình bày của các VB để xác định nội dung chủ điểm và thể loại chính của bài học, từ đó GV dẫn dắt vào bài.

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

Các kĩ năng đọc nói đến ở đây chủ yếu là những kĩ năng trong khi đọc, hình thành trong khi HS trải nghiệm cùng VB ở trên lớp. Trong bài học này, SGK chú trọng vào các kĩ năng *suy luận, liên hệ, tưởng tượng,...* Đây vốn là những kĩ năng cần thiết cho quá trình đọc hiểu VB thơ.

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN CHIẾC LÁ ĐẦU TIÊN

4.1. Trước khi đọc

Tổ chức cho HS chia sẻ về kỉ niệm.

4.2. Đọc văn bản

Trong bài học này, GV nên hướng dẫn HS tập trung luyện tập kĩ năng suy luận. Cách dạy:

- Giải thích ngắn gọn về kĩ năng suy luận;
- Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kĩ năng suy luận bằng cách nói to suy nghĩ (kĩ thuật think – aloud) của GV khi dùng kĩ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kĩ năng. Ví dụ: GV đọc hai dòng thơ: *Em thấy không, tất cả đã xa rồi/ Trong tiếng thở của thời gian rất khẽ* thì tạm ngừng và nói “Tác giả muốn thể hiện điều gì trong hai dòng thơ này nhỉ? Có lẽ tác giả muốn thể hiện sự tiếc nuối kỉ niệm chăng?”.

- Mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm một hoặc hai lần. GV tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng hơn là câu trả lời của HS.

Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi quá trình đọc trực tiếp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu về nhóm câu hỏi suy ngẫm và phản hồi.

- Sau đó, GV hướng dẫn HS chốt lại cách thực hiện kĩ năng. Để tạo ra một suy luận trong quá trình đọc, người đọc cần kết hợp thực hiện các thao tác sau: (1) tìm từ ngữ/ thông tin được thể hiện trên VB, (2) liên hệ với những trải nghiệm/ hiểu biết của bản thân liên quan đến những từ ngữ/ thông tin mà VB cung cấp, (3) từ đó suy luận về những nội dung hàm ẩn của VB.

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập *Sau khi đọc* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản *Chiếc lá đầu tiên*

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh [1a], vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình [1b].	[1a]: câu 1, câu 2, câu 3, câu 4, câu 5 [1b]: câu 1, câu 4

N2: Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB.	[2]: câu 4
N3: Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.	[3]: câu 6

4.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ GIÁ TRỊ THẨM MỸ CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ TRONG THƠ (TỪ NGỮ, HÌNH ẢNH, VẦN, NHỊP, ĐỐI, CHỦ THỂ TRỮ TÌNH) VÀ TÌNH CẢM, CẢM XÚC, CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO CỦA NGƯỜI VIẾT

Câu 1:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh [1], vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình [2].

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

- Gợi ý cách tổ chức: Cho HS thảo luận nhóm đôi.
- Định hướng trả lời: Chủ thể trữ tình của bài thơ xuất hiện qua các đại từ nhân xưng như: *anh* (trong tương quan với *em*), *tôi* (trong tương quan với *bạn*), *ta*.

Ý nghĩa của việc sử dụng các đại từ nhân xưng ấy: sự thay đổi tình thế trong việc sử dụng các đại từ nhân xưng đã giúp tác giả bộc lộ cảm xúc của chính mình và nói thay tâm trạng của người khác, nhờ vậy bài thơ dễ dàng chạm đến cảm xúc của nhiều người và tìm được tiếng nói đồng cảm. Khi thì chủ thể là *anh* vì muốn gửi gắm những nỗi niềm riêng tư với *em* – mối tình đầu của *anh*; khi thì chủ thể là *tôi* vì muốn được chia sẻ những cảm xúc của lòng mình với *bạn* (tất cả mọi người, trong đó có *em*). Khi thì chủ thể là *ta* trong cuộc trò chuyện cùng “hoa mướp”, lúc ấy *ta* vừa muốn tâm tình với chính mình vừa muốn bộc lộ với cả những người khác. Cảm xúc trào dâng mãnh liệt nên vượt qua ranh giới của những nỗi niềm riêng.

Từ “người” trong dòng thơ “Có lẽ một người đã bắt đầu yêu” có thể được hiểu là chỉ chung cho tất cả ai đang có những rung động đầu đời, nhưng cũng có thể được hiểu là chính *anh*, *tôi*, *ta* hay nói khác đi là chủ thể trữ tình. “Người” ấy đang khám phá, dự đoán cảm xúc tình yêu mới chớm nở của chính mình, của người khác, điều đó được thể hiện qua từ “có lẽ”.

Câu 2:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh [1], vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình [2].

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: Cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm/cặp đôi. Câu hỏi này nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh.

– Định hướng trả lời:

+ Biện pháp tu từ: phép điệp (điệp từ “nhớ” ở khổ 4, từ “cứ” ở khổ 6; điệp ngữ “nỗi nhớ” ở khổ 4; điệp cấu trúc “muốn nói bao nhiêu, muốn khóc bao nhiêu” ở khổ 3; “những chuyện năm nao, những chuyện năm nào” ở khổ 6).

+ Tác dụng: diễn tả ấn tượng sâu đậm về những kỉ niệm tuổi học trò, sự tuôn trào của nỗi xúc động, lúc lắng đọng, lúc chơi vui, nỗi nhớ, niềm băng khuâng, đồng thời tạo nhạc điệu đa diết, xao xuyến cho bài thơ.

Câu 3:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh [1], vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình [2].

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: Cho HS thảo luận nhóm đôi. GV có thể kết hợp câu hỏi này với câu hỏi 2 thành một phiếu học tập để HS thực hiện.

– Định hướng trả lời: Đoạn thơ trích dẫn trực tiếp lời đùa cợt tinh nghịch của bạn học nhằm làm sống động không khí tươi vui của tuổi học trò qua cái nhìn của chủ thể trữ tình. Dẫn lại nguyên văn lời thoại trong thơ cũng là cách thể hiện cảm xúc theo lối gián tiếp. Nhưng ngay sau đó, ở dòng thơ thứ tư, như không kìm nén được cảm xúc trỗi dậy của mình, chủ thể trữ tình lại thốt lên: *Ôi những trận cười trong sáng đó lao xao*. Việc đan xen các mẫu đối thoại mang yếu tố tự sự vào mạch trữ tình, kết hợp biểu cảm gián tiếp với biểu cảm trực tiếp như vậy khiến cho lời thơ trở nên đa dạng, linh hoạt, âm vang nhiều giọng nói hơn, kỉ niệm càng được khơi sâu, tươi tắn và đáng nhớ hơn.

Câu 4:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh [1], vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình [2]; Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức:

+ Cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi. GV có thể chuyển đổi hình thức của câu hỏi thành dạng phiếu học tập để HS thực hiện.

+ Hướng dẫn HS đọc lại khái niệm *cảm hứng chủ đạo*, sau đó, thảo luận trong nhóm nhỏ về cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

– Định hướng trả lời:

+ Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả trong bài thơ: *xa rồi, yêu dấu, nhớ, biết mấy, các bạn ơi, ta ơi, ôi*.

+ Những âm thanh, hình ảnh đặc biệt được dùng để thể hiện gián tiếp tình cảm của tác giả: *tiếng ve, tiếng cười, lớp học, cây bàng, hoa phượng, trò nghịch ngợm của tuổi học sinh, mái tóc bạc của thầy, màu tím của hoa súng, màu đỏ của hoa phượng, màu vàng của hoa muống...*

+ Cảm hứng chủ đạo: ngợi ca pha lẫn tiếc nuối những kỉ niệm tuyệt đẹp của tuổi hoa niên, của tình yêu đầu đời.

Câu 5:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh [1], vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình [2].

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: Cho HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm lớn kết hợp với kĩ thuật khăn trải bàn.

– Định hướng trả lời: “Chiếc lá đầu tiên” là hình ảnh có tính biểu tượng. Đó có thể là hình ảnh tượng trưng cho tình yêu đầu tiên mới chớm nở, cho cuộc hẹn hò đầu tiên, cho kỉ niệm đầu tiên, buổi học, năm học đầu tiên, cho những xao xuyến, băng khuâng lạ lẫm đầu tiên của tuổi học trò. Những gì có tính chất “đầu tiên” thường ban sơ, ngây ngô, trong trẻo, vì vậy chúng rất đẹp và để lại ấn tượng sâu đậm trong kí ức con người. Vì vậy, cho dù được hiểu với nghĩa nào thì hình ảnh “đầu tiên” đều gọi lên sự trong sáng, thơ ngây và những cảm xúc khó quên.

❖ Ý NGHĨA/ TÁC ĐỘNG CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỌC, CẢM XÚC VÀ SỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CÁ NHÂN VỀ TÁC PHẨM

Câu 6:

Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: Cho HS trả lời theo hình thức cá nhân.

– Định hướng trả lời: Đây là câu hỏi mở. GV nên khuyến khích nhiều câu trả lời khác nhau, miễn là câu trả lời của HS được rút ra từ VB và phù hợp với VB. Sau đây là gợi ý: Tuổi học trò nhiều kỉ niệm, tình cảm trong sáng, ngây thơ, nhiều trò nghịch ngợm mà mỗi người chỉ được trải qua một lần trong đời. Vì thế, cần trân trọng từng giây phút được ngồi trên ghế nhà trường...

❖ BÀI TẬP SÁNG TẠO

GV hướng dẫn HS lựa chọn hình thức thể hiện cách cảm nhận về bài thơ theo hướng dẫn của SGK. Bài tập này hướng đến định hướng phân hoá trong dạy học và khuyến khích HS thể hiện cách cảm nhận riêng về bài thơ theo thể mạnh của từng cá nhân.

5. DẠY ĐỌC VĂN BẢN TÂY TIẾN

5.1. Trước khi đọc

– GV hướng dẫn HS chuẩn bị tâm thế đọc VB bằng cách mời HS chia sẻ hiểu biết của em về Tây Bắc và những người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

– Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 trong SGK, GV có thể cho HS xem một số hình ảnh về vùng đất Tây Bắc để các em có hiểu biết nền về địa hình, điều kiện thiên nhiên nơi đây, đồng thời kể một câu chuyện về người lính thời chống Pháp.

5.2. Đọc văn bản

– Tổ chức cho HS thực hành kĩ năng suy luận đã học ở VB 1 trong quá trình đọc VB 2.

– VB này tương đối ngắn nên GV có thể hướng dẫn và tổ chức cho HS đọc thành tiếng VB tại lớp. Trước khi đọc, GV có thể yêu cầu HS dựa trên việc đọc VB ở nhà hoặc đọc nhan đề và đọc lướt VB tại lớp, xác định giọng đọc phù hợp với VB. Sau khi đọc xong, GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc của HS theo các tiêu chí như: độ trôi chảy, chính xác, ngắt nghỉ, biểu cảm,...

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản *Tây Tiến*

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi
N1: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh [1a], vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình [1b].	[1a]: câu 3, câu 4 [1b]: câu 2, câu 3
N2: Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc [2a], cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB [2b].	[2a]: câu 1, câu 2 [2b]: câu 2
N3: Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc [3a]; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm [3b].	[3a]: câu 5a [3b]: câu 5b

5.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ TÌNH CẢM, CẢM XÚC CỦA NGƯỜI VIẾT THỂ HIỆN QUA VB

Câu 1:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc mà người viết thể hiện qua VB.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: HS trả lời cá nhân.

– Định hướng trả lời:

+ Bài thơ được chia làm 4 phần. Đoạn 1: Hình ảnh những cuộc hành quân gian khổ giữa thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng đầy thơ mộng, trữ tình; đoạn 2: Những kỉ niệm đẹp của đêm liên hoan đậm tình quân dân và vẻ đẹp thơ mộng, huyền ảo của Tây Bắc; đoạn 3: Hình ảnh người lính Tây Tiến với vẻ đẹp bi tráng và lãng mạn; đoạn 4: Lời thề Tây Tiến.

+ Sự vận động của mạch cảm xúc: Toàn bộ bài thơ là nỗi nhớ da diết khôn nguôi của nhà thơ Quang Dũng về đồng đội, về những năm tháng chiến đấu gắn bó cùng đoàn quân Tây Tiến. Do vậy, bài thơ là sự tuôn trào của nỗi nhớ. Mỗi đoạn thơ là một khía cạnh khác nhau của nỗi nhớ. Đoạn 1: Nhớ về những chặng đường hành quân giữa khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, dữ dội, nên thơ. Đoạn 2: Nhớ về những kỉ niệm của đêm liên hoan văn nghệ thấm tình quân dân và hình ảnh huyền ảo, thơ mộng của thiên nhiên. Đoạn 3: Nỗi nhớ về những kỉ ức về người lính Tây Tiến với vẻ đẹp lãng mạn, hào hoa, bi tráng. Kết thúc bài thơ, nỗi nhớ kết lại sâu lắng ở lời thề mãi mãi gắn bó với những ngày tháng đã qua.

❖ CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO VÀ GIÁ TRỊ THẨM MĨ CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ TRONG THƠ (TỪ NGỮ, HÌNH ẢNH, VẦN, NHỊP, ĐỐI, CHỦ THỂ TRỮ TÌNH)

Câu 2:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua VB; Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như chủ thể trữ tình [1b].

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức:

+ GV có thể kết hợp câu 1 và câu 2 để thiết kế thành phiếu học tập cho HS.

+ Huy động tri thức nền của HS về chủ thể trữ tình và cảm hứng chủ đạo trong thơ trước khi yêu cầu HS trả lời câu hỏi. Tổ chức cho HS trả lời theo hình thức cá nhân hoặc theo hình thức cặp đôi.

– Định hướng trả lời:

+ Những dòng thơ trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả: *Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi! Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi, Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói*. Tác dụng: Thể hiện trực tiếp tình cảm nhớ nhung da diết của tác giả, khẳng định cảm xúc bao trùm bài thơ là nỗi nhớ về binh đoàn Tây Tiến, tác động trực tiếp đến tình cảm của người đọc.

+ Chủ thể trữ tình của bài thơ là nhà thơ Quang Dũng, tuy nhiên, đây là kiểu chủ thể trữ tình ẩn (không phải kiểu chủ thể có nhân xưng, cũng không phải chủ thể nhập vai).

+ Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca vẻ đẹp bi tráng, lãng mạn của người lính trong đoàn quân Tây Tiến. Cơ sở xác định: những từ ngữ, dòng thơ thể hiện trực tiếp cảm xúc của nhà thơ hoặc ở cách nhà thơ lựa chọn hình ảnh, từ ngữ, phối hợp vần, nhịp, thanh điệu để khắc hoạ vẻ đẹp của hình ảnh thiên nhiên và con người miền Tây.

Câu 3:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối.

Gợi ý tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: GV có thể hợp câu 3 và câu 4 thành một vấn đề hoặc phiếu học tập và chia nhiệm vụ để các nhóm cùng thực hiện.

– Định hướng trả lời:

+ Hình ảnh thiên nhiên: hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt nhưng mỹ lệ, trữ tình, huyền ảo (*suông lấp, hoa về, đêm hơi, dốc, cồn mây, mưa xa khơi, thác gầm thét, cọp trêu người, dốc lên khúc khuỷu, heo hút cồn mây,...*); thể hiện hệ thống từ ngữ giàu chất tạo hình (*khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút*), cách sử dụng từ ngữ độc đáo (dùng từ *thăm thẳm* vốn chỉ độ sâu để tả độ cao, cặp từ trái nghĩa *lên – xuống*), một số biện pháp tu từ (điệp từ *dốc*, điệp ngữ *ngàn thước*, đảo ngữ *heo hút*, phép nhân hoá *thác gầm thét, cọp trêu người,...*); thể hiện qua cách phối hợp thanh điệu độc đáo (có những câu thơ sử dụng nhiều thanh trắc kết hợp với những câu thơ toàn thanh bằng qua cách gieo vần: có những dòng thơ nhiều thanh trắc phối hợp với dòng thơ toàn thanh bằng;...).

+ Hình ảnh con người: hiện lên qua hoài niệm, vừa đậm chất hiện thực vừa mang vẻ đẹp lãng mạn, bi tráng (*đoàn quân mới, Anh bạn dãi dầu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời*); tâm hồn mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm khí phách hào hùng (*Hoa về trong đêm hơi, Heo hút cồn mây súng ngửi trời, mùa em*); cách sử dụng từ ngữ táo bạo (*ngửi,...*); cách phối hợp thanh bằng ở dòng thơ *Mai Châu mùa em thơm nếp xôi,...*

Câu 4:

Mục tiêu: Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối.

Gợi ý tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: GV có thể nhóm câu 3 và câu 4 thành một vấn đề hoặc phiếu học tập để hướng dẫn HS thực hiện và chia nhiệm vụ để các nhóm cùng thực hiện.

– Định hướng trả lời:

+ Vẻ đẹp của người lính trong đoạn 3 được khắc họa qua những phương diện như: vẻ bề ngoài, tâm hồn, lí tưởng sống. Đó là bức chân dung người lính với vẻ đẹp lãng mạn và bi tráng.

+ Điểm khác biệt giữa vẻ đẹp của người lính trong đoạn 3 so với đoạn 2: Nếu ở đoạn 2, người lính hiện lên với tâm hồn lãng mạn, hào hoa, lạc quan, yêu đời thì ở đoạn 3 bên cạnh những nét đẹp ấy, hình ảnh người lính còn được khắc họa với vẻ đẹp bi tráng. Tác giả không hề che giấu những mất mát, hi sinh, khó khăn, vất vả khi miêu tả chân dung người lính Tây Tiến; tuy nhiên, trước những nghịch cảnh ấy, người lính Tây Tiến vẫn hiện lên với vẻ đẹp hào hùng, oai phong,凛冽.

❖ Ý NGHĨA/ TÁC ĐỘNG CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỌC

Câu 5:

Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc.

Gợi ý tổ chức và đáp án:

– Gợi ý tổ chức: Hướng dẫn HS trả lời theo hình thức cá nhân.

– Định hướng trả lời:

a. Đây là câu hỏi mở. GV có thể khuyến khích HS trả lời theo nhiều cách khác nhau miễn là dựa trên VB và hợp lí. Sau đây là một số nội dung gợi ý tham khảo: Hiểu thêm về cuộc sống chiến đấu gian khổ, đầy hi sinh, mất mát của họ; hiểu thêm về tâm hồn, ước mơ, lí tưởng của họ trong cuộc kháng chiến, lí giải được phần nào sức mạnh tinh thần của con người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược,...

b. Đây cũng là câu hỏi mở. Gợi ý tham khảo: Những kỉ niệm ấy có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là một vùng kí ức sâu đậm, đẹp đẽ, thiêng liêng của hồn thơ Quang Dũng. Từ đó có thể nhận thấy kí ức là động lực, là điểm tựa cho hiện tại.

6. DẠY ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

Lưu ý chung: Đây là VB truyện được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Nâng niu kỉ niệm*. GV hướng dẫn HS tập trung khai thác các nội dung kết nối chủ điểm.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1:

– Gợi ý tổ chức: Có thể tổ chức cho HS suy nghĩ và trả lời theo hình thức cá nhân.

– Định hướng câu trả lời: Khi bước vào khu vườn có ngôi nhà của bà, điều khiến Thanh cảm thấy “nghe hóng, mừng rỡ, bình yên, thư thái, dịu ngọt...” là: sự vẹn nguyên của không gian xưa; hình ảnh thân thương của người bà; sự tĩnh lặng, bình yên, ấm áp của căn nhà xưa; tình cảm e ấp, ngọt dịu không thể nói thành lời với người thiếu nữ năm nào,... Tất cả những điều ấy đã tạo nên sự khác biệt giữa không gian bên trong và bên ngoài khu vườn. Không gian bên trong là không gian của kí ức ngọt ngào, của tình yêu thương, của sự bình yên nơi tâm hồn; đó là điều mà không gian xô bồ, ồn ào bên ngoài khu vườn không bao giờ có được. Sự khác biệt ấy đã xoa dịu, nâng đỡ tâm hồn Thanh sau những ồn ào, mệt mỏi, tấp nập của đời sống phố thị.

Câu 2:

– Gợi ý tổ chức: Có thể tổ chức cho HS trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm kết hợp với kĩ thuật khăn trải bàn.

– Định hướng câu trả lời:

+ Một vài hình ảnh thể hiện sự đan xen giữa quá khứ và hiện tại: mùi hương thoang thoảng của cây hoàng lan trong hiện tại với hình ảnh cái cây chàng thường hay chơi nhặt hoa dưới gốc thuở nhỏ; hình ảnh bà ở hiện tại với cái cảm giác được bà che chở, chăm sóc như những ngày còn nhỏ; hình ảnh cô thiếu nữ xinh xắn của hiện tại với hình ảnh cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn năm nào,...

+ Sự đan xen ấy đem đến cho người đọc cảm nhận quá khứ gắn bó mật thiết với hiện tại, quá khứ nâng đỡ hiện tại,...

Câu 3:

– Gợi ý tổ chức: Có thể tổ chức cho HS trả lời theo hình thức cá nhân. Với câu hỏi này, GV nên khơi gợi, nhắc nhở cho HS về kĩ năng đọc hiểu nhân vật trong truyện ngắn, trong đó đặc biệt lưu ý phương diện cảm xúc của nhân vật được miêu tả qua VB. Sau đó HS sử dụng kết hợp kĩ năng suy luận để hiểu thêm về nhân vật Thanh.

– Định hướng câu trả lời:

+ Với yêu cầu “Những kỉ niệm tuổi thơ nào trở về với Thanh khi về thăm bà? Những kỉ niệm ấy gợi lên trong Thanh cảm xúc gì?”, HS cần xác định chính xác câu trả lời dựa vào VB.

+ Tuy nhiên yêu cầu “Những kỉ niệm ấy giúp chúng ta hiểu thêm điều gì về nhân vật này?” là câu hỏi mở nên GV có thể chấp nhận nhiều cách trả lời khác nhau từ HS nhưng cần đảm bảo câu trả lời hợp lí và được thực hiện dựa trên kĩ năng suy luận.

Nội dung trả lời gợi ý tham khảo như sau: Những kỉ niệm tuổi thơ trở về với Thanh khi về thăm bà: kỉ niệm về căn nhà, khu vườn quen thuộc; kỉ niệm về ngày cha mẹ hãy còn sống; kỉ niệm về bà, về cô bé hàng xóm tên Nga, về cây hoàng lan,... Những kỉ niệm ấy gợi lên trong Thanh niềm xúc động lẫn cảm nhận về sự bình yên, êm ả, ấm áp khi trở về nhà. Điều đó cho thấy Thanh cũng là một người rất nhạy cảm, tinh tế.

Câu 4:

- Gợi ý tổ chức: Có thể tổ chức cho HS trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.
- Định hướng câu trả lời: HS có thể có nhiều cách trả lời khác nhau dựa trên cơ sở cảm nhận của các em về VB. GV có thể tham khảo gợi ý sau: Tình cảm của Thanh và Nga vừa có sự pha trộn giữa những kí ức đẹp đẽ của tuổi thơ với những ngọt ngào, e ấp, ý nhị của tình cảm đôi lứa. HS có thể dựa vào những chi tiết trong VB để cảm nhận về điều đó: Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật; có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình; và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước,...

Câu 5:

- Gợi ý tổ chức: Có thể tổ chức cho HS trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.
- Định hướng câu trả lời: Hai từ *đi, về* ở đây đều nhiều hơn một nghĩa. *Trở về* mới là cái đích. *Đi* là để được học hỏi, mở mang để trở về với quê hương, cũng là để hiểu hơn về giá trị của những gì tưởng chừng rất đời thường, bình dị. Những ngày tháng xa nhà thường khiến người ta dễ cảm nhận hơn giá trị của những vùng kí ức thân thương, dịu ngọt. Tình cảm của những người thân yêu, mái nhà quen thuộc của thuở ấu thơ,... tất cả những điều đó luôn đem đến cho ta những gì bình yên, thanh thản, ấm áp nhất. *Đi* để mở mang hiểu biết, để hiểu hơn chính mình và cũng để tìm kiếm những cái được gọi là giá trị đích thực, trong đó có những thứ vốn dĩ vẫn luôn sẵn lòng dang rộng vòng tay yêu thương chờ đón ta trở về là gia đình và quê hương. *Đi* xa để rồi trở về và càng cảm thấy trân quý hơn những kí ức ngọt ngào, hạnh phúc, đông đầy yêu thương bên mái nhà xưa. *Trở về* cũng là để *đi* xa hơn trong sự nhận thức về bản thân và cuộc sống quanh ta.

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VĂN BẢN NẮNG MỚI

Đây là VB để HS tự đọc VB tương đương về thể loại thơ. SGK đã đưa ra một số câu hỏi định hướng giúp HS thực hiện các bước đọc VB mở rộng theo thể loại này. GV dành khoảng 15 phút, căn cứ vào đó để HS tự đọc và tự trả lời các câu hỏi để rèn luyện cách đọc VB thơ. Sau khi kiểm tra kết quả đọc mở rộng của HS trên lớp, GV nên dành thời gian để hướng dẫn HS rút ra các kinh nghiệm đọc hiểu VB theo đặc trưng thể loại thơ. GV để HS rút ra kinh nghiệm đọc, trao đổi, thảo luận và lưu giữ các sản phẩm học tập liên quan đến bài học kinh nghiệm về đọc thơ trong hồ sơ học tập. GV có thể sử dụng bảng kiểm để HS tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của bản thân.

Sau đây là nội dung câu trả lời gợi ý:

Câu 1: Tình cảm, cảm xúc thương nhớ người mẹ được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh: *Lòng rệu buồn theo thời dī vãng; Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời; Hình dáng mẹ tôi chưa xoá mờ.*

Câu 2: Cách ngắt nhịp đều đặn, chủ yếu của bài thơ là 4/3, trừ câu thứ hai ngắt nhịp 2/2/3, gieo vần chủ yếu là vần thông. Tác dụng: thể hiện cảm xúc trầm buồn, nhớ thương.

Câu 3: Kí ức về mẹ trong tâm tưởng của nhân vật “tôi” gắn liền với hình ảnh mẹ đưa áo ra giặt phơi mỗi khi có nắng mới về. Bên song cửa ngập tràn “nắng mới”, vào khoảnh khắc yên ắng, tĩnh lặng của một buổi trưa buồn, bất chợt nhìn ra giặt thưa, nhà thơ bắt gặp hình ảnh quen thuộc của mẹ lúc còn sống. Những kí ức thân thương về mẹ sống dậy trong tâm tưởng của nhà thơ từ hình dáng thấp thoáng sau chiếc “áo đỏ” đến “nét cười đen nhánh sau tay áo”. Ở khổ thơ thứ hai, hình ảnh người mẹ chưa được khắc hoạ trực tiếp mà chỉ thoáng ẩn hiện sau màu áo đỏ, sau lưng giặt thưa đậm màu nắng mới. Có lẽ đó là những kí ức đẹp đẽ, thân thương nhất về người mẹ còn đọng lại trong tâm trí của một đứa trẻ lên mười nên cả không gian ấy trong cảm nhận của nhà thơ thật tươi vui, đầy sức sống “nắng mới reo ngoài nội”. Màu đỏ của chiếc áo đã làm cho hình ảnh người mẹ phơi áo trở thành một điểm son trong nỗi nhớ về tuổi thơ của nhân vật “tôi”. Sang đến khổ 3, chân dung người mẹ dần hiện ra rõ nét hơn với một “nét cười” vừa lấp lánh toả sáng, vừa kín đáo, nhẹ nhàng. Đến đây, hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm tưởng nhà thơ với đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ của người phụ nữ Việt thuở xưa.

Câu 4: Cảm hứng chủ đạo, xuyên suốt tác phẩm là nỗi nhớ về người mẹ trong kí ức tuổi thơ của tác giả. Cảm hứng đó thể hiện giá trị đạo đức truyền thống của người Việt Nam, đó là tình cảm yêu thương gia đình.

8. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

GV dành khoảng 10 phút hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh mục *Tri thức tiếng Việt* với hai nội dung: *Lỗi về trật tự từ trong câu* (Cách sắp xếp trật tự từ không hợp lí trong câu khiến câu mơ hồ về nghĩa, sai lô-gíc hoặc không diễn đạt đúng nội dung mà người viết muốn thể hiện) và *Cách sửa* (Sắp xếp lại trật tự từ hợp lí để có thể diễn tả đúng nội dung muốn thể hiện). Sau đó, tổ chức cho HS thực hành. GV có thể tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung trên theo cách hướng dẫn đã được trình bày ở phần *Dạy học Tri thức Ngữ văn*.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Bài tập 1: Có thể trình bày nội dung câu hỏi trên phiếu học tập và tổ chức cho HS hợp tác để hoàn thành bài tập. GV hướng dẫn HS đọc lại bài tập và thực hiện hai yêu cầu sau:

- Chỉ ra lỗi về trật tự từ của câu.
- Sắp xếp lại trật tự từ để sửa lỗi.

Phiếu học tập có thể được thiết kế như sau:

Câu	Lỗi về trật tự từ	Cách sửa
a. Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có duy nhất ở Việt Nam trên kênh VTC.		
b. Tên trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm ở trụ sở công an.		
...		

Định hướng câu trả lời gợi ý:

– Câu a: Cụm từ “ở Việt Nam” bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “chỉ có”. Cách sắp xếp trật tự từ trong câu a khiến cho người đọc hiểu nhầm là “Giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có ở Việt Nam và chỉ có trên kênh VTC”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý “Ở Việt Nam, giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có trên kênh VTC”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như đề bài đã cho khiến câu không diễn đạt đúng nội dung mà người viết muốn thể hiện.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Ở Việt Nam, giải vô địch bóng đá Đông Nam Á (AFF Cup) chỉ có trên kênh VTC.*

– Câu b: Cụm từ “ở trụ sở công an” có thể bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “thực hiện nhiều vụ trộm”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý hành động khai báo của tên trộm diễn ra ở “trụ sở công an”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như trên khiến câu trở nên mơ hồ về nghĩa.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Ở trụ sở công an, tên trộm khai nhận đã thực hiện nhiều vụ trộm.*

– Câu c: Trong câu này, việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc.

Cách sửa: *Họ nằm xuống, úp cái nón lên mặt, ngủ một giấc cho đến chiều.*

– Câu d: Trong câu này, việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc.

Cách sửa: *Anh ấy từ tốn nói lời chào tôi, đóng cửa lại rồi đi vào nhà.*

– Câu đ: Các từ ngữ “nổi tiếng”, “của Mỹ” bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “ngày tận thế”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý “Đây là bộ phim nổi tiếng của Mỹ...”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như ngữ liệu đã cho khiến câu trở nên mơ hồ về nghĩa.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Đây là bộ phim nổi tiếng của Mỹ về ngày tận thế.*

– Câu e: “Kiên cường” có thể bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho “thực dân Pháp”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý “cuộc đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như trên khiến câu trở nên mơ hồ về nghĩa.

Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Trong cuộc đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp, nhân dân ta đã thể hiện một sức sống mãnh liệt.*

Bài tập 2: GV hướng dẫn HS tìm 2 câu mắc lỗi sai trên báo chí. Sau đó, tổ chức cho HS thảo luận theo cặp để trao đổi kết quả tìm kiếm và sửa lỗi với nhau. Tiếp theo, có thể cho đại diện HS trình bày kết quả làm việc nhóm trước lớp hoặc sử dụng kĩ thuật phòng tranh để HS trưng bày sản phẩm của nhau.

Bài tập 3: GV hướng dẫn HS đọc kĩ các cặp câu a_1 và a_2 , b_1 và b_2 , c_1 và c_2 ; so sánh sự khác nhau về trật tự từ và nghĩa giữa các cặp câu. Trên cơ sở đó, hướng dẫn HS xác định không thể chấp nhận việc thay đổi trật tự từ như ở các câu a_2 , b_2 và c_2 . Cụ thể như sau:

– Cặp câu a_1 và a_2 : Trong câu a_2 , việc sắp xếp trật tự các hành động không hợp lí (không thể xếp “cúi mình nhìn ra phía ao” trước “lẳng lặng ngồi dậy”) khiến câu sai lô-gíc. Do vậy, sự thay đổi trật tự từ như ở câu a_2 là không thể chấp nhận được.

– Cặp câu b_1 và b_2 : Trong câu b_2 , việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc. Do vậy, việc thay đổi trật tự từ như ở câu b_2 là không thể chấp nhận được.

– Cặp câu c_1 và c_2 : “Xinh xắn” trong câu c_1 được Thạch Lam dùng để bổ sung ý nghĩa cho “hai bàn chân”, tuy nhiên trong câu c_2 , từ ngữ này lại được sắp xếp theo cách bổ sung ý nghĩa cho “Nga”. Câu c_1 trong VB *Dưới bóng hoàng lan* vốn được Thạch Lam sử dụng để miêu tả những cảm nhận của Thanh khi đi dạo trong vườn nhà, đặc biệt gọi nhớ những kỉ ức đẹp đẽ của Thanh về Nga. Do đó cách sắp xếp trật tự từ như trong câu c_1 mới phù hợp với nội dung miêu tả. Còn cách sắp xếp trật tự từ như trong câu c_2 lại khiến nội dung miêu tả cảm nhận của nhân vật Thanh mất đi vẻ kín đáo, ý nhị ban đầu. Vì vậy, cách thay đổi trật tự từ ấy không thể chấp nhận được.

Bài tập 4: GV hướng dẫn HS nhận xét việc sắp xếp trật tự các vế trong câu dựa trên việc xác định nội dung thông tin miêu tả của câu. Câu văn có ba vế (được ngăn cách với nhau bằng dấu chấm phẩy), sắp xếp các hành động của nhân vật Thanh theo một trình tự hợp lí. Vì vậy, chúng ta không thể thay đổi trật tự giữa các vế trong câu.

Lưu ý: GV cũng có thể chỉ ra rằng trong mỗi vế, còn có thể có sự sắp xếp các hành động của nhân vật Thanh theo một trình tự hợp lí (chẳng hạn, trong vế đầu tiên: *bước lên thêm, đặt va li trên chiếc trường kỉ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà*).

Bài tập 5: GV hướng dẫn HS đọc lại câu thơ và thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định (những) từ ngữ được sử dụng độc đáo trong câu thơ.
- Lí giải nét độc đáo trong cách sử dụng (những) từ ngữ ấy.

GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm để cùng nhau phát hiện những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ của câu thơ.

Định hướng câu trả lời gợi ý: Câu thơ “Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm” có những nét độc đáo sau trong cách sử dụng từ ngữ:

– Điệp từ “dốc” được đặt ở đầu hai vế gọi cảm giác những con đường dốc nối tiếp nhau.

– Từ ngữ giàu chất tạo hình: *khúc khuỷu, thăm thẳm,...* đã diễn tả đặc địa sự hiểm trở và độ cao ngất trời của núi rừng Tây Bắc.

– Từ láy *thăm thẳm* vốn được dùng chỉ độ sâu hay xa đến mức hút tầm mắt, nhìn không thấy đâu là cùng, là tận. Từ “thăm thẳm” khi kết hợp với từ “dốc” gọi cảm giác dốc lên hoặc xuống sâu hun hút, không thể nhìn thấy đỉnh hay đáy, địa hình dốc dựng đứng.

...

Bài tập 6: GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

Với câu hỏi 6a, GV cần khơi gợi kiến thức nền của HS về cách sử dụng từ Hán Việt trước khi HS thảo luận để trả lời câu hỏi. Để hướng dẫn HS trả lời câu hỏi này, trước tiên GV cần hướng dẫn HS xác định từ Hán Việt trong đoạn thơ, sau đó chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng hệ thống từ Hán Việt trong đoạn thơ.

Với câu hỏi 6b, GV nhắc nhở HS đọc lại toàn đoạn thơ để xác định nghĩa của cụm từ “về đất”, cần căn cứ vào những từ ngữ xuất hiện trong những dòng thơ trước và sau nó để xác định nghĩa của cụm từ.

Định hướng câu trả lời:

a. Những từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn thơ: *oai hùng, biên giới, biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành,...* Hiệu quả của việc sử dụng từ Hán Việt trong đoạn thơ:

– Đoạn thơ tuy có đề cập đến sự hi sinh, mất mát của những người lính Tây Tiến nhưng việc sử dụng những từ Hán Việt trong đoạn thơ với sắc thái trang trọng, thiêng liêng đã làm giảm đi phần nào ấn tượng hải hùng về cái chết, đồng thời thể hiện thái độ thành kính, trân trọng đối với những người đã khuất.

– Ngoài ra, chính sắc thái cổ kính của những từ Hán Việt khiến cho hình ảnh những năm mờ nằm lại nơi rừng sâu lạnh lẽo, hoang vắng mang không khí tôn nghiêm, vĩnh hằng.

b. Cụm từ “về đất” ý muốn nói đến sự hi sinh, trở về với đất mẹ của những người lính Tây Tiến. Chúng ta có thể xác định ý nghĩa của cụm từ dựa vào ngữ cảnh (những từ ngữ xuất hiện trước và sau cụm từ như “mồ viễn xứ”, “chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”, “áo bào thay chiếu”, “gầm lên khúc độc hành”,...). Tác giả đã dùng biện pháp nói giảm, nói tránh trong trường hợp này. Hiệu quả của biện pháp này là:

– Làm giảm nhẹ đi nỗi đau đớn, xót xa khi nói về sự hi sinh của những người lính Tây tiến.

– Vĩnh viễn hoá sự hi sinh cao đẹp của những người lính Tây Tiến vì với họ chết không phải là hết mà là sự trở về với đất mẹ thân yêu; thâm lặng, thanh thản như một chiến sĩ hoàn thành nhiệm vụ.

8.3. Từ đọc đến viết

GV lưu ý HS:

– Viết ngắn, trong trường hợp này có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập một đoạn văn trong thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh, viết đúng yêu cầu về đặc điểm hình thức và nội dung của đoạn văn. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– *Đọc nhanh* đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, có cả yêu cầu về đề tài (viết về cái gì?) và yêu cầu về hình thức (hình thức trình bày của sản phẩm bài viết là gì?);

– *Xác định nhanh* nội dung của đoạn văn (Kỉ niệm gì? Kỉ niệm gắn với ai? Kỉ niệm ấy sâu sắc như thế nào?...).

– *Viết bản thảo* đoạn văn đồng thời, *đọc lại và chỉnh sửa*.

GV nhận xét, đánh giá và gợi ý hướng chỉnh sửa cho bài tập của HS. GV có thể hướng dẫn HS viết đoạn văn ở trên lớp và cho HS về nhà viết. Việc trình bày sản phẩm và chỉnh sửa, nhận xét, rút kinh nghiệm sẽ thực hiện ở tiết *Ôn tập* hoặc GV có thể tổ chức cho HS dán đoạn văn trên bản tin học tập của lớp.

DẠY HỌC PHẦN VIẾT

Lưu ý chung: GV hướng dẫn HS dựa theo quy trình 4 bước: 1. Chuẩn bị viết, 2. Tìm ý, lập dàn ý, 3. Viết bài, 4. Xem lại và chỉnh sửa.

Dưới đây là một số nội dung gợi ý về việc dạy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (thơ): chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Trong HK1, HS đã được học kiểu bài *Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật* và tác dụng của chúng, trong bài này, HS sẽ tiếp tục học kiểu bài này nhưng tập trung vào việc phân tích, đánh giá một bài thơ. Vì thế, GV có thể nêu câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về kiểu bài. Ví dụ: Kiểu bài *phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng* có đặc điểm gì? Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV bổ sung, giảng giải ngắn về kiểu bài, đặc điểm kiểu bài, nhấn mạnh những yêu cầu đối với việc phân tích, đánh giá một bài thơ.

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

Tiến trình hướng dẫn HS phân tích kiểu ngữ liệu được tổ chức như sau:

- Đọc một lượt VB để nhận ra cấu trúc của VB gồm 3 phần.
- Lần lượt đọc, đọc, quan sát kĩ những dấu hiệu trong từng đoạn VB (được thể hiện bằng các con số), dừng lại sau mỗi đoạn và đối chiếu với thông tin trong mục *Yêu cầu đối với kiểu bài* để nắm được các đặc điểm của kiểu bài.
- Đọc và trả lời các câu hỏi sau VB mẫu để tiếp tục khắc sâu tri thức về kiểu bài.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

GV giao đề bài (vừa đọc to, vừa ghi lên bảng, có thể yêu cầu một vài HS nhắc lại đề bài).

3.2. Hướng dẫn HS thực hành quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài, mục đích viết và người đọc

Tổ chức cho HS thảo luận, xác định kiểu bài, yêu cầu của kiểu bài, người đọc, mục đích viết (thực hiện tại lớp).

Thu thập tư liệu

Hướng dẫn nhóm 2 HS về nhà thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Chọn bài thơ mà nhóm yêu thích nhất, gọi cho nhóm nhiều cảm xúc nhất.
- Đọc bài thơ nhiều lần, đọc thầm, đọc diễn cảm để cảm nhận vẻ đẹp của âm thanh, nhạc điệu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Tổ chức cho HS thảo luận trên lớp để thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Xác định chủ đề bài thơ.
- Xác định những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ, ví dụ: đặc sắc về kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,... và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.
- Điền vào phiếu thông tin theo mẫu trong SGK *Ngữ văn 10*, tập hai, tr. 20.

Lập dàn ý

Tổ chức cho các nhóm:

- Điền vào sơ đồ dàn ý theo mẫu trong SGK (có thể làm trên giấy A0).
- Mời các nhóm treo sơ đồ lên bảng để cả lớp cùng thảo luận.

Bước 3: Viết bài

Hướng dẫn HS tìm hiểu bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm trữ tình, sau đó, cho HS viết tại lớp hoặc ở nhà tùy vào việc phân bổ thời gian cho hoạt động viết.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa

Bước này có thể thực hiện qua hai hoạt động:

- Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài viết kể lại trải nghiệm của bản thân* và để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nên dùng bút khác màu để điều chỉnh.
- Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.
- Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách viết bài.

DAY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Đề tài nói và nghe ở đây là *Giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học*.

Lưu ý chung: Đề tài nói và nghe trong bài này liên quan đến kĩ năng nghe. Tuy nhiên, việc dạy nghe không thể tách rời khỏi hoạt động nói (trình bày). Vì thế để tổ

chức cho HS hình thành kĩ năng này, GV có thể kết hợp với giờ học về kĩ năng *giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học* để tổ chức cho HS rèn luyện kĩ năng nghe. GV có thể kết hợp dạy lí thuyết về kĩ năng nghe cùng với kĩ năng giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học trước khi tổ chức cho HS luyện tập, trình bày 2 kĩ năng.

Đây là đề tài HS đã thực hiện ở hoạt động viết. Vì thế một số bước chuẩn bị bài nói theo quy trình HS hoàn toàn có thể dựa vào bài viết, nhất là các khâu xác định đề tài, tìm ý, lập dàn ý. Tuy nhiên, nói và nghe có những yêu cầu riêng, GV cần lưu ý HS đối với từng bước trong quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Khác với bài viết, bài nói cần xác định mục đích nói và người nghe, không gian, thời gian nói. GV hướng dẫn HS xác định các yếu tố trên của hoạt động nói và nghe dựa vào gợi ý trong SGK.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

GV lưu ý HS: Việc giới thiệu, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học là trình bày trực tiếp với người nghe cụ thể trong một không gian, thời gian xác định. Vì thế cần chuẩn bị ý tưởng theo yêu cầu của bài nói và nên có cách thức trình bày bài nói sao cho hiệu quả. Nếu được, GV nên giới thiệu cho HS một mẫu giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm văn học để HS phân tích, học cách tìm ý cho bài nói của mình.

Lập dàn ý

GV hướng dẫn HS sử dụng dàn ý của bài viết điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của bài nói như đánh dấu một số ý chính, sau đó nghĩ cách chuyển những ý này thành nội dung chính của bài nói; sắp xếp và dự kiến thời điểm, cách thức sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi trình bày bài nói.

Luyện tập

Trước khi HS luyện tập và trình bày, GV cần chú ý hướng dẫn HS:

– Thảo luận các tiêu chí đánh giá bài trình bày, cùng HS thảo luận về các tiêu chí đánh giá (theo gợi ý từ bảng kiểm trong SGK). Nếu HS thấy tiêu chí chưa hợp lí thì có thể điều chỉnh nhưng cần lập luận cho ý kiến của mình.

– Hướng dẫn HS cách sử dụng bảng kiểm sau khi đã thống nhất trước khi luyện tập, trình bày.

GV hướng dẫn HS một số cách luyện tập ở nhà. Trước hết là tập phát âm to, rõ ràng; tập điều chỉnh cao độ, nhịp độ, tập biểu cảm. Sau đó, GV lưu ý HS cách chuyển nội dung trong bài viết thành nội dung của bài nói thông qua lựa chọn những từ ngữ thích hợp của ngôn ngữ nói và quen thuộc với người nghe, tránh dùng ngôn ngữ viết và đọc lại bài viết. Đồng thời lưu ý HS tập thói quen điều chỉnh giọng điệu (cao độ, âm lượng, tốc độ), tập kết hợp giọng điệu với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... sao cho phù hợp.

Nếu không yêu cầu HS luyện tập ở nhà thì khi đến lớp, GV có thể tổ chức HS luyện tập theo nhóm đôi. Trong quá trình HS luyện tập, trình bày, GV có thể quan sát, lắng nghe, khen ngợi, khuyến khích và góp ý cho HS, nhưng tránh áp đặt, can thiệp sâu vào việc thể hiện ý tưởng của HS.

Bước 2: Trình bày bài nói

GV hướng dẫn HS sử dụng một số kỹ thuật trình bày như dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước, sử dụng những tờ giấy nhỏ để viết; ghi chú ngắn gọn, súc tích nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ,... Sử dụng các phương tiện nghe, nhìn trong khi thực hiện bài nói, chọn vị trí đứng thuận lợi cho việc giao lưu, tiếp cận khán thính giả. Trước khi HS trình bày, GV lưu ý HS cách trình bày theo các trình tự linh hoạt, tuy nhiên khuyến khích trình bày từ khái quát đến cụ thể.

Khi HS trình bày trong nhóm hoặc trước lớp, GV nhắc các HS khác trong nhóm hoặc lớp chú ý lắng nghe, ghi chép để có thể góp ý dựa trên bảng kiểm sau khi kết thúc phần trình bày.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

SGK hướng dẫn khá kỹ về hai hoạt động này, GV căn cứ vào đó để tổ chức cho HS thực hiện hai hoạt động trao đổi và đánh giá trên cơ sở lần lượt đặt mình vào vai người nói, vai người nghe.

Trong vai trò là người nói: HS biết lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.

Trong vai trò là người nghe: HS biết lắng nghe bài trình bày của bạn mình, biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, hình thức của bài trình bày của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt.

GV nhắc HS dù ở vai nào cũng phải tôn trọng các ý kiến khác với ý kiến của mình; có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe,...

Đánh giá

GV hướng dẫn HS tập đánh giá theo các tiêu chí đã được thống nhất; tập đánh giá bài nói từ cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe.

Đề tài nói và nghe: Nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

GV hướng dẫn HS hình thành kỹ năng nghe theo các bước sau:

Trước tiên, GV nên cùng với HS xác định một số tình huống cụ thể trong cuộc sống cần dùng đến kỹ năng nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói; nhận xét đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

Bước 1: Chuẩn bị nghe

Việc chuẩn bị ở bước này có một số lưu ý khác với kỹ năng nói nên GV nhắc HS đọc kỹ những hướng dẫn trong SGK. Trước khi tìm hiểu những hướng dẫn trong SGK về bước này, GV có thể sử dụng kỹ thuật KWL để kích hoạt hiểu biết nền của HS về kỹ năng này.

Ngoài ra, khi hướng dẫn những nội dung này, GV cũng có thể đặt câu hỏi hướng dẫn HS tìm hiểu tác dụng của việc thực hiện những lưu ý đó để hình thành nhận thức cho HS về vai trò quan trọng của bước này khi thực hiện hoạt động nghe.

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

Để hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung này GV có thể tổ chức như sau:

- Cho HS liệt kê những việc cần làm trong khi nghe người khác trình bày một ý kiến, quan điểm nào đó.
- Tổ chức cho HS trao đổi ý kiến theo cặp hoặc nhóm.
- Đọc nội dung về bước này được trình bày trong SGK, gạch chân những thông tin quan trọng, có thể đặt câu hỏi cho GV về những điều chưa rõ.
- Tìm hiểu tác dụng của những việc làm đó.
- Tự đánh giá xem từ trước đến nay bản thân HS khi nghe trình bày về một ý kiến hay quan điểm nào đó đã làm và chưa làm được những gì theo hướng dẫn của SGK.

GV chú ý hướng dẫn cẩn thận, kỹ lưỡng cách HS ghi chép tóm tắt thông tin của bài trình bày. Trước khi HS thực hiện hoạt động nói và nghe, GV nên trao đổi với HS về nội dung bảng kiểm trong SGK và hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm này để luyện tập và trao đổi, đánh giá.

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

GV căn cứ vào sự hướng dẫn của SGK để tổ chức cho HS thực hiện hoạt động này. Đây là một trong những hoạt động quan trọng vì qua đó GV mới quan sát và đánh giá được HS đã thật sự biết nghe, nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói và nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó. Vậy nên, GV cần tạo nhiều cơ hội để HS được thực hành kỹ năng bằng cách tổ chức học nhóm hoặc sửa bài cho cả lớp để nhận xét, đánh giá và điều chỉnh cách thức thực hiện kỹ năng cho HS.

ÔN TẬP

GV hướng dẫn HS ôn tập theo bốn câu hỏi trong SGK. Dưới đây là một số gợi ý đáp án và cách thức thực hiện.

1. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập này theo hai bước: (1) tóm tắt những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của hai VB *Chiếc lá đầu tiên* và *Tây Tiến*; (2) hoàn tất cột thứ 2 trong bảng tóm tắt (làm vào vở).

Văn bản	Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật
<i>Chiếc lá đầu tiên</i>	
<i>Tây Tiến</i>	

2. Đây là câu hỏi mở. GV khuyến khích HS đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau nhưng cần căn cứ vào VB và hợp lí.

3. Đây là câu hỏi để HS tự đánh giá về những kỹ năng đã được học trong bài. GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi kết quả tự đánh giá với bạn cùng bàn hoặc theo nhóm nhỏ. Sản phẩm học tập của câu hỏi này nên được lưu giữ lại dưới hình thức hồ sơ học tập của từng HS.

4. GV yêu cầu HS vận dụng các trải nghiệm, nội dung suy ngẫm và phản hồi khi đọc hiểu 3 VB thơ để trả lời câu hỏi này.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Biết yêu lẽ phải và sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của đất nước.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt* (YCCĐ) như sau :

– Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính của VB. Xác định được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

– Xác định được ý nghĩa của VB. Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

– Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận. Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội.

– Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.

– Nhận biết được lỗi dùng từ (từ Hán Việt) và biết cách sửa các lỗi đó.

– Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

– Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

– Biết yêu lẽ phải và sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của dân tộc.

Các YCCĐ là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của 2 VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua các câu hỏi *Sau khi đọc*.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

– Về thể loại:

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thuộc thể loại văn nghị luận và hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với chủ đề *Anh hùng và nghệ sĩ*. Đó là chủ điểm xuyên suốt của bài học, thể hiện tinh thần tích hợp về nội dung dạy học và phát triển năng lực cho HS của bộ sách. Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn* nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– Về cấu trúc bài học:

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện trên tinh thần tích hợp, tương hỗ qua lại lẫn nhau, và về cơ bản, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu (riêng về hoạt động viết, có thêm ngữ liệu là một VB đọc tham khảo để HS trực quan về kiểu bài văn *nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm*, nhằm giúp HS dễ dàng nhận ra đặc điểm, bố cục, cách viết,...).

Đọc: Cụm ngữ liệu gồm 5 VB, trong đó, VB 1 *Bình Ngô đại cáo* và VB 2 *Thư lại dụ Vương Thông* (trích *Quân trung từ mệnh tập*) của Nguyễn Trãi thuộc thể loại nghị luận, là những ngữ liệu chủ yếu nhằm thực hiện YCCĐ: “Nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả”. VB 3 *Bảo kính cảnh giới* – bài 43 khác thể loại (là VB thơ trữ tình), nhưng cùng chủ đề *Anh hùng và nghệ sĩ*, được sử dụng để đọc kết nối chủ điểm. VB 4 *Dục Thúy sơn* cũng thuộc thể loại thơ trữ tình, nhằm hướng dẫn HS đọc mở rộng theo tác giả. VB 5 *Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ* (của Amadou – Mahtar M’Bow) thuộc thể loại văn nghị luận, nhằm hướng dẫn HS đọc mở rộng theo thể loại được cung cấp như là một gợi ý, có đặc điểm thể loại, nội dung và độ dài tương đương với 2 VB chính của bài học. GV chỉ hướng dẫn cách đọc để HS tự đọc ở nhà và tìm thêm các VB tương đương, tự đọc để đáp ứng yêu cầu đọc mở rộng trong năm học.

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ: Nhận biết được lỗi dùng từ (từ Hán việt) và biết cách sửa.

Viết, nói và nghe: HS bước đầu biết viết VB nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm; biết trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, các bằng chứng thuyết phục.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học *Anh hùng và nghệ sĩ* dự kiến được dạy trong thời gian 12 tiết, có thể phân chia như sau:

– Đọc: 8 tiết (VB 1: 3 tiết; VB 2: 2,5 tiết; VB 3 (đọc kết nối chủ điểm): 1 tiết, VB 4 và VB 5 (đọc mở rộng theo thể loại và tác giả, 1,5 tiết.

– Viết: 2 tiết

– Tiếng Việt: 1 tiết

– Nói – nghe: 1 tiết

Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học, GV có thể linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

– Kết hợp diễn giải ngắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến.

– Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...

– Tổ chức cho mọi HS đều có cơ hội thực hành đọc, viết, nói và nghe.

3.2. Phương tiện dạy học

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim về Nguyễn Trãi (nếu có thể).

– Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*trong khi đọc, sau khi đọc*) trong SGK thành phiếu học tập.

– Sơ đồ, biểu bảng.

– Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHẦN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB văn nghị luận. Vì thế, mục tiêu giúp HS “Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; phân tích được mối quan hệ và vai trò của chúng trong việc thể hiện

nội dung chính của VB; xác định được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân” sẽ là mục tiêu hàng đầu. Cùng với đó là các YCCĐ “Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận”, cũng như “Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này”.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu.

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc*, *Đọc VB*, *Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB.

Cũng cần lưu ý thêm rằng trong các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc* thường có những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGỮ VĂN

(Xem hướng dẫn chung ở các bài trước)

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo lời giới thiệu trong SGK và giới thiệu bài học một cách linh hoạt nhằm dẫn dắt đến câu hỏi lớn: “Sự kết hợp giữa khí phách anh hùng và tâm hồn nghệ sĩ có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống và văn chương?”.

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

Đây là những kĩ năng hình thành trong khi HS đọc VB ở trên lớp. Các câu hỏi *Trong khi đọc* được đặt ra là để HS biết dừng lại ở những điểm cần thiết khi đọc, tự trả lời trong đầu, để từ đó có thể rèn luyện các kĩ năng đọc (*theo dõi, suy luận, hình dung, dự đoán,...*) trong khi đọc VB bằng mắt. Trong bài học này, SGK chú trọng vào các kĩ năng *suy luận, hình dung, theo dõi, dự đoán,...* GV nên tập trung cho HS rèn luyện các kĩ năng này. Nhiều kĩ năng đã được luyện tập ở bài trước đến bài này cần được củng cố.

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO

2.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh câu hỏi nêu trong SGK.

4.2. Đọc văn bản

GV dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

– GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc bài cáo (có thể chọn nhiều HS, mỗi HS đọc một phần của bài cáo).

– GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc. Lưu ý HS: khi gặp các câu hỏi trong box và những chỗ được đánh dấu, HS dừng lại suy nghĩ nhanh, tự trả lời thầm trong đầu, nhằm tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng đọc.

– GV có thể yêu cầu HS trả lời một vài câu hỏi *Trong khi đọc* để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *liên hệ/ suy luận/ theo dõi/...* như thế nào. Nhận xét, góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục đọc VB.

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Tám câu hỏi trong khâu này thiết kế theo nguyên tắc bám sát các YCCĐ của bài học (SGK). GV dựa vào bảng tổng hợp (ma trận) dưới đây để điều phối, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo tinh thần nêu trên.

**Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập
đọc hiểu văn bản *Bình Ngô đại cáo***

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB [1a]; phân tích được mối quan hệ và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của VB [1b]”	[1a]: câu 1, 4 [1b]: câu 2, 3, 5
N2: “Xác định được ý nghĩa của VB [2a]; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết [2b]”	[2a]: câu 2 [2b]: câu 3
N3: “Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận [3a]; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội [3b]”	[3a]: câu 7, 8 [3b]: câu 8
N4: “Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này”	[3]: câu 3, 6
N5: “Biết yêu lẽ phải và sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của dân tộc”	[4]: câu 3, 8

Thực hiện khâu *Sau khi đọc*, GV có nhiều lựa chọn. Về trình tự triển khai nội dung (và ghi bảng), GV có thể thực hiện theo ba cách:

- Thứ nhất, theo đúng trình tự các câu hỏi trong SGK (lần lượt từng câu hỏi).
- Thứ hai, theo cấp độ nhận thức: *Nhận biết*: câu 1, 2; *Phân tích, so sánh*: câu 3, 4, 5, 6; *Vận dụng, đánh giá*: câu 7, 8.

– Thứ ba, theo nhóm vấn đề, kèm theo đề mục. Ví dụ:

- + Thể văn nghị luận của bài cáo: câu 1, 2
- + Bố cục, hệ thống luận điểm của bài cáo: câu 3, 4
- + Lí lẽ, bằng chứng trong từng luận điểm: câu 5, 6
- + Từ ngữ, thủ pháp nghệ thuật, giọng điệu tạo tác dụng biểu cảm: câu 7, 8

Dưới đây là một số gợi ý theo cách thứ ba.

4.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ **THỂ THỨC NGHỊ LUẬN CỦA BÀI CÁO** (Nhóm câu hỏi này hướng dẫn HS nhận biết các yếu tố cho thấy bài cáo thuộc thể văn nghị luận).

Câu 1, 2:

Mục tiêu: [1a, 1b] ở Ma trận trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời.

- *Nhan đề bài cáo có cho biết gì về hoàn cảnh ra đời và mục đích viết bài cáo không?*

Gợi ý: Mục đích viết bài cáo là công bố rộng rãi cùng toàn dân về công cuộc đánh dẹp giặc Minh (“bình Ngô”) thắng lợi. Hoàn cảnh ra đời: sau khi chiến thắng, đuổi sạch giặc Minh.

- *Bình Ngô đại cáo có nêu vấn đề gì ra để bàn luận không?*

Gợi ý: Vấn đề được nêu ra ở câu mở đầu bài cáo: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân; Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”. Đó là thực hiện nhân nghĩa – “trừ bạo” để “yên dân”.

- *Tính chất tuyên ngôn độc lập thể hiện như thế nào ở phần mở đầu bài cáo?*

Gợi ý: Phần mở đầu bài cáo ngoài việc nêu lên lập trường nhân nghĩa chân chính của dân tộc Đại Việt, còn đề cập đến những vấn đề lớn:

+ Nước Đại Việt là một nước có lãnh thổ riêng biệt với một nền văn hoá riêng biệt có bề dày lịch sử (“Như nước Đại Việt ta từ trước ... phong tục Bắc Nam cũng khác”).

+ Nước Đại Việt là một nước có chủ quyền, độc lập từ lâu đời với những triều đại tự chủ ngang hàng với lân bang (“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần ... xưng đế một phương”).

+ Nước Đại Việt là một nước có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và chiến thắng ngoại xâm qua nhiều triều đại (“Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau ... chúng có còn ghi”).

→ Do đó, phần này có ý nghĩa như một tuyên ngôn độc lập và giữ vai trò làm cơ sở lí luận cho các phần sau (Vì sao ta phải đánh giặc Minh? Việc đánh giặc diễn ra như thế nào? Kết quả của việc đánh giặc ra sao?).

❖ BỐ CỤC, HỆ THỐNG LUẬN ĐIỂM CỦA BÀI CÁO

Câu 3, 4:

Mục tiêu: [1a], [1b], [2b], [3], [4] ở Ma trận trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời

– Chứng minh “nhân nghĩa” trong câu mở đầu là một tư tưởng quan trọng xuyên suốt bài cáo.

Gợi ý: “Nhân nghĩa” là tư tưởng trọng yếu xuyên suốt bài cáo và được thể hiện nhất quán trong các phần của bài cáo như sau:

+ Ở phần 1, nó thể hiện qua quan điểm “nhân nghĩa” là trừ bạo để yên dân, gìn giữ chủ quyền chống lại bọn cướp nước. Đây chính là lí do có công cuộc “bình Ngô”.

+ Ở phần 2, nó là sự phơi bày những tội ác của giặc Minh trong niềm thương xót sâu sắc đối với dân lành và căm phẫn vô biên đối với quân giặc bạo ngược.

+ Ở phần 3, nó thể hiện ở tuyên ngôn của quân ta, đội quân chính nghĩa: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn; Lấy chí nhân để thay cường bạo”, ở cảm xúc bất nhẫn trước cảnh máu chảy đầu rơi của binh sĩ giặc do sự ngoan cố ngu xuẩn của bọn tướng lĩnh cầm đầu, ở “lòng hiếu sinh” tha bổng hàng binh giặc và cấp phương tiện cho về nước.

+ Ở phần 4, nó thể hiện ở niềm tự hào của một dân tộc đã chiến thắng trong tư thế chính nghĩa.

Phần 1 và các phần tiếp theo của bài cáo nối kết theo quan hệ nhân quả.

– Chỉ ra các luận điểm chính trong bài cáo.

Gợi ý: Bài cáo đưa ra một hệ thống gồm 4 luận điểm:

+ Nước Đại Việt là một nước có độc lập, chủ quyền và truyền thống đấu tranh bất khuất bảo vệ độc lập, chủ quyền ấy.

+ Giặc Minh xâm phạm độc lập, chủ quyền đất nước và gây ra vô số tội ác với nhân dân Đại Việt.

+ Quân dân Đại Việt khởi nghĩa chống giặc, trải qua bước đầu khó khăn đi đến thắng lợi rực rỡ, quét sạch giặc xâm lược

+ Tuyên bố hoà bình, độc lập, mở ra vận hội tươi sáng cho đất nước.

Ở mỗi luận điểm đều có những lí lẽ và bằng chứng cụ thể để chứng minh, thuyết phục. Luận điểm 1 nêu ra thực tế về đất nước Đại Việt có độc lập, chủ quyền từ nhiều đời và chứng cứ từ sách sử ghi lại về những thất bại nhục nhã của các triều đại phương Bắc khi đem quân sang xâm lược nước ta. Luận điểm 2 nêu ra vừa cụ thể, sinh động vừa có sức khái quát về những loại tội ác “trời không dung đất không tha” giặc Minh đã gây ra trên đất nước ta. Luận điểm 3 nêu ra những khó khăn trong buổi đầu khởi nghĩa và quyết tâm rèn tài, luyện chí của nghĩa quân; nhờ đó dẫn đến giai đoạn phản công thắng lợi với 4 chặng đường (những chiến thắng ban đầu, đợt diệt viện lần thứ nhất, đợt diệt viện lần thứ hai, chặng cuối – quét sạch tàn quân và tha hàng binh giặc). Luận điểm 4 nói lên nguyên nhân và ý nghĩa lớn lao của thắng lợi.

– Những luận điểm này được sắp xếp theo trình tự như thế nào? Cách sắp xếp này có hiệu quả ra sao?

Gợi ý: Những luận điểm này sắp xếp theo một trình tự lô-gíc liên kết với nhau chặt chẽ đi từ nguyên nhân đến hậu quả: 1. Độc lập, chủ quyền của Đại Việt là chính nghĩa, dân tộc Việt từ bao đời đã đấu tranh bất khuất bảo vệ chính nghĩa đó. 2. Thế mà giặc Minh ngang ngược sang cướp nước ta, tàn hại nhân dân ta. 3. Bọn chúng tất nhiên phải nhận lãnh hậu quả: nhân dân ta đứng lên đuổi giặc để giành lại chủ quyền, ban đầu cuộc khởi nghĩa gặp nhiều khó khăn nhưng nhờ người lãnh đạo quyết tâm và lòng dân hỗ trợ nên cuối cùng thắng lợi rực rỡ, quét sạch ngoại xâm, quân giặc thảm bại nhục nhã. 4. Kết cục này đã chứng minh chính nghĩa tất thắng, độc lập chủ quyền của Đại Việt là bất khả xâm phạm. Trình tự sắp xếp này tạo nên sức thuyết phục mạnh mẽ cho bài cáo.

❖ LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG TRONG TỪNG LUẬN ĐIỂM

Câu 5, 6:

Mục tiêu: [1b], [4] ở Ma trận trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời.

– Chỉ ra những lí lẽ và bằng chứng trong phần 1 (hoặc phần 2) của bài cáo. Những lí lẽ và bằng chứng này có xác đáng không?

Gợi ý: Những lí lẽ kèm theo bằng chứng trong phần 1 của bài cáo:

+ Nước Đại Việt từ lâu đời đã có lãnh thổ riêng (“núi sông bờ cõi đã chia”), chủ quyền riêng (“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập; Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”), văn hoá riêng (“phong tục Bắc Nam cũng khác”).

+ Bởi thế, các triều đại phương Bắc muốn thôn tính nước ta đều chuốc lấy thất bại thảm hại (“Lưu Cung (vua Nam Hán), Triệu Tiết (tướng nhà Tống, Toa Đô, Ô Mã Nhi (tướng nhà Nguyên) đều “thất bại”, “tiêu vong”, bị “bắt sống”, “giết tươi”).

Những lí lẽ và bằng chứng này rất xác đáng vì “Việc xưa xem xét; Chứng cứ còn ghi” rõ ràng, đầy đủ trong sử sách.

– *Những lí lẽ và bằng chứng này hỗ trợ cho nhau như thế nào để tạo sức thuyết phục và thể hiện được mục đích viết bài cáo?*

Gợi ý: Mỗi lí lẽ đưa ra đều có bằng chứng đi kèm để chứng minh tính chân thật không ai có thể phủ nhận, từ đó tạo sức thuyết phục cho lời nghị luận của tác giả và thể hiện rõ được mục đích viết bài cáo là công bố rộng rãi cùng toàn dân về cuộc chiến đấu chính nghĩa chống lại giặc Minh xâm lược bảo vệ chủ quyền đã thắng lợi vẻ vang.

– *Tác dụng của sự kết hợp giữa tự sự với nghị luận trong phần 3a hoặc 3b của bài cáo.*

Gợi ý: Tác dụng của sự kết hợp giữa tự sự với nghị luận trong phần 3b của bài cáo:

Đây là phần nói về giai đoạn phản công thắng lợi của quân đội ta. Vấn đề nghị luận ở đây là chính nghĩa tất thắng phi nghĩa, “đại nghĩa”, “chí nhân” tất yếu sẽ thắng “hung tàn”, “cường bạo”. Những câu văn kể về chiến thắng nhanh chóng, bất ngờ (“sấm vang, chớp giạt”, “trúc chẻ, tro bay”), giòn giã, liên tục của quân ta (“Ngày 18...; Ngày 20...; Ngày 25...; Ngày 28...), kể về tư thế tự tin, chủ động của ta, tư thế bế tắc, bị động của giặc (“Thuận đà, ta đưa lưới đao tung phá; Bí nước, giặc quay mũi giáo đánh nhau”), kể về tinh thần phấn chấn, hào hùng của ta, tâm trạng hoang mang, sợ hãi của giặc (“Đánh một trận sạch không kình ngạc; Đánh hai trận tan tác chim muông”, “quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật; ... quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân”) đồng thời cũng là những lời nghị luận sắc bén thể hiện tình thế “bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt” của kẻ phi nghĩa và “chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công” của người chính nghĩa. Tự sự và nghị luận đã kết hợp nhuần nhuyễn tạo nên giọng điệu đanh thép, hùng tráng của bài văn.

❖ TỪ NGỮ, THỦ PHÁP NGHỆ THUẬT, GIỌNG ĐIỆU TẠO TÁC DỤNG BIỂU CẢM

Câu 7, 8:

Mục tiêu: [3a], [3b], [4] ở Ma trận bên trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS dễ trả lời.

– *Các thủ pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng trong bài cáo? Mỗi thủ pháp có tác dụng ra sao? Dẫn chứng.*

Gợi ý: Bài cáo đã sử dụng các thủ pháp liệt kê, ẩn dụ, thậm xưng, điển cố,...

+ Liệt kê: có tác dụng minh chứng cụ thể và tạo cảm giác về mức độ nhiều, liên tục. Dẫn chứng: câu liệt kê các triều đại độc lập của ta ngang hàng với các triều đại của đối phương; đoạn liệt kê các chiến thắng của ta chống quân Nam Hán, Tống, Nguyên Mông; đoạn liệt kê các tội ác của giặc, đoạn liệt kê những chiến thắng dồn dập của ta (“Ngày mười tám ... tự vẫn”).

+ Ẩn dụ: có tác dụng gợi liên tưởng, từ đó gợi lên những ý nghĩa sâu xa, làm cho câu văn, bài văn thêm hàm súc, giàu hình ảnh và có sức biểu cảm cao. Dẫn chứng: “Nổi gió to quét sạch lá khô; Thông tổ kiến phá toang đê vỡ”. Quân giặc lúc này được ví như đám lá khô chỉ bám hồ trên cây chứ không còn sức sống, như con đê đã nứt rạn sắp sụp lở, tức chỉ còn hình thức chứ không còn thực lực. Ta đánh giặc lúc này là chọc mũi nhọn công phá vào đúng chỗ yếu của giặc, giống như nổi cơn gió to vào giữa đám lá khô trên cành, tất nhiên, lá sẽ rụng bay tan tác hết, và giống như xoi vào những tổ kiến hồng ở nơi con đê đã nứt, tất nhiên, cả hệ thống đê sẽ vỡ tan tành.

+ Thậm xưng: có tác dụng kích thích cảm xúc đến cao độ. Dẫn chứng: “(...) trúc Nam Sơn không ghi hết tội; (...) nước Đông Hải không rửa sạch mùi” → kích thích cảm xúc căm thù và khinh bỉ quân giặc tàn ác; “guom mài đá (...) nước sông phải cạn” → khơi gợi cảm xúc phấn khích, tự hào về sự lớn mạnh của quân đội ta; “Ninh Kiều máu chảy thành sông (...) nhơ để ngàn năm”, Lạng Giang, Lạng Sơn (...) máu trôi đỏ nước”, “Suối Lãn Cầu máu chảy trôi chày (...) cỏ nội đầm đìa máu đen” → khơi gợi cảm xúc tự hào về chiến thắng của quân đội chính nghĩa, đồng thời vừa chê cười, khinh bỉ vừa cảm thấy đáng tiếc cho quân giặc tham lam, ngoan cố đến ngu xuẩn đã tự chuốc lấy thất bại thảm thương.

– *Mỗi phần của bài cáo có giọng điệu khác nhau như thế nào và gợi cảm xúc ra sao nơi người đọc?*

Gợi ý: Phần 1 giọng điệu trang trọng, đĩnh đạc như một tuyên ngôn độc lập trước toàn dân, gợi cảm xúc tự tôn và tự hào dân tộc. Phần 2 giọng điệu thống thiết và căm giận khi kể tội ác của giặc, cảnh khổ của dân, gợi cảm xúc đau xót và căm phẫn. Phần 3a giọng điệu tâm tình, thiết tha, gợi cảm xúc khâm phục và thôi thúc. Phần 3b giọng điệu hưng phấn, hùng tráng gợi cảm xúc phấn khích, hào hứng. Phần 4 giọng điệu hào sảng, gợi cảm xúc sảng khoái, tự hào.

– *Vì sao bài cáo được xem là hùng văn của muôn đời?*

Gợi ý: *Bình Ngô đại cáo* là áng văn tổng kết xuất sắc công cuộc kháng chiến chống Minh mười năm kiên trì, gian khổ và đi đến thắng lợi vẻ vang của nghĩa quân Lam Sơn, cũng là của toàn dân Đại Việt. Bài cáo là kết tinh của tình cảm yêu nước thương dân sâu sắc, của tư tưởng chí nhân đại nghĩa, một giá trị tinh thần cao đẹp

của dân tộc, và cũng là đỉnh cao của nghệ thuật viết văn chính luận kích thích, lay động lòng người sâu xa. Bài cáo không chỉ thể hiện tâm huyết và bút lực của một người mà còn là của cả một dân tộc, cả một thời đại hào hùng. Không chỉ người đọc đương thời mà người đọc các thế hệ đời sau đều cảm nhận được những cung bậc cảm xúc đau thương, căm phẫn, phẫn khích, tự hào, sảng khoái trào dâng mãnh liệt trong lòng khi đọc tác phẩm. Vì thế, bài cáo xứng đáng được xem là một áng “thiên cổ hùng văn” trong văn học nước nhà).

5. DẠY ĐỌC VĂN BẢN *THƯ LẠI DỤ VƯƠNG THÔNG*

5.1. Trước khi đọc

GV hướng dẫn HS thực hiện như đã thực hiện với VB 1.

5.2. Đọc văn bản

GV hướng dẫn HS thực hiện như đã thực hiện với VB 1.

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

GV bám sát ma trận YCCĐ và câu hỏi để tổ chức các hoạt động, hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, bài tập *Sau khi đọc*.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản

Thư lại dụ Vương Thông

Yêu cầu cần đạt	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB [1a]; phân tích được mối quan hệ và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của VB [1b]”	[1a]: câu 2, 3 [1b]: câu 1, 4, 5
N2: “Xác định được ý nghĩa của VB [2a]; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết [2b]”	[2a]: câu 1, 4 [2b]: câu 5
N3: “Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận [3a]; nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hóa, xã hội [3b]”	[3a]: câu 4 [3b]: câu 3
N4: “Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này”	[4]: câu 3, 5, 6,
N5: “Biết yêu lẽ phải và sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của dân tộc”	[5]: câu 6

Cũng như đối với VB 1, thực hiện khâu *Sau khi đọc*, GV có nhiều lựa chọn. Về trình tự triển khai nội dung (và ghi bảng), GV có thể thực hiện theo ba cách:

- Thứ nhất, theo đúng trình tự các câu hỏi trong SGK (lần lượt từng câu hỏi).
- Thứ hai, theo cấp độ nhận thức: *Nhận biết*: câu 1, 2, 3; *Phân tích, so sánh*: câu 4, 5; *Vận dụng, đánh giá*: câu 6.
- Thứ ba, theo nhóm vấn đề, kèm theo đề mục.

Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động đọc hiểu theo trình tự các câu hỏi trong SGK.

5.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập.

Câu 1:

Mục tiêu: [1b], [2a] ở Ma trận bên trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời.

- Cho biết mục đích và đối tượng của bức thư.

Gợi ý: Mục đích: thuyết phục quân giặc đầu hàng. Đối tượng: Tổng binh Vương Thông, tướng giặc Minh, người được lệnh vua nhà Minh dẫn năm vạn quân sang cứu viện và đang bị quân ta vây hãm trong thành Đông Quan.

– Việc tác giả chọn cách nghị luận dưới hình thức một bức thư có tác dụng như thế nào? (Có thể chia nhỏ câu hỏi theo các gợi ý: Bài văn nghị luận thì có yêu cầu thế nào? Bức thư thì có yêu cầu thế nào? Kết hợp cả 2 thì có yêu cầu và tác dụng ra sao?).

Gợi ý: Đây là bài văn nghị luận đặc biệt được viết dưới hình thức một bức thư nên thể hiện cả hai chức năng và phong cách của hai thể loại khác nhau. Bài văn nghị luận yêu cầu luận điểm phải rõ ràng, lí lẽ, lập luận phải chặt chẽ, đanh thép, dẫn chứng phải có cơ sở để thuyết phục đối tượng về mặt lí trí. Bức thư lời lẽ cần mềm dẻo, tinh tế, sự bày giải cần tận tình, tha thiết, chỉ rõ thiệt hơn để thuyết phục đối tượng về mặt tâm lí, tình cảm. Kết hợp cả hai hình thức này, tác giả vừa đánh vào mặt tâm lí vừa đánh vào mặt lí trí đối phương nên càng tăng hiệu quả cho bức thư dụ hàng tướng giặc.

Câu 2:

Mục tiêu: [1a] ở Ma trận bên trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án

GV chia câu hỏi ra từng phần cho HS để trả lời.

- Trong đoạn trích trên, câu văn nào nêu luận điểm?

Gợi ý: “Kể ra người dùng binh giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi” → Luận điểm về thời và thế – biết rõ thời thế để tiến, lui phù hợp mới là người dùng binh giỏi.

– Trong đoạn trích trên, câu văn nào nêu lí lẽ?

Gợi ý: “Được thời có thế thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy. Sự thay đổi ấy chỉ trong khoảnh khắc trở bàn tay mà thôi” → Khi có được thời thế, hay hành động hợp thời thế, thì dù gian khó cũng sẽ đi đến thành công; khi không có thời thế, hay hành động không hợp thời thế, thì dù đang hùng mạnh cũng sẽ đi đến thất bại. Sự thay đổi này sẽ diễn ra rất nhanh. Người dùng binh giỏi là phải biết điều này.

– Trong đoạn trích trên, câu văn nào nêu bằng chứng?

Gợi ý: “Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại trang sức bằng lời dối trá, thế chẳng phải là bọn thất phu hèn kém ư? Sao đáng để cùng bàn việc binh được?” → Tướng giặc không hiểu biết thời thế, lại dùng lời lẽ nguy biện để tự dối mình, dối người, đây là bằng chứng của sự kém cỏi, không đáng mặt cầm quân và khó thể thành công.

Câu 3:

Mục tiêu: [1a], [3b], [4] ở Ma trận bên trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời.

– Dẫn ra một số từ ngữ, câu văn cho thấy sự giả trá của quân Minh là trái với “mệnh trời”.

Gợi ý: “Xưa kia Tần thôn tính sáu nước, chế ngự bốn phương, mà đức chính không sửa, nên thân mất nước tan. Nay Ngô mạnh không bằng Tần, mà hà khắc lại quá, không đầy mấy năm nối nhau mà chết, ấy là mệnh trời, không phải sức người vậy”, “huống hồ con cháu vua Trần, mệnh trời đã cho, lòng người đã theo, thì Ngô làm sao có thể cướp được!”.

– Vì sao việc nói đến “mệnh trời” lại cần thiết trong bức thư này?

Gợi ý: Vì triều đình phương Bắc luôn cho mình là “thiên triều”, tướng giặc Minh theo lệnh “thiên tử” thi hành “thiên mệnh” đem quân sang nước ta để giúp “phù Trần diệt Hồ”. Bọn giặc làm gì cũng nhân danh “mệnh trời” nhưng thực ra đó là ngôn ngữ xảo trá, lừa bịp để cướp nước ta. Do đó, tác giả đã dùng cách “gậy ông đập lưng ông”, vạch rõ sự chính danh và giả danh kèm theo chúng có thực tế khiến đối phương không thể biện bạch được.

Câu 4:

Mục tiêu: [1b], [2a], [3a] ở Ma trận bên trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời.

– Khái quát những nguyên nhân thất bại tất yếu của quân Minh mà tác giả đã vạch rõ trong phần 3.

Gợi ý:

1. Lũ lụt làm giặc hư hại về cơ sở vật chất, tổn thất quân lương.
2. Đường sá, cửa ải đều bị nghĩa quân Đại Việt đóng giữ, không viện binh nào của giặc tới cứu được.
3. Quân mạnh ngựa khỏe của nhà Minh phải dành để đối phó quân Nguyên ở phía bắc nên phía nam không thể lo được.
4. Phát động chiến tranh liên tiếp nhiều năm làm dân nhà Minh khổ sở, bất mãn.
5. Trong triều đình nhà Minh thì bạo chúa, gian thần nắm quyền, nội bộ xâu xé nhau.
6. Nghĩa quân Đại Việt đồng lòng quyết chiến, hăng hái tinh nhuệ, khí giới, lương thực đầy đủ, quân giặc bị vây trong thành thì mệt mỏi nản lòng.

– Cho biết điều gì đã tạo nên tính chất đánh thép, quyết đoán trong phần này.

Gợi ý: Thứ nhất là cách phân tích rõ ràng, xác đáng kèm theo dẫn chứng từ những thực tế trước mắt không thể phủ nhận. Các nguyên nhân cũng được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, đi từ thực tế khó khăn về thiên thời (thiên tai lũ lụt), địa lợi (đường tiếp viện bị ngăn trở, biên giới phía bắc đã thu hút hết binh lực tinh nhuệ) đến nhân hoà (dân chúng bất mãn, nội biến trong triều, quân bị vây lâu ngày kiệt sức nản lòng), cho thấy giặc hoàn toàn không có cả “thời” lẫn “thế”.

Thêm vào đó, cách diễn đạt nêu nguyên nhân bằng những lí lẽ phân tích và dẫn chứng ra trước rồi mới kết lại bằng một câu rắn rỏi: “Đó là điều phải thua thứ...” khiến câu văn như lời phán quyết đánh thép, chắc nịch, quyết đoán không ai có thể phủ định.

Câu 5:

Mục tiêu: [1b], [2b], [4] ở Ma trận bên trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời.

– Những lựa chọn tác giả đã gợi ra cho Vương Thông là gì?

Gợi ý: Sau khi nêu ra sáu điều phải thua đối với quân giặc, Nguyễn Trãi đã gợi ra hai lựa chọn cho tướng giặc:

+ Chấp nhận đầu hàng, nộp đầu tướng giặc đã gây nhiều tội ác là Phương Chính, Mã Kỳ thì sẽ tránh được thương vong cho quân giặc và tất cả được an toàn về nước.

+ Không đầu hàng thì phải tiếp tục giao chiến (tức sẽ nhận lấy thất bại) chứ không thể trốn tránh một cách hèn nhát, nhục nhã.

– Việc gọi ra những lựa chọn như vậy giúp bạn hiểu thêm điều gì trong cách ứng xử của Nguyễn Trãi, Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn?

Gợi ý: Việc này cho thấy Nguyễn Trãi cũng như Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn luôn thể hiện lập trường “chí nhân”, “đại nghĩa”, lòng yêu chuộng hoà bình và luôn biết tận dụng sức mạnh của ngòi bút văn chương chính luận để thực hiện “tâm công”, tránh đổ xương máu cho cả đôi bên.

Câu 6:

Mục tiêu: [4], [5] ở Ma trận bên trên.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

GV gợi ý từng phần cho HS để trả lời.

– Nêu những lưu ý trong cách đọc hiểu VB nghị luận mà bạn rút ra được sau khi đọc “*Thư lại dụ Vương Thông*” của Nguyễn Trãi.

Gợi ý:

+ Trước hết, cần thấy được luận đề chính (vấn đề chủ yếu đưa ra để bàn luận) của VB nghị luận. Trong *Thư lại dụ Vương Thông*, đó là *thời và thế*. Đây chính là đầu mối của hệ thống luận điểm sẽ được triển khai ở những đoạn sau.

+ Tiếp đó, cần thấy rằng hệ thống luận điểm của bài văn nghị luận chính là nhằm phân tích, diễn giải rõ và chứng minh cho tính đúng đắn của luận đề được nêu ra ở đoạn đầu. Trong *Thư lại dụ Vương Thông*, đoạn thứ hai phân tích và chứng minh cho hành động không hợp *thời* của giặc Minh, đoạn thứ ba phân tích và chứng minh cho sự thất *thế* của quân giặc với sáu điều phải thua và đoạn cuối cùng chỉ ra cho quân giặc con đường hành động hợp *thời thế* là như thế nào để tránh được bại vong. Đoạn cuối này đã chứng minh tính đúng đắn của luận đề về *thời và thế*: “Được *thời* có *thế* thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất *thời* thất *thế*, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy”.

– Nhận xét về nghệ thuật viết văn nghị luận của Nguyễn Trãi.

Gợi ý: Những đặc điểm về nghệ thuật viết văn nghị luận của Nguyễn Trãi:

+ Bố cục của bài văn nghị luận luôn chặt chẽ, mạch lạc; các phần nối kết với nhau theo một trình tự lô-gíc không thể tách rời hay đảo ngược vị trí.

+ Các lí lẽ luôn đi kèm bằng chứng cụ thể nên có sức thuyết phục cao, không thể bác bỏ.

+ Từ ngữ và các biện pháp tu từ được chọn lọc thích đáng với nội dung cần biểu đạt và có sức biểu cảm cao tạo nên giọng văn phù hợp, kích thích tâm trí người đọc theo đúng ý đồ của người sáng tác.

+ Lối viết thay đổi linh hoạt tùy hoàn cảnh, mục đích viết và đối tượng hướng tới.

6. DẠY ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM BẢO KÍNH CẢNH GIỚI – BÀI 43

Lưu ý chung: Đây là VB thơ được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Anh hùng và nghệ sĩ*. GV hướng dẫn HS tập trung khai thác các nội dung kết nối chủ điểm.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1:

– GV hướng dẫn HS hình dung về bức tranh ngày hè của Nguyễn Trãi (về các vật thể, hình ảnh, màu sắc, âm thanh, hương vị...), từ đó đưa ra nhận xét về cách quan sát, miêu tả thiên nhiên đặc sắc và tinh tế của Nguyễn Trãi (cảm nhận bằng nhiều giác quan, cảnh vật căng tràn sức sống như cựa quậy, cử động, miêu tả từ gần đến xa, từ cảnh có thể nhìn thấy đến không thể nhìn thấy mà chỉ nghe thấy và liên tưởng qua âm thanh...).

Có thể giảng thêm: Toàn bài thơ không câu nào nhắc đến từ “hè” mà câu nào cũng toát lên màu sắc, hình ảnh, âm thanh, hương vị, trạng thái của mùa hè (câu 1: “ngày trường”, câu 2: “hoè lục”, câu 3: “thạch lựu”, câu 4: “hồng liên”, câu 5: chợ cá sinh hoạt nhộn nhịp cho thấy đây là mùa hè trời êm biển lặng nên ngư dân đánh cá thuận lợi, câu 6: “cầm ve”, câu 7 và 8: khúc nhạc Nam phong (gió nồm – gió mùa hè) của vua Ngu khiến dân có cuộc sống no đủ).

– HS đọc, hình dung và nêu nhận xét.

Câu 2:

– GV hướng dẫn HS quan sát cách gieo vần ở cuối các câu thơ 1, 2, 4, 6, 8. Vần bằng “ương” với âm mở và đa số là thanh ngang (không dấu) tạo cảm giác kéo dài, mở rộng mệnh mang, phù hợp với thời gian và không gian của ngày hè nơi thôn quê. Bài thơ có câu đầu và câu cuối chỉ 6 tiếng cho thấy đây là bài thơ Đường luật được Việt hoá với thể thất ngôn xen lục ngôn. Cách ngắt nhịp trong các câu thơ cũng tự do, tùy theo cảm xúc, không theo khuôn khổ nhất định:

Câu 1: 1/5

Câu 2: 2/5

Câu 3 và 4: có thể ngắt 2/5 hoặc 3/4

Câu 5 và 6: 4/3

Câu 7: 4/3

Câu 8: 3/3

Nếu câu mở đầu bài thơ chỉ 6 tiếng với cách ngắt nhịp lạ 1/5 khiến người đọc chú ý đến phong cách tự do, phóng khoáng của nhà thơ thì sau hàng loạt câu 7 tiếng, đến cuối kết lại bằng 1 câu 6 tiếng với cách ngắt nhịp 3/3 cân đối đã cô đúc ý chủ đạo của cả bài thơ: tấm lòng hướng đến dân, luôn mong muốn dân được no đủ. Qua đó thấy được dù vui hưởng cảnh nhàn, thưởng ngoạn thiên nhiên ngày hè

tươi đẹp, Nguyễn Trãi vẫn không quên nghĩ về cuộc sống của người dân mà ông tha thiết yêu thương (tiếng chuyện trò, mua bán lao xao nơi chợ cá làng chài gọi nhớ sự vất vả mưu sinh hằng ngày của người dân; tiếng ve kêu ran như khúc nhạc chiều hè gọi ước ao về tiếng đàn vua Ngu với khúc nhạc Nam phong mang lại mưa thuận gió hoà, đời sống ấm no cho mọi người).

– HS suy nghĩ, thảo luận nhóm và phát biểu.

Câu 3:

– GV hướng dẫn HS hình dung về quá trình cảm xúc của tác giả trước cảnh ngày hè: Đến với cảnh trong tâm thái nhàn rồi, ung dung – Quan sát những cảnh vật ngay trước mắt với tán hoè xanh um, xum xuê, hoa lựu trước hiên nhà vẫn còn đỏ thắm, hoa sen hồng đã thua thót dưới ao – Dõi ánh mắt xa hơn, cảnh vật hiện ra không còn rõ ràng, chi tiết mà朦胧 lung hơn qua âm thanh tiếng lao xao họp chợ làng chài, tiếng inh ỏi ve kêu bên lầu nhà ai trong chiều tà – Từ thấy và nghe, tác giả hình dung và thương cảm cho cuộc sống lao động vất vả của người dân nghèo và mong ước có được cây đàn vua Ngu để gảy khúc Nam phong mang đến mưa thuận gió hoà cho nhân dân mọi nơi được no ấm (Đến với cảnh – Quan sát – Lắng nghe và liên tưởng – Bộc lộ nỗi lòng).

Qua mạch cảm xúc trong bài thơ, có thể thấy được tình cảm yêu mến, thân thương của nhà thơ đối với thiên nhiên, tấm lòng thiết tha, nồng hậu của nhà thơ đối với con người, cuộc sống và đặc biệt là tình yêu thương, quan tâm đến nhân dân sâu sắc. Đó là những vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi.

– HS suy nghĩ, thảo luận nhóm và phát biểu.

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ TÁC GIẢ

7.1. Đọc văn bản Dục Thuý sơn

Lưu ý chung: Đây là VB thơ được sử dụng theo yêu cầu đọc mở rộng về tác giả Nguyễn Trãi. GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thể hiện hồn thơ phong phú, hình ảnh thơ mới lạ và bút pháp thơ điêu luyện của tác giả.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1:

– GV hướng dẫn HS tìm hình ảnh thơ, cách phối trí cảnh độc đáo của tác giả qua hai câu thực. Vì núi Dục Thuý được ví như “non tiên” nên có vẻ đẹp khác thường. Vẻ đẹp ấy được miêu tả từ hai góc độ đối xứng nhau: giống như đoá hoa sen từ dưới nước nổi lên, giống như cảnh tiên từ trên trời sa xuống. Ngọn núi chung đúc cả tinh hoa của đất trời, vũ trụ.

– HS đọc, suy ngẫm và phát biểu.

Câu 2:

– GV hướng dẫn HS liên tưởng về hình ảnh để thấy được biện pháp nhân hoá trong hai câu luận. Hình ảnh tháp Linh Tế trên núi Dục Thuý in bóng xuống nước như cài cây trâm ngọc vào mái đầu cô gái; sóng nước trong sáng như soi búi tóc biếc vào tấm gương lớn. Biện pháp nhân hoá làm cho cảnh vật mang dáng vẻ và tâm hồn người – yếu điệu, duyên dáng, hữu tình.

– HS đọc, hình dung và phát biểu.

Câu 3:

– GV hướng dẫn HS đi theo trình tự bố cục bài thơ để tìm ra mạch cảm xúc: Giới thiệu cảnh – Quan sát và miêu tả cảnh (từ xa, bao quát (2 câu thực) đến gần, chi tiết (2 câu luận)) – Liên tưởng, hoài niệm (nhìn cảnh nhớ người: tháp Linh Tế gợi nhớ đến bài văn bia nổi tiếng của Trương Hán Siêu). Tấm bia ngày trước giờ đã lốm đốm rêu gọi niềm hoài cảm về người xưa và dấu vết tài hoa đã tàn phai theo năm tháng. Hai câu kết bài không tả núi Dục Thuý nữa mà nhắc nhở đến linh hồn của cảnh vật. Núi Dục Thuý đã gắn liền với tên tuổi, văn chương của Trương Hán Siêu. Hoi hướng tiền nhân thắm đượm trên từng tấc đất, ngọn cây, qua bao thế hệ tạo nên “hồn sông núi”. Kết thúc bài thơ là một kết thúc mở để lại nhiều dư vị – vừa bùi ngùi man mác, vừa sâu lắng tự hào – tự hào về sông núi, về anh tài nước Việt.

– HS đọc, thảo luận và phát biểu.

Câu 4:

GV gọi HS phát biểu. Có thể có nhiều ý kiến khác nhau tùy theo cảm nhận của từng cá nhân, miễn sao HS có thể giải thích vì sao hình ảnh ấy để lại cho mình ấn tượng sâu sắc nhất.

7.2. Đọc văn bản Nguyễn Trãi – nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ

Lưu ý chung: Đây là VB nghị luận được sử dụng theo yêu cầu đọc mở rộng về thể loại. GV hướng dẫn HS đọc và trả lời các câu hỏi để rèn luyện cách đọc hiểu VB nghị luận.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1:

– GV hướng dẫn HS tìm câu văn thể hiện chủ đề của bài viết và quan điểm của tác giả bằng cách đọc toàn bài và suy ngẫm xem những luận điểm, lí lẽ trong bài nhằm tập trung làm nổi bật điều gì (“Tiếng nói của ông (...) tiếng nói của một nhà yêu nước vĩ đại, da diết trong lòng Tổ quốc mình”).

– HS đọc, suy ngẫm và trả lời.

Câu 2:

– GV hướng dẫn HS tìm ra mạch lập luận của bài viết: chứng minh nơi Nguyễn Trãi, nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ không thể tách rời. Cả ba cùng hỗ trợ lẫn nhau để thể hiện trọn vẹn và sâu sắc nhất tấm lòng yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi.

– Trước tiên, tác giả đề cập đến *Quân trung từ mệnh tập*, tập văn chính luận nổi tiếng của Nguyễn Trãi. Những áng văn này vừa thể hiện tài ngoại giao, địch vận “đánh vào lòng người”, vừa thể hiện sự minh triết của nhà chiến lược – “đạo làm tướng phải lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm nền”.

Sau đó, tác giả bình luận về thơ Nguyễn Trãi, những bài thơ vừa thể hiện trí tuệ sáng suốt (nhìn thấy được sức mạnh của lòng dân như “sức nước chở được thuyền mà cũng có thể lật úp được thuyền”, hiểu rõ lẽ tới lui khi về ẩn dật ở Côn Sơn), lại cũng vừa dào dạt trữ tình, chan chứa tình cảm yêu dân (“Bui một tác lòng ưu ái cũ/ Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông”).

→ Tác giả đã chứng minh được luận điểm quan trọng nhất: nhà ngoại giao, nhà hiền triết, nhà thơ đã hoà quyện chặt chẽ nơi con người một lòng ưu ái với đất nước, nhân dân.

– HS thảo luận và phát biểu.

Câu 3:

– GV hướng dẫn HS chỉ ra những yếu tố biểu cảm của bài viết: Tác giả đã sử dụng nhiều ẩn dụ với những hình ảnh tượng hình, những động từ, tính từ có sức biểu cảm mạnh khiến người đọc cảm nhận sâu sắc về tài năng, tấm lòng cũng như bi kịch cuộc đời của Nguyễn Trãi, đồng thời cảm nhận sâu sắc về sự đồng cảm và ngưỡng mộ mà người viết dành cho ông:

+ Những điều gửi gắm của họ, đêm đêm vẫn **thức dậy** trong tâm trí của những thế hệ nối tiếp.

+ Ông hết lòng **nâng niu** năng lực sáng tạo của nhân dân.

+ Đây là một tác phẩm sử thi lớn, trong đó ngày nay người Việt Nam vẫn còn tìm thấy một cách xúc động một trong những **ngọn nguồn tươi mát** nhất của cá tính dân tộc.

+ Cùng với ý nghĩa trữ tình thực sự của những viên ngọc này,...

+ Con thuyền “**ưu ái cũ**” ấy, một sáng sớm, đã tan vỡ ở Lệ Chi Viên.

+ **Nỗi thao thức canh cánh** của nhà hành động và nhà thơ Nguyễn Trãi.

– HS suy nghĩ và phát biểu.

Câu 4:

– GV hướng dẫn HS xác định ý nghĩa của bài viết: Bài viết ca ngợi và tôn vinh Nguyễn Trãi với tư cách là một đại biểu ưu tú của dân tộc Việt Nam, cũng đồng thời là “một thành viên kiệt xuất của cộng đồng loài người”. Sự nghiệp văn chương của ông cho thấy ông vừa là nhà ngoại giao, nhà hiền triết, vừa là nhà thơ luôn dành trọn tình yêu cho đất nước, nhân dân.

– HS suy nghĩ và phát biểu.

Câu 5:

– GV hướng dẫn HS tìm ra những từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với Nguyễn Trãi:

+ tiếng nói “của một nhà yêu nước vĩ đại, da diết trong lòng Tổ quốc mình”

+ thành viên kiệt xuất của cộng đồng loài người

+ bộ óc sớm uyên thâm

+ “Quân trung từ mệnh tập” biểu thị sáng chói cơ sở tư tưởng của Nguyễn Trãi

+ Ông hết lòng nâng niu năng lực sáng tạo của nhân dân.

+ Ở Việt Nam, người ta thường xem bài “Đại cáo bình Ngô” là kiệt tác của Nguyễn Trãi. Đây là một tác phẩm sử thi lớn, trong đó ngày nay người Việt Nam vẫn còn tìm thấy một cách xúc động một trong những ngọn nguồn tươi mát nhất của cá tính dân tộc.

+ Sáu trăm năm sau, nỗi thao thức canh cánh của nhà hành động và nhà thơ Nguyễn Trãi vẫn là nỗi thao thức canh cánh bên lòng của tất cả những người yêu công lí và nhân đạo trên đời này.

– HS tìm kiếm, thảo luận, phát biểu.

8. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

GV dành khoảng 10 phút hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh phần *Lỗi dùng từ Hán Việt và cách sửa* trong mục *Tri thức Ngữ văn*, sau đó, tổ chức cho HS thực hành. GV có thể tùy đối tượng HS mà gia giảm một vài ngữ liệu trong các bài tập để phù hợp với thời lượng 1 tiết.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Gợi ý về cách thực hiện các bài tập:

Bài tập 1: Ở mỗi câu, GV yêu cầu HS cho biết lỗi nằm ở từ ngữ nào, đó là loại lỗi gì và phải sửa lại thế nào cho đúng.

Câu a là lỗi dùng từ không phù hợp với phong cách.

Cách sửa: *song thân* → *ba mẹ*.

Câu b, d, đ, ê, g, h là lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

Cách sửa: b/ tài hoa → tài năng; d/ thị giác → thị lực; đ/ lợi dụng → tận dụng; ê/ bách niên giai lão → bách niên trường thọ; g/ tân trang → tô điểm; h/ kiều diễm → tươi đẹp.

Câu c là lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm.

Cách sửa: tập hợp → tập hợp.

Câu e là lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp.

Cách sửa: nghề đánh cá → ngư nghiệp.

Bài tập 2: 1ê, 2g, 3i, 4c, 5e, 6đ, 7a, 8b, 9d, 10h.

Bài tập 3: Ở mỗi câu, GV cần yêu cầu HS chỉ ra những từ ngữ nào không phù hợp hoặc thiếu trang nhã, tinh tế trong cách nói trước khi đề nghị cách sửa.

a. Ẩm thực Việt Nam rất phong phú.

b. Tổng thống Pháp và phu nhân sẽ đến thăm hữu nghị nước ta vào khoảng trung tuần tháng 11 năm nay.

c. Bỏ hoa, giẫm lên cỏ trong công viên, xả rác nơi công cộng là hành vi thiếu văn hoá cần phải bài trừ.

d. Nguyên thủ các quốc gia đều bày tỏ sự quan ngại trước tình hình kinh tế đang biến động phức tạp hiện nay.

đ. Nhuận bút viết báo của ông ấy rất cao.

e. Anh ấy uỷ quyền cho tôi hoàn tất hồ sơ này.

ê. Nền kinh tế ấy đã phục hồi và đi từ lạc hậu đến tiên tiến.

g. Các nghệ sĩ Cần Giuộc đã dùng cảm đánh vào đồn giặc Pháp, không ngại hi sinh.

h. Ý kiến phát biểu của ông ấy trong cuộc họp đã bị nhiều người phản đối.

8.3. Từ đọc đến viết

GV lưu ý HS: Đây là viết ngắn, đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (đoạn văn) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– Đọc nhanh đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề.

– Viết nhanh đoạn văn sao cho sát đúng yêu cầu đề bài, có lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng và diễn đạt trong sáng, mạch lạc, lưu loát.

– Đọc lại và chỉnh sửa nhanh: GV nhận xét, đánh giá nhanh và gợi ý hướng chỉnh sửa nhanh cho bài tập của HS.

DẠY HỌC PHẦN VIẾT

Lưu ý chung: GV hướng dẫn HS dựa theo quy trình 4 bước: 1. Chuẩn bị viết, 2. Tìm ý, lập dàn ý, 3. Viết bài, 4. Xem lại và chỉnh sửa.

Dưới đây là một số nội dung gợi ý về việc dạy viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Trước khi hướng dẫn HS phân tích kiểu VB và tạo lập VB, GV cần dành thời gian để trao đổi, trang bị cho HS một số tri thức cơ bản về kiểu bài. Tri thức này đã được nêu tóm lược trong SGK (đặt trong box, với 6 điểm yêu cầu đối với kiểu bài).

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

Một số lưu ý về nội dung và cách thực hiện khâu này:

– HS đọc bài văn được chọn làm ngữ liệu tham khảo để phân tích về kiểu bài *thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm*. Trước khi hướng dẫn HS phân tích mẫu, GV cần lưu ý HS đọc kĩ VB ngữ liệu lẫn các thông tin chỉ dẫn kèm theo; nhắc các em khi đọc, phải làm sao vừa bao quát toàn VB, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức nghị luận (luận điểm – lí lẽ – bằng chứng).

– Trong và sau khi đọc ngữ liệu tham khảo, GV yêu cầu HS đối chiếu VB này với *Yêu cầu đối với kiểu bài* (mục *Tri thức về kiểu bài*); lần lượt trả lời các câu hỏi gợi ý phân tích VB ngữ liệu tham khảo. Có thể cho HS thảo luận và nêu nhận xét về ngữ liệu.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

GV giao đề bài (vừa đọc to, vừa ghi lên bảng, có thể yêu cầu một vài HS nhắc lại đề bài).

3.2. Hướng dẫn học sinh thực hành quy trình viết

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu viết VB theo quy trình viết nói chung, viết bài luận *thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm* nói riêng. SGK đã có các hướng dẫn khá tỉ mỉ về quy trình này.

GV có thể yêu cầu HS tóm tắt các bước dưới dạng bảng (hoặc sơ đồ) để nhắc lại quy trình viết. GV có thể lưu ý thêm một số điểm hạn chế mà HS dễ vấp phải trong khi thực hiện từng bước trong quy trình.

Bảng tóm tắt các bước trong quy trình viết

Các bước	Công việc
Bước 1.	Chuẩn bị viết
Bước 2.	Tìm ý, lập dàn ý

Bước 3.	Viết bài
Bước 4.	Xem lại và chỉnh sửa

Dưới đây, xin lưu ý một số bước.

Bước 1: Chuẩn bị viết

GV cần lưu ý HS: việc xác định đề tài là hoạt động, công việc phải do mỗi HS thực hiện. Dựa vào SGK, GV có thể gọi ra một danh mục “đề tài” để HS cân nhắc lựa chọn (cũng có thể chọn một đề tài khác).

GV cũng lưu ý HS phải tự mình lựa chọn đề tài, nhưng để việc triển khai đề tài thuận lợi nhất, vấn đề được chọn nên là:

– Những thói quen xấu hay quan niệm sai mà bạn thường nhìn thấy và không đồng tình; bạn cũng có nhiều hứng thú và ý tưởng phản bác lại thói quen / quan niệm đó để thuyết phục người khác từ bỏ.

– Vấn đề thuận lợi cho bạn trong việc thu thập tư liệu, tìm ý để chuẩn bị cho bài viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Để HS có thời gian thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, GV nên giao đề trước khoảng một tuần lễ.

Đến lớp, khi thực hiện bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm ý tưởng đã chuẩn bị ở nhà, chuẩn bị phác thảo dàn ý cho bài viết. Sau đó, GV có thể mời một số HS chia sẻ những ý tưởng hay dàn ý của mình.

GV giúp HS ghi nhớ bố cục dàn ý của bài luận *thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm*. Xác định rõ mỗi phần mở bài, thân bài, kết bài cần phải đáp ứng các nội dung gì.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, GV hướng dẫn HS viết (ở nhà) một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài nhằm đáp ứng YCCĐ. Trên lớp không có nhiều thời gian, chỉ nên yêu cầu HS dựa vào dàn ý vừa lập, viết một đoạn triển khai một ý nào đó. GV và HS có thể nhận xét chỉnh sửa đoạn văn ấy, nếu có điều kiện.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

GV cần hình thành ở HS ý thức và thói quen xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. Thường GV nên tập trung hướng dẫn HS tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng kiểm (SGK); dựa vào bảng kiểm để tự chỉnh sửa về nội dung và các lỗi (nếu cần); dựa vào câu hỏi (SGK) để tự đánh giá bài viết của mình.

DAY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Đề tài nói – nghe ở đây cũng là *Thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm*.

Lưu ý chung: Đề tài nói và nghe ở bài này chính là đề tài mà HS đã viết bài văn. Vì thế một số bước chuẩn bị bài nói theo quy trình, HS hoàn toàn có thể dựa vào bài viết, nhất là các khâu *xác định đề tài, tìm ý, lập dàn ý*. Tuy nhiên, nói và nghe có những yêu cầu riêng, GV cần lưu ý HS đối với từng bước trong quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị nói

Khác với bài viết, bài nói cần *xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói*. GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SGK để thực hiện khâu này.

Tìm ý và lập dàn ý

Tìm ý

GV lưu ý HS: nói là trình bày giao tiếp trực tiếp với người nghe cụ thể trong không gian, thời gian xác định; vì thế ngoài việc chuẩn bị ý tưởng theo yêu cầu của bài nói; nên có thêm một số ý tưởng liên quan đến cách thức trình bày bài nói sao cho hiệu quả. Đặc biệt lưu ý những gợi ý trong SGK: *a. tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe; b. sử dụng công cụ hỗ trợ như: bản tóm tắt các ý chính để khi cần thì chỉ cần nhìn lướt qua là nhớ; chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng (nếu có điều kiện); c. dự kiến trước một số điểm nghi vấn, băn khoăn, thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên tìm cách trả lời, giải đáp*.

Lập dàn ý

GV hướng dẫn HS sử dụng dàn ý của bài viết điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của bài nói như đánh dấu tập trung vào một số ý chính, sau đó nghĩ về cách chuyển những ý này thành nội dung chính của bài nói; sắp xếp và dự kiến thời điểm, cách thức sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi trình bày bài nói.

Luyện tập (Xem bài trước)

Bước 2: Trình bày bài nói

GV hướng dẫn HS một số cách luyện tập ở nhà trước khi đến lớp trình bày. Cần tập phát âm to, rõ; tập điều chỉnh cao độ, nhịp độ, giọng điệu, tập biểu cảm.

GV hướng dẫn HS vận dụng phần trình bày trong SGK. Có thể trình bày theo các trình tự linh hoạt, nhưng khuyến khích trình bày từ khái quát đến cụ thể. Ví dụ: điểm tên các luận điểm trước, sau đó mới trình bày cụ thể từng luận điểm, nhằm giúp người nghe dễ dàng và chủ động hơn trong việc theo dõi phần trình bày của bạn.

GV hướng dẫn HS từng bước tương tác với người nghe bằng mắt, bằng câu hỏi và giọng điệu,...

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

SGK đã hướng dẫn về hai hoạt động này, GV căn cứ vào đó để tổ chức cho HS thực hiện hai hoạt động trao đổi và đánh giá trên cơ sở lần lượt đặt mình vào vai người nói, rồi vai người nghe.

Trong vai trò là người nói: HS biết lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.

Trong vai trò là người nghe: HS biết lắng nghe bài trình bày của bạn mình, biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, hình thức của bài trình bày của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt.

GV nhắc nhở HS dù ở vai nào cũng phải tôn trọng các ý kiến khác với ý kiến của mình; có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe...

Đánh giá

GV hướng dẫn HS tập đánh giá theo các tiêu chí cơ bản: *mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung; cách diễn đạt, giọng điệu; cách sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ; cách mở đầu, kết thúc bài nói với các biểu hiện cụ thể,...*; tập đánh giá bài nói từ cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe; biết sử dụng bảng kiểm (SGK) để đánh giá bài nói.

ÔN TẬP

GV hướng dẫn HS ôn tập theo bốn câu hỏi trong SGK. Dưới đây là một số gợi ý đáp án và cách thức thực hiện.

1. a. Một số đặc điểm chính trong văn chính luận của Nguyễn Trãi qua *Bình Ngô đại cáo*, *Thư lại dụ Vương Thông*.

- Hệ thống luận điểm rõ ràng, kết nối chặt chẽ, lô-gíc.
- Lí lẽ đanh thép kèm theo dẫn chứng cụ thể, thuyết phục.
- Sử dụng thích đáng các biện pháp tu từ tạo sức biểu cảm cao và làm tăng hiệu quả biểu đạt.
- Giọng văn phù hợp với từng hoàn cảnh, mục đích viết, đối tượng hướng tới và thay đổi linh hoạt trong từng luận điểm khác nhau.

b. Một số nét đặc sắc trong thơ Nguyễn Trãi qua *Bảo kính cảnh giới* – bài 43, *Dục Thúy sơn*.

- Cách quan sát, miêu tả thiên nhiên tinh tế, độc đáo, mới lạ.

– Cảnh vật thường được nhân hoá, sinh động, hữu tình, mang hơi thở, tâm hồn, tình cảm con người.

– Trong cảnh luôn có tình, từ cảnh đi đến bộc lộ tình.

c. Những nét nổi bật về tư tưởng, con người Nguyễn Trãi qua văn thơ ông.

– Yêu nước thương dân là tư tưởng xuyên suốt thơ văn Nguyễn Trãi. Nó thể hiện ở tinh thần nhân nghĩa, trừ bạo để yên dân; ở tấm lòng ưu ái luôn mong dân được no ấm, yên vui; ở tình cảm gắn bó thiết tha với quê hương, xóm làng.

– Thơ văn Nguyễn Trãi cũng thể hiện một con người đầy tài năng, tâm huyết và nồng hậu yêu thương đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.

2. GV hướng dẫn HS ôn lại tri thức về kiểu bài, nhớ lại bố cục, cách nghị luận *thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm* trong ngữ liệu tham khảo và bài viết, bài nói của bản thân để trả lời câu hỏi này.
3. GV nhắc HS nhớ lại các lỗi dùng từ Hán Việt trong bài học, nêu kinh nghiệm cá nhân khi mắc các lỗi này, cách nhận biết và cách sửa.
4. GV hướng dẫn HS từ các VB đã học chỉ ra những cống hiến của Nguyễn Trãi cho đất nước với tư cách là người anh hùng và người nghệ sĩ.

Gợi ý: Với tư cách người anh hùng, suốt đời Nguyễn Trãi kiên trì với lí tưởng “trừ bạo” để “yên dân”. Trong thời kì kháng chiến chống Minh, ngoài việc tham gia nghĩa quân Lam Sơn, soạn thảo sách lược chống giặc (*Bình Ngô sách*), Nguyễn Trãi còn “đánh giặc” bằng ngòi bút nghị luận sắc bén, góp phần đắc lực cho chiến thắng, đuổi sạch giặc Minh ra khỏi đất nước. Trong thời kì xây dựng đất nước sau chiến thắng, ngòi bút nghị luận của ông cũng giúp vua trong việc dạy bảo thái tử, răn cấm các quan không được tham ô, luôi biếng. Với tư cách là người nghệ sĩ, Nguyễn Trãi đã để lại cho đời một hồn thơ đa cảm, tinh tế, giàu rung động trước thiên nhiên, con người, cuộc sống qua những vần thơ trữ tình thấm đượm tình yêu đất nước, nhân dân. Noi Nguyễn Trãi, có sự kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn cả hai phẩm chất này, từ đó đã cống hiến cho văn học nước nhà một sự nghiệp văn chương đặc sắc và trở thành một nhân cách lớn được nhiều đời sau ngưỡng mộ.

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Giúp HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam, biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, bảo tồn những giá trị văn hoá của dân tộc, có ý thức xây dựng đất nước và đánh giá cao những đóng góp của người khác cho đất nước.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt* (YCCĐ) như sau:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.
- Viết được một VB nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước, con người Việt Nam.

Các YCCĐ là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của hai VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua câu hỏi *Sau khi đọc*.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

– Về thể loại:

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thuộc thể loại truyện đồng thời hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với chủ đề *Đất nước và con người*. Đây là chủ điểm xuyên suốt của bài học, thể hiện tinh thần tích hợp về nội dung dạy học và phát triển năng lực cho HS của bộ sách. Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn* nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– Về cấu trúc bài học:

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện trên tinh thần tích hợp, tương hỗ qua lại lẫn nhau, và về cơ bản, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu (riêng về hoạt động viết, có thêm ngữ liệu là một VB “mẫu” để HS trực quan về kiểu bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch, nhằm giúp HS dễ dàng nhận ra đặc điểm, bố cục, cách viết,...).

Đọc: Cụm ngữ liệu gồm 4 VB, trong đó, VB 1 *Đất rừng phương Nam* (trích từ tiểu thuyết của Đoàn Giỏi) và VB 2 *Giang* (truyện ngắn của Bảo Ninh) thuộc thể loại truyện, là những ngữ liệu chủ yếu nhằm thực hiện YCCĐ: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện”. VB 3 khác thể loại (là VB thơ), nhưng cùng chủ đề *Đất nước và con người* được sử dụng để đọc kết nối chủ điểm. VB 4 *Buổi học cuối cùng* cũng thuộc thể loại truyện, nhằm hướng dẫn HS đọc mở rộng theo thể loại. VB này được cung cấp như là một gợi ý, có đặc điểm thể loại, nội dung và độ dài tương đương với 2 VB chính của bài học. GV chỉ hướng dẫn cách đọc để HS tự đọc ở nhà và tìm thêm các VB tương đương, tự đọc để đáp ứng yêu cầu đọc mở rộng trong năm học.

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ: Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.

Viết, nói và nghe: HS bước đầu biết viết VB phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một VB tự sự hoặc tác phẩm kịch; biết trình bày rõ một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm tự sự (xây dựng tình huống truyện, miêu tả nhân vật, sử dụng ngôi kể, điểm nhìn, lời của người kể chuyện, độc thoại của nhân vật,...) và tác phẩm kịch (cốt truyện, xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại); biết hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, các dẫn chứng thuyết phục đồng thời chỉ ra tác dụng của các yếu tố hình thức đó.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học *Đất nước và con người* dự kiến được dạy trong thời gian 11 tiết, có thể phân chia như sau:

- Đọc: 7 tiết (VB 1: 3 tiết; VB 2: 2,5 tiết; VB 3 đọc kết nối chủ điểm và VB 4 đọc mở rộng theo thể loại: 1,5 tiết).
- Viết: 2 tiết
- Tiếng Việt: 1 tiết
- Nói – Nghe: 1 tiết

Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học, GV linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

SGK *Ngữ văn 10* thiết kế một hệ thống nhiệm vụ học tập riêng cho từng phần đọc, tiếng Việt, viết kết nối với đọc, viết VB, nói và nghe, ôn tập. GV cần nghiên cứu, khai thác các kĩ thuật dạy học để thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập này. Về phương thức lên lớp, cần lưu ý:

- Kết hợp diễn giải ngắn với việc tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, trình bày ý kiến, đóng vai.
- Tổ chức cho HS kết hợp đọc với viết: điền vào các phiếu học tập, viết đoạn văn,...
- Tổ chức cho mọi HS đều có cơ hội thực hành đọc, viết, nói và nghe.

3.2. Phương tiện dạy học

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.
- Một số hình ảnh, clip, video liên quan đến các VB trong bài: về vùng U Minh Hạ nói riêng hay Nam Bộ nói chung, về Hà Nội trong chiến tranh,...
- Ảnh chân dung tác giả; máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *Trước khi đọc*, *Sau khi đọc*) trong SGK thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.
- ...

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHÂN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Đọc ở đây là đọc hiểu VB thuộc thể loại truyện theo đúng các YCCĐ mà chương trình đã xác định. Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB truyện. Vì thế, mục tiêu giúp HS: “Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật” sẽ là mục tiêu hàng đầu, cần được ưu tiên và giải quyết rất ráo. Cùng với đó là hai YCCĐ: “Phân tích, đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp thông qua hình thức nghệ thuật của VB” và “Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của VB”.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bổ cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem *Ma trận YCCĐ – câu hỏi, bài tập đọc hiểu* đối với VB, cụm VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc, Đọc VB, Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi (có thể có thêm các câu hỏi ngoài) để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB.

Cũng cần lưu ý thêm rằng: (1) các câu hỏi *Trong khi đọc* được đặt ra là để HS biết dừng lại ở những điểm cần thiết khi đọc VB, tự trả lời, từ đó rèn luyện các kĩ năng đọc (*theo dõi, suy luận, hình dung, dự đoán,...* trong khi đọc VB bằng mắt); (2) trong các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc* thường có những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGỮ VĂN

(Xem hướng dẫn chung ở các bài trước)

Khi dạy bài này, GV cần lưu ý HS về tầm quan trọng của các tri thức đọc hiểu ở bài học này (đúc kết trong 6 mục từ: *câu chuyện, thông điệp, tư tưởng, nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn*). Đó đều là các mục từ công cụ hết sức cần thiết để đọc hiểu VB. GV cũng có thể nêu một vài câu hỏi gợi dẫn, miễn sao HS hiểu rằng nếu không tự mình tìm hiểu để nắm vững tri thức đọc hiểu thì không thể trả lời một số câu hỏi trong khâu *Sau khi đọc*.

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Tham khảo lời giới thiệu trong SGK. Tuy nhiên, việc giới thiệu bài học cần ngắn gọn, linh hoạt, tạo tâm thế thuận lợi nhằm thực hiện bài học.

3. DẠY HỌC KĨ NĂNG ĐỌC

Các kĩ năng đọc nói đến ở đây chủ yếu là những kĩ năng *đọc VB*, hình thành trong khi HS trải nghiệm cùng VB ở trên lớp. Trong bài học này, SGK chú trọng vào các kĩ năng *liên hệ, dự đoán, theo dõi, suy luận,...* GV nên tập trung cho HS rèn luyện các kĩ năng này. Nhiều kĩ năng đã được luyện tập ở bài trước đến bài này cần được củng cố. Chẳng hạn:

“– Kèo là gì, hờ má?

– Ờ, kèo cũng là nhánh tràm thôi. Nó to cỡ cổ tay, mang nhiều nhánh con tua tủa vào quăng giữa. Mình chặt lấy một khúc dài non thước tây, một đầu có cái nhánh con dùng làm cái mấu. Chọn được vùng rồi, còn phải chọn cây nào vừa kín, vừa im, có ít nhiều bóng nắng kia! Con ong không thích đóng chỗ rợp. Ở những nơi đó, bao giờ mật cũng chua, dễ bị ỉm. Gác chiếc kèo chênh chếch lên cây tràm xong, phải “rửa”¹ bớt những nhánh chung quanh để khi lấy mật khỏi vướng. Kèo chặt vào khoảng giữa thảng mười một. Những con mua muộn sẽ rửa hết mùi sắt ở hai đầu kèo bị dao rửa chặt, và nhánh kèo cũng đủ thời gian khô đi, cũ đi, giống với những nhánh khô khác trên cây. Kèo nào còn mùi sắt của con dao mới chặt thì con ong mật chúa kị, nó không bao giờ đóng tổ đâu...” ③

Suy luận

③ Việc làm kèo ong được kể lại qua điểm nhìn của ai?

Về cách thức thực hiện:

– GV giải thích về cách thực hiện câu hỏi *Suy luận* trong khi đọc, làm thử cho HS quan sát.

– Mời HS đọc một đoạn khác có câu hỏi *Dự đoán* hoặc *Theo dõi* và thực hiện theo cách mà GV đã làm một vài lần. Khi nhận xét, GV cần tập trung nhận xét cách HS thực hiện kĩ năng, hơn là nội dung câu trả lời của HS đúng hay sai.

– Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm cặp đôi về kết quả đọc của các em sau khi hoạt động *Đọc VB* trên lớp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu VB theo nhóm câu hỏi sau khi đọc (ở bước *Sau khi đọc*).

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM

Dạy đọc VB trích khác với dạy đọc một VB hoàn chỉnh. Mục tiêu dạy đọc bao giờ cũng là giúp HS xác định được vị trí của VB trích và đọc, phân tích nó trong tính chỉnh thể của tác phẩm. HS cần biết rõ VB trích thuộc phần nào của tác phẩm. Trong trường hợp *Đất rừng phương Nam*, phần VB trong SGK nằm ở chương 9 của tiểu thuyết, chương này có tên *Đi lấy mật*.

¹ Rửa: chặt bớt.

4.1. Trước khi đọc

GV chuẩn bị tâm thế đọc VB cho HS bằng cách cho các em trả lời nhanh câu hỏi nêu trong SGK. Mục đích của câu hỏi này là giúp các em hình dung về vị trí địa lí, về nhan đề của tác phẩm gợi lên ý niệm gì trong đầu HS.

4.2. Đọc văn bản

GV dành thời gian thích đáng cho các hoạt động trong khâu này:

- GV hoặc HS có giọng đọc tốt đọc thị phạm một vài đoạn ngắn hay, hấp dẫn;
- GV nhắc HS về các điểm ngừng đọc để thực hiện yêu cầu rèn luyện kĩ năng đọc. HS đọc bằng mắt, thực hiện một số yêu cầu của khâu *Đọc VB*. (Lưu ý HS: khi gặp các câu hỏi trong ô (box) và những chỗ được đánh dấu, HS dừng lại suy nghĩ nhanh, tự trả lời thầm trong đầu, nhằm tạo thói quen và rèn luyện kĩ năng đọc. GV vừa nói to cách làm, vừa làm mẫu cho HS làm theo).

- GV yêu cầu một vài HS trả lời các câu hỏi trong khi đọc để kiểm tra việc các em đã kết hợp đọc VB với việc dừng lại trả lời các câu hỏi trong các box *liên hệ/ suy luận/ theo dõi/...* như thế nào. Một câu hỏi có thể hỏi nhiều HS để đánh giá kĩ năng của HS. Nhận xét góp ý ngắn gọn và yêu cầu HS tiếp tục trải nghiệm cùng VB.

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Tám câu hỏi, bài tập *Sau khi đọc* thiết kế theo nguyên tắc bám sát các YCCĐ của bài học (SGK). GV dựa vào bảng tổng hợp (ma trận) dưới đây để điều phối, kiểm soát việc thực hiện mục tiêu của bài học theo tinh thần nêu trên.

**Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập
đọc hiểu văn bản *Đất rừng phương Nam***

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được đặc điểm cơ bản của truyện thể hiện qua nhân vật [1a], câu chuyện [1b], người kể chuyện [1c], điểm nhìn [1d], lời người kể chuyện [1e], lời nhân vật [1g]”	[1.a]: câu 1, 2, 7 [1.b]: câu 1 [1.c]: câu 5 [1.d]: câu 3 [1.e]: câu 5 [1.g]: câu 4
N2: “Phân tích, đánh giá được chủ đề [2a], tư tưởng [2b], thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.	[2a]: câu 3, 5, 6, 7 [2.b]: câu 2, 8

GV lưu ý HS: để có câu trả lời đáng tin cậy, các em cần phải xem lại, củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi. Chẳng hạn cần sử dụng tri thức về *nhân vật* để trả lời câu hỏi 1, 2, 7; tri thức về *câu chuyện* để trả lời câu hỏi 1, về *điểm nhìn* để trả lời câu hỏi 3, về *lời nhân vật và lời người kể chuyện* để trả lời câu hỏi 4, 5,...; về *chủ đề, thông điệp* để trả lời câu 3, 5, 6, 8;...

Thực hiện khâu *Sau khi đọc*, GV có nhiều lựa chọn. Về trình tự triển khai nội dung (và ghi bảng), GV có thể thực hiện theo ba cách:

- Thứ nhất, theo đúng trình tự các câu hỏi trong SGK (lần lượt từng câu hỏi).
- Thứ hai, theo cấp độ nhận thức: *Nhận biết*: câu 1, 2; *Phân tích, so sánh*: câu 3, 4, 5, 6, 7; *Vận dụng, đánh giá*: câu 7, 8.
- Thứ ba, theo nhóm vấn đề, kèm theo đề mục. Ví dụ:
 - + Nhóm câu từ 1 – 5: liên quan đến các đặc điểm của truyện như nhân vật, lời người kể chuyện, điểm nhìn, lời nhân vật,...
 - + Nhóm câu 3, 5, 6, 7: liên quan đến chủ đề.
 - + Nhóm câu 2, 8: liên quan đến tư tưởng mà truyện mang lại.

Dưới đây là một số gợi ý theo cách thứ hai.

2.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ **NHÓM CÂU HỎI NHẬN BIẾT** (Nhóm câu hỏi này hướng dẫn HS nhận biết về nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, lời người kể chuyện trong VB).

Câu 1:

Mục tiêu: Tóm tắt câu chuyện được kể trong VB (Xem lại Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đất rừng phương Nam*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

- GV: Nêu yêu cầu và lưu ý HS cách tóm tắt một VB.
- HS: Hiểu cách thức lấy các tình tiết, chi tiết quan trọng của một VB sau đó hình thành tóm tắt. Có thể làm bảng liệt kê các chi tiết quan trọng rồi sau đó làm thành tóm tắt. Ví dụ các chi tiết quan trọng trong VB được liệt kê dưới đây:
 - + Buổi sáng, tia nuôi, Cò và An đi vào rừng lấy mật.
 - + An rất háo hức vì lần đầu tiên “mục sở thị” cảnh “ăn ong”.
 - + Cò đã chỉ vẽ cho An nhiều kinh nghiệm đi rừng như quan sát, phát hiện đàn ong; như đàn chim nhiều loại rất đẹp và đa dạng,...
 - + An quan sát cách lấy mật của tia nuôi thông qua câu chuyện gác kèo ong mà má nuôi đã kể cho An từ trước.
 - + Cò bị ong đốt.

- + Tía nuôi đuổi ong bằng một cách thức rất hiền hoà.
- + Ba cha con ra về sau khi đã lấy đầy hai gùi mật ong.

Từ các chi tiết quan trọng trên, GV có thể hướng dẫn HS viết tóm tắt câu chuyện, sau đây là một gợi ý tóm tắt:

Buổi sáng hôm ấy, tía nuôi đã dẫn Cò và An đi vào rừng lấy mật. Cậu bé An rất háo hức vì đây là lần đầu tiên cậu “mục sở thị” cảnh “ăn ong” đã được nghe kể. Trong lúc đi vào rừng, ngoài việc nhìn ngắm cánh rừng, Cò đã chỉ vẽ cho An nhiều kinh nghiệm đi rừng như quan sát, phát hiện đàn ong; như đàn chim nhiều loại rất đẹp và đa dạng,... An đã quan sát cách lấy mật của tía nuôi thông qua câu chuyện gác kèo ong mà má nuôi đã kể cho An từ trước. Gần cuối buổi đi lấy mật, Cò bị ong đốt. Tía nuôi đã đuổi ong bằng một cách thức rất hiền hoà chứ không giết đàn ong. Ba cha con ra về sau khi đã lấy đầy hai gùi mật ong.

Câu 2:

Mục tiêu: Liệt kê tên các nhân vật trong VB (bao gồm nhân vật là con người, nhân vật là loài vật) và nêu nhận xét.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

- GV: Hướng dẫn học sinh đọc kĩ lại VB, sau đó hoàn thành bảng trong SGK.
- HS: Liệt kê được các nhân vật trong VB. Chẳng hạn:

Nhân vật là con người	Nhân vật là loài vật
An, Cò, ba má nuôi An.	Con chó Luốc, đàn ong, chuồn chuồn, ruồi xanh, chim, kì nhông,...

Từ đó, HS nêu nhận xét về sự phong phú, đa dạng sinh học của thiên nhiên Nam Bộ và mối quan hệ hài hoà, cộng sinh giữa con người và tự nhiên.

❖ NHÓM CÂU HỎI PHÂN TÍCH, SO SÁNH

Câu 3:

Mục tiêu: Trả lời câu hỏi: câu chuyện “đi lấy mật” mang điểm nhìn của nhân vật nào?, tác dụng bổ trợ của những điểm nhìn này? Điểm nhìn của ai là quan trọng nhất? (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đất rừng phương Nam*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

- GV: Nêu vấn đề từ câu hỏi. Có tất cả ba ý cần trả lời.
- HS: Câu chuyện được kể qua nhiều điểm nhìn, như của An, của Cò, của tía nuôi An,... HS nêu tác dụng của việc có nhiều điểm nhìn. Nhận xét điểm nhìn

của ai là quan trọng nhất, vì sao? Trong câu chuyện, điểm nhìn của nhân vật An hay người kể chuyện là điểm nhìn xuyên suốt. Tác giả chọn điểm nhìn của một đứa trẻ lần đầu tiên đi lấy mật với một tâm trạng háo hức, tò mò, giúp cho câu chuyện đi lấy mật nói riêng và câu chuyện miêu tả đất rừng phương Nam hiện lên tươi mới, thú vị, hấp dẫn, và điều đó được truyền tải lan toả đến người đọc.

– GV: (gợi mở thêm) Vì sao việc có nhiều điểm nhìn lại tạo sự hấp dẫn, đa chiều cho VB? Giúp HS biết nhận xét và đứng ở từng điểm nhìn để nhìn nhận câu chuyện, HS có thể có những phát hiện thú vị và mới mẻ hơn. Ví dụ, HS có thể đứng từ góc nhìn của Cò để phát biểu tâm trạng của một cậu bé rành rẽ chuyện đi rừng, am hiểu và tự hào vì mình thân thuộc với rừng núi. Hay đứng từ góc nhìn người tíu nuôi để thấy sự “chuyên nghiệp” trong công việc, khoan dung và thân thiện với tự nhiên, luôn hoà hợp với tự nhiên, dựa vào thiên nhiên để sinh sống, đồng thời cũng bảo vệ thiên nhiên.

Câu 4:

Mục tiêu: Phân tích tác dụng của lời thoại giữa An – má nuôi, An – Cò, An – tíu nuôi. (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đất rừng phương Nam*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– *Lưu ý đối với GV:* Đây là câu hỏi liên quan đến đặc điểm lời nhân vật. Về thực chất, đây là dạng câu hỏi yêu cầu kết hợp nhận biết, phân tích đồng thời làm rõ đặc điểm của lời nhân vật.

– GV (nêu vấn đề, định hướng): Trước hết, HS phải nêu được lời thoại giữa các nhân vật qua việc đọc lại và trích ra. Sau đó, phân tích tác dụng của từng đoạn lời thoại.

– HS trả lời, có thể hoàn tất bảng phân tích so sánh theo mẫu dưới đây:

Lời thoại trong văn bản

TT	Các đoạn lời thoại	Tác dụng
1	An – Cò:...	Ví dụ: “Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mà mà gặp “sân chim” thì mà sẽ biết...”. Đoạn đối thoại này cho thấy sự thân mật, hồn nhiên đôi khi có chút giễu cợt, hiểu thấu của những đứa trẻ.
2	An – tíu nuôi:...	Ví dụ: “Đừng! Không nên giết ong, con à! Để tíu đuổi nó cách khác...”. Đoạn đối thoại này cho thấy sự khoan dung và ôn hoà của tíu nuôi đối với các sinh vật trong tự nhiên.

3	An – má nuôi:...	Ví dụ: “Rừng thì mệnh mông, biết bao nhiêu cây! Một cây còn biết bao nhiêu nhánh! Biết con ong sẽ đóng tổ ở cây nào, nhánh nào? Có phải bạ chỗ nào nó cũng gỏi mật đâu? Nhưng làm nghề nào rồi khắc phải thạo nghề ấy con ạ!”. Đoạn đối thoại này thể hiện sự ôn tồn, trìu mến của cha mẹ dành cho con cái và sự khuyến khích lòng ham học hỏi.
---	------------------	---

Câu 5:

Mục tiêu: Phân tích một đoạn có lời của người kể chuyện mà vừa có kể sự việc vừa miêu tả cảnh vật (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đất rừng phương Nam*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV: Đây là câu hỏi liên quan đến đặc điểm lời người kể chuyện có đan xen kể sự việc và miêu tả. GV gợi ý HS tìm các đoạn có đặc điểm trên để trình bày. Chú ý đoạn văn phải thể hiện được phong vị của thiên nhiên và con người phương Nam.

– HS: Thực hiện yêu cầu của câu hỏi, đồng thời cần chỉ ra được sự độc đáo và phong phú của đoạn văn.

Ví dụ, HS có thể liệt kê đoạn sau:

“Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa trầm thom ngậy ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng. *Mấy con kì nhông nằm vươn mình phoi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh... Con Luốc động dậy cánh mũi, rón rén mò tới.* Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, *những con vật* thuộc loại bò sát bốn chân, to hơn ngón chân cái kia, *liền quật chiếc đuôi dài chạy tứ tán.* Con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây. Con đeo trên tấm lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.”

Trong đoạn văn trên, những câu, cụm từ in nghiêng là chỉ sự việc, những câu còn lại là miêu tả. Trong một đoạn văn ngắn, chúng ta vừa thấy sự sinh động của cánh rừng phương Nam với biết bao nhiêu là sinh vật như chim chóc, kì nhông, con Luốc,... đồng thời là thiên nhiên xinh đẹp như nắng, gió, hương hoa trầm,... Chúng ta đồng thời cũng thấy được thiên nhiên luôn điều chỉnh để có thể thích ứng với nhau để cộng sinh.

Câu 6:

Mục tiêu: Xác định chủ đề của VB và tìm căn cứ xác định (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đất rừng phương Nam*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV cần hướng dẫn HS ôn lại khái niệm về chủ đề đã học ở các bài trước, lớp trước, nhắc lại một số căn cứ để xác định chủ đề như nhan đề truyện, sự kiện chính được kể, một số câu văn, từ ngữ quan trọng,... Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm (tạo sản phẩm trên giấy khổ lớn), có thể có hai hoặc bốn nhóm bàn về chủ đề kèm với các căn cứ cụ thể.

– HS: Sản phẩm qua diễn đạt của các nhóm có thể ít nhiều khác biệt, nhưng không đi ngoài chủ đề chung thể hiện qua câu chuyện. Chẳng hạn:

+ Một chuyến đi lấy mật;

+ Những trải nghiệm thú vị của nhân vật An trong một chuyến theo tía nuôi đi lấy mật ong rừng;

+ Bài học về việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đi đôi với việc bảo vệ tự nhiên qua chuyến đi lấy mật của ba cha con.

+ ...

GV giúp HS tìm kiếm các căn cứ xác định chủ đề: đó là dựa vào nhan đề của chương “Đi lấy mật”, dựa vào các chi tiết, câu chuyện, sự kiện trong chương đều xoay quanh chuyện “đi ăn ong”, các câu như “lần đầu tiên tôi theo tía nuôi và thằng Cò đi “ăn ong” đây”, “sắp lấy mật đa, này An”, “từ sáng sớm đến lúc gần về chiều, tía nuôi tôi đã gõ hơn năm mươi kèo ong. Mật đầy cả hai gùi. Tôi mang gùi mật óc ách đằng sau lưng mà vẫn cảm thấy nhẹ tênh, và tiếc cái gùi bé quá”,...

GV có thể cho HS phát biểu, sau đó cùng phân tích căn cứ đó có xác đáng không.

❖ NHÓM CÂU HỎI VẬN DỤNG, ĐÁNH GIÁ

Câu 7:

Mục tiêu: Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai nhân vật An và Cò trong VB. Tác dụng của việc đưa ra điểm tương đồng, khác biệt này trong việc thể hiện chủ đề (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đất rừng phương Nam*). Đây là câu hỏi vận dụng, đánh giá liên quan đến tư tưởng, chủ đề của VB, nên cho HS thảo luận nhóm, sau đó tổng hợp các câu trả lời.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV gợi ý và hướng dẫn HS cách thực hiện theo các bước: (1) Những điểm tương đồng, khác biệt giữa An và Cò? (2) Tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề?

– HS thảo luận và sau đó tổng hợp. HS có thể làm bảng so sánh hai nhân vật.

	An	Cò
<i>Ngoại hình</i>	Không miêu tả kĩ nhưng không có sức khoẻ như Cò.	Cặp chân gầy như bộ giò nai, đi bộ không thấm gì.
<i>Ngôn ngữ</i>	- Tác giả thường để cho An đặt các câu hỏi, các thắc mắc. - Ăn nói đúng mực.	Bông lơn, hài hước, thân mật.
<i>Tính cách</i>	Ham học hỏi, có kiến thức nhưng chưa có thực tiễn.	Hoà đồng, vui vẻ, hóm hỉnh, am hiểu về thiên nhiên.

GV và HS: cùng tổng hợp và đưa ra các nhận định trong việc củng cố chủ đề. Có thể thấy rằng việc miêu tả kĩ lưỡng nhân vật An và Cò giúp cho chủ đề “đi lấy mật” thú vị, hấp dẫn và nhiều chi tiết đáng nhớ hơn.

Câu 8:

Mục tiêu: Nêu rõ câu chuyện đi lấy mật của các nhân vật trong VB giúp mỗi người hiểu thêm những gì về cuộc sống và tính cách con người Nam Bộ (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Đất rừng phương Nam*). Đây là câu hỏi vận dụng, đánh giá liên quan đến tư tưởng của VB, nên cho HS phát biểu quan điểm cá nhân, sau đó tổng hợp các câu trả lời.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV gợi ý cho HS về những đặc trưng của vùng đất Nam Bộ từ cuộc sống, tính cách con người. GV có thể gợi ý so sánh Nam Bộ thời kì mới khẩn hoang và hiện nay. Lắng nghe suy nghĩ của HS.

– HS có thể tự do phát biểu quan điểm riêng đúc kết từ hiểu biết của HS về con người và vùng đất Nam Bộ. HS có thể lấy dẫn chứng thêm từ những tác phẩm đã học, đã đọc để củng cố quan điểm của mình như tác phẩm của Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Trần Bảo Định, Nguyễn Ngọc Tư,... Có thể tập trung một số vấn đề liên quan đến việc khẩn hoang, khai thác tài nguyên vùng Nam Bộ; Nam Bộ ngày nay. Một số nét tính cách đặc trưng của người Nam Bộ như: chất phác, thật thà, thực tiễn, biết quan sát tự nhiên, hào sảng, phóng khoáng,...

GV và HS: cùng tổng hợp và thảo luận về đặc trưng và sự thay đổi của vùng đất và con người Nam Bộ.

– Có thể cho HS chia thành nhiều nhóm thảo luận về những hiểu biết của HS về vùng đất Nam Bộ trong quá khứ và hiện tại về thiên nhiên, cuộc sống và con người. Khuyến khích HS có những tìm tòi ngoài VB về Nam Bộ ngày trước và thực trạng của Nam Bộ ngày nay.

– HS tham khảo hoàn thành bảng tổng kết như sau (những luận điểm dưới chỉ là gợi ý):

	Quá khứ	Hiện tại
<i>Thiên nhiên</i>	Trù phú, hoang dã, giàu có.	Cạn kiệt tài nguyên, bị những tác động của biến đổi khí hậu,...
<i>Cuộc sống</i>	Phải tìm cách tận dụng sự trù phú của thiên nhiên để đem lại nguồn sống cho con người.	Ngoài khai thác nguồn lợi từ tự nhiên, còn biết trồng trọt, chăn nuôi,...
<i>Con người</i>	Hào sảng, phóng khoáng, sống hoà với tự nhiên, biết những quy luật tự nhiên, tương trợ nhau.	Hào sảng, tương trợ, biết vận dụng khoa học kĩ thuật,...

5. DẠY ĐỌC VĂN BẢN GIANG

5.1. Chuẩn bị đọc

GV hướng dẫn HS thực hiện như đã thực hiện với VB *Đất rừng phương Nam*, mục tiêu cũng để HS có thêm hình dung về cuộc sống, con người Bắc Bộ nói riêng, Việt Nam nói chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

5.2. Trong khi đọc

Thực hiện như với VB *Đất rừng phương Nam*; lưu ý cho HS rèn luyện các kĩ năng *Dự đoán, Suy luận, Theo dõi*.

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

GV bám sát ma trận YCCĐ và câu hỏi, bài tập để hướng dẫn và tổ chức các hoạt động.

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản *Giang*

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
N1: “Nhận biết và phân tích được đặc điểm cơ bản của truyện thể hiện qua nhân vật [1a], câu chuyện [1b], người kể chuyện [1c], điểm nhìn [1d], lời người kể chuyện [1e], lời nhân vật [1g]”	[1.a]: câu 2, 3, 4 [1.b]: câu 2 [1.c]: câu 1 [1.d]: câu 4 [1.e]: câu 1 [1.g]: câu 1

N2: “Phân tích, đánh giá được chủ đề [2a], tư tưởng [2b], thông điệp [2c] thông qua hình thức nghệ thuật của VB”	[2.a]: câu 5 [2.b]: câu 6 [2.c]: câu 7
---	--

Lưu ý chung: GV có thể hướng dẫn đọc hiểu VB *Giang*, như với VB *Đất rừng phương Nam*. GV cần nhắc HS xem lại và củng cố các tri thức đọc hiểu liên quan đến từng câu hỏi/ nhóm câu hỏi.

– Về cách thức kết nối các câu hỏi *Sau khi đọc*, GV cũng có nhiều lựa chọn như đối với VB *Đất rừng phương Nam*.

– Dưới đây là một số gợi ý về nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động đọc hiểu qua hệ thống câu hỏi được sắp xếp theo vấn đề và đề mục.

+ Lời của người kể chuyện, lời của nhân vật, câu chuyện, sự việc: (câu 1, 2)

+ Nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn: (câu 3, 4)

+ Chủ đề, tư tưởng: (câu 5, 6)

+ Tình huống và cách ứng xử: (câu 7), * Bài tập sáng tạo

5.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

❖ LỜI CỦA NGƯỜI KỂ CHUYỆN, LỜI CỦA NHÂN VẬT, CÂU CHUYỆN, SỰ VIỆC

Câu 1:

Mục tiêu: Nêu một số câu văn, đoạn văn có sự đan xen giữa lời của người kể chuyện và lời nhân vật (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Giang*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu hỏi yêu cầu HS chỉ ra được câu nào có đan xen lời của người kể chuyện và lời nhân vật trong VB (qua đó mà nắm được cách phân biệt). Cách thực hiện:

– GV hướng dẫn HS, có thể cho các em đứng lên tại chỗ phát biểu. Điều quan trọng là phải có căn cứ phân biệt như thế nào là lời nhân vật, như thế nào là lời người kể chuyện.

– HS cần phân biệt được qua từng câu:

Ví dụ: “Tôi toan lĩnh, song ông trông thấy tôi tức thì. “Kìa, Hùng, Hùng đấy hả Hùng!”. Giọng ông ngạc nhiên, mừng vui. Ông thân thiết xiết chặt tay tôi và không nén được, ông cảm động ôm lấy tôi. “Giang nó cứ nhắc cậu mãi, Hùng ạ. Nó cứ buồn vì không gặp lại được cậu trước khi chúng ta lên đường”. Ông bảo: “Giờ đây Giang nó ở lại ngoài đó có một mình”.

– HS nhận biết các yếu tố nào giúp phân biệt được lời nhân vật, lời người kể chuyện. Ví dụ: các câu trong ngoặc kép là lời nhân vật, còn lại có thể là lời người kể chuyện.

Câu 2:

Mục tiêu: Liệt kê những cuộc gặp gỡ và nhận xét về tính người trong chiến tranh (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Giang*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Để giải quyết câu hỏi này, GV nên cho HS điền chi tiết vào bảng tổng hợp trong một phiếu học tập; GV đồng thời sử dụng bảng này để giới thiệu nhanh đáp án. Bảng có thể theo mẫu sau:

	Những cuộc gặp gỡ	Tình cảm của các nhân vật trong chiến tranh
1	Giang và tôi (ở giếng nước)	– Cô nữ sinh tin yêu và sẵn lòng giúp đỡ anh lính trẻ: con người cởi mở, gần gũi, thân thiện, dễ cảm thông,... – Anh tân binh thì hóm hỉnh, nhanh nhẹn kiểu thanh niên.
2	Tôi và bố Giang (ở nhà bố Giang)	– Người bố: tác phong, điều lệnh quân đội, nghiêm nghị, giữ khoảng cách, cảnh giác khi cần. – Anh tân binh: nghiêm túc, có chút gì đó e ngại cấp trên.
3	Giang, tôi và bố Giang (ở nhà bố Giang)	– Khi đã làm quen, tin cậy, giữa người sĩ quan và anh lính trẻ cũng rất dễ cảm thông; tình cha con của người lính rất ấm áp.
4	Tôi và bố Giang (ở chiến trường Tây Nguyên)	– Tình thương yêu con và tình thương yêu chiến sĩ của người chỉ huy hoà làm một; lòng kính trọng của chiến sĩ đối với người chỉ huy; tình yêu, sự cách trở và niềm tin yêu.

❖ NHÂN VẬT, NGÔI KỂ, ĐIỂM NHÌN

Câu 3:

Mục tiêu: Phân tích được tác dụng của việc dùng lời kể và điểm nhìn trong việc tạo sức hấp dẫn cho nhân vật (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Giang*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV nhắc HS đọc các đoạn đối thoại giữa nhân vật Giang và các nhân vật khác trong VB để từ đó thấy được tính cách của nhân vật Giang qua các điểm nhìn khác nhau, đồng thời tìm hiểu đặc điểm của điểm nhìn ở khung tri thức đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi: Hình ảnh của Giang qua điểm nhìn của ai và hiện lên nét tính cách gì?

Có thể dùng bảng như trong SGK đề xuất.

Hình ảnh của Giang (1)	Qua điểm nhìn (2)	Nét tính cách nổi bật (3)
Tại giếng nước công cộng, khi tình cờ gặp anh tân binh	Tôi	Tin người, trong trẻo, hồn nhiên, sẵn lòng giúp đỡ người khác
Tại nhà cùng với anh tân binh và bố Giang	Tôi Bố Giang	Nhanh nhẹn, lo lắng, đảm đang. Nũng nịu, không hề sợ bố
Lúc cùng anh tân binh đi đến đơn vị trên xe đạp	Tôi	Hay nói chuyện, có vẻ cô đơn, có tâm trạng
Tại chiến trường qua lời của bố Giang	Bố Giang	Luôn nhớ và có cảm tình với anh tân binh

Câu 4:

Mục tiêu: Nhận xét về việc sử dụng ngôi kể, điểm nhìn trong VB (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Giang*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV: Qua câu chuyện, HS có thể nhận xét về việc sử dụng ngôi kể và điểm nhìn. Có bao nhiêu ngôi kể và bao nhiêu điểm nhìn? Điểm nhìn nào quan trọng nhất? Vì sao?

– HS trả lời với sự gợi dẫn của GV.

+ *Có bao nhiêu ngôi kể, bao nhiêu điểm nhìn?* HS có thể liệt kê các ngôi kể: anh tân binh, tác giả,...; điểm nhìn: anh tân binh, bố Giang, Giang,...

+ *Lựa chọn điểm nhìn quan trọng nhất của tác giả đã hỗ trợ độc giả trong việc theo dõi câu chuyện như thế nào?* HS có thể trả lời điểm nhìn quan trọng nhất là từ nhân vật *tôi* – anh tân binh, người đã kể lại câu chuyện một cách toàn vẹn, đầy đủ từ đầu đến cuối một cuộc gặp gỡ tình cờ mà để lại dư vị sâu sắc.

+ *Cách kể như vậy có tác dụng gì?* Từ điểm nhìn của nhân vật *tôi* – anh tân binh, hẳn tác giả muốn gieo vào lòng độc giả những suy nghĩ về tình người trong cuộc chiến, những dư vị về mất mát, về nỗi đau và cả những rung động lãng mạn thoáng qua mà nhớ mãi.

❖ CHỦ ĐỀ, TƯ TƯỞNG

Câu 5:

Mục tiêu: Xác định được chủ đề và căn cứ xác định chủ đề của VB (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Giang*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV gọi cho HS nhớ lại chủ đề trong VB *Đất rừng phương Nam*; lưu ý cách tìm chủ đề của một tác phẩm truyện nói riêng và tác phẩm văn học nói chung.

– HS trả lời những câu hỏi như: Trong truyện, tác giả đã kể lại chuyện gì? Tình cảm của tác giả ra sao? Để từ đó rút ra đối tượng, vấn đề chính (chủ đề) của tác phẩm. HS có thể nêu ra một số chủ đề của VB *Giang* như:

+ Một cuộc gặp gỡ.

+ Một cuộc gặp gỡ trong chiến tranh.

+ Cuộc gặp gỡ tình cờ để lại ấn tượng sâu sắc trong chiến tranh giữa anh tân binh và Giang.

Căn cứ để xác định chủ đề: nhan đề truyện (*Giang*) là tên của cô gái đã đưa *tôi* – anh tân binh về nhà mình, các câu, từ ngữ quan trọng (“nhà em đang trọ ở ngay kia, anh vào nghỉ một lát”, “tôi không thấy mệt, tôi đạp mãi miết”, “tôi chưa khi nào đùa con gái”, “thoáng nhanh nhưng không tắt lịm. Chỉ thế thôi nhưng để rồi sau này cứ nhớ mãi”, “một gặp gỡ vẫn vơ, lưu luyến mơ hồ gần như không có thực...”).

– GV có thể giúp HS làm tổng kết, ghi lại những gợi ý chủ đề thú vị, sâu sắc và căn cứ xác định chủ đề trong VB qua phần trình bày của HS. Ví dụ, có thể cho HS đọc các căn cứ xác định chủ đề, phân tích các căn cứ đó, gợi ý thêm các căn cứ nếu cần thiết.

Câu 6:

Mục tiêu: Chỉ ra tư tưởng của VB và đặc biệt xoáy vào hai đoạn văn cuối VB để củng cố tư tưởng (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Giang*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV yêu cầu HS đọc nhanh lại VB ở hai đoạn văn cuối, sau đó gọi một số HS chia sẻ cảm nhận về tư tưởng của VB.

– HS có thể chia sẻ những cảm nhận riêng về tư tưởng của VB. Tư tưởng của tác phẩm được thể hiện thông qua hình tượng nghệ thuật. HS phân tích các hình tượng nhân vật (*Giang*, *tôi* – anh tân binh, bố *Giang*), đặc biệt là phân tích cảm xúc của tác giả ở hai đoạn văn cuối có tác dụng nhấn mạnh và xoáy vào tư tưởng

của VB. Đặt truyện *Giang* trong toàn bộ tập truyện ngắn (36 truyện), sẽ thấy đây là một mảnh kí ức rất khác lạ của nhà văn về cuộc chiến so với những tác phẩm viết về chiến tranh. Những con người đời thường, những câu chuyện vụn vặt, những kỉ niệm nhỏ bé tưởng chừng không quan trọng nhưng lại trở thành chất liệu dệt nên tư tưởng của tác phẩm.

❖ TÌNH HUỐNG VÀ ỨNG XỬ

Câu 7:

Mục tiêu: Đây là câu hỏi liên hệ, kết nối. HS chia sẻ những quan điểm của mình về tình huống truyện (Xem Ma trận YCCĐ và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu VB *Giang*).

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV có thể cho HS chia thành nhiều nhóm thảo luận theo hai hướng ủng hộ và phản bác. Khuyến khích HS đưa ra những quan điểm cá nhân và cùng thảo luận.

– HS có thể hình thành những bảng thảo luận như sau (những luận điểm dưới chỉ là gợi ý):

Ủng hộ	Phản bác
Cần giúp đỡ người khác.	Không quen biết nhau thì không nên giúp đỡ.
Nói dối bố để tránh phiền phức cho anh tân binh.	Không nên nói dối.
Mượn xe bố đưa bạn mới quen về đơn vị để tránh trễ giờ là hợp lí.	Không nên coi trọng bạn bè hơn gia đình.

❖ BÀI TẬP SÁNG TẠO

Bài tập sáng tạo: Giả sử sau ba chục năm, “anh bộ đội” năm xưa và Giang tình cờ gặp lại nhau, câu chuyện giữa hai người cần được kể thêm một đoạn. Nếu được tác giả uỷ quyền, bạn sẽ viết tiếp câu chuyện như thế nào? Hãy thể hiện ý tưởng của bạn (dưới dạng một tranh vẽ, một bài thơ hoặc một đoạn văn tự sự).

Mục tiêu: Đây là câu hỏi vận dụng, sáng tạo. HS có thể tự sáng tạo ra một kết thúc về cuộc gặp lại của hai nhân vật trong tác phẩm bằng nhiều hình thức khác nhau: một đoạn văn, một bài thơ, một bài hát, một clip ghi hình, một bức tranh,...

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV có thể cho HS làm việc theo cá nhân hoặc theo nhóm. Thực hiện nhóm nếu các bạn có chung ý tưởng sáng tạo về một clip ghi hình, một đoạn kịch, một bài hát hoặc một bức tranh để có thể cùng sáng tạo tập thể. Thực hiện cá nhân nếu các bạn muốn viết một bài thơ, một đoạn văn,...

Nếu HS muốn thực hiện nhóm, GV cần hướng dẫn cụ thể các thao tác: cần phác thảo ý tưởng, lên kế hoạch thời gian, phân chia công việc trong nhóm,... Nếu trong học kì đó chưa có hoạt động dự án thì có thể xem đây là một dự án văn học để giúp HS phát huy sáng tạo.

– HS có thể phát huy sáng tạo, nhưng phải dựa trên chủ đề, câu chuyện, tình huống, nhân vật,... đã học, không nên “sáng tạo” một cách tùy tiện.

6. DẠY ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM XUÂN VỀ

Lưu ý chung: Đây là một bài thơ được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Đất nước và con người*. GV hướng dẫn HS tập trung khai thác các nội dung kết nối chủ điểm chứ không phải là thể loại.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Câu 1:

– GV hướng dẫn HS đọc VB để liệt kê một số hình ảnh gợi tả không khí “xuân về”.

– HS đọc và liệt kê. HS có thể đưa ra nhiều hình ảnh như: “gió đông”, “đôi má thiếu nữ”, “nắng mới”, “lá non”, “lúa đang thì con gái”, “hoa bưởi, hoa cam”, “bướm”, “các cô gái đi chùa”...

Câu 2:

– GV hướng dẫn HS phát biểu cảm nhận về một trong những hình ảnh đã liệt kê ở câu 1, hình ảnh nào mà theo HS là đặc trưng nhất cho mùa xuân, có thể liên hệ với mùa xuân trên quê hương của HS.

– HS suy nghĩ và phát biểu, chia sẻ cảm nhận của cá nhân về hình ảnh được xem là đặc trưng nhất cho mùa xuân trong bài thơ, có sự gần gũi giữa hình ảnh đó với mùa xuân ở quê hương mình. Ví dụ, HS có thể phân tích hình ảnh “gió đông”, đặc biệt là ở miền Bắc khi xuân về thì khí hậu thay đổi, không khí mát lạnh. HS có thể so sánh với ở miền Nam, mùa xuân thì sẽ có những hình ảnh gì, có giống và khác với các hình ảnh trong bài thơ không? Một số hình ảnh mùa xuân ở miền Nam như: mai vàng, hoa nở, nắng mới, áo dài,...

Câu 3:

– GV hướng dẫn HS xác định chủ đề và cảm hứng chủ đạo của VB, liên hệ với nhan đề bài thơ. Dẫn dắt HS thấy được chủ đề về lòng yêu mến cảnh vật của các vùng miền quê hương đất nước; sự giao hoà giữa con người và sự thay đổi của tự nhiên; cảm hứng chủ đạo toát ra từ VB là sự ngợi ca và yêu thương con người, yêu thương cảnh vật (nhân cách hoá cảnh vật, sinh vật), nhất là cảnh vật ở nông thôn.

- HS suy nghĩ và phát biểu.
- GV trước khi kết thúc bài đọc VB này, hướng dẫn nhanh về yêu cầu đọc mở rộng theo thể loại – VB *Buổi học cuối cùng*.

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VĂN BẢN *BUỔI HỌC CUỐI CÙNG*

Lưu ý chung: Đây là VB tạo cơ hội để HS tự đọc VB tương đương về thể loại truyện,... SGK đã đưa ra một số câu hỏi định hướng giúp HS thực hiện các bước đọc VB mở rộng theo thể loại này. GV dành khoảng 15 phút, căn cứ vào đó để HS tự đọc và tự trả lời các câu hỏi để rèn luyện cách đọc VB truyện.

Ngoài ra, GV cũng có thể đưa thêm một số câu hỏi gợi ý mang tính chất mở rộng hướng dẫn thêm cách đọc truyện:

- *Qua điểm nhìn của cậu bé Phê-răng, hình ảnh thầy giáo Ha-men hiện lên như thế nào?*
- *Nhân vật thầy giáo Ha-men đã góp phần củng cố tư tưởng của VB truyện như thế nào?*
- *Viết một đoạn văn ngắn miêu tả cậu bé Phê-răng.*

Chương trình Ngữ văn lớp 10 yêu cầu về đọc mở rộng VB văn học:

“– Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học.

– Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.”

Sau khi hướng dẫn đọc mở rộng theo thể loại, GV cần nhắc HS lưu ý thực hiện YCCĐ này.

8. DẠY HỌC TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

GV dành khoảng 10 phút để hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh tri thức tiếng Việt với hai nội dung: *biện pháp tu từ chêm xen* và *biện pháp tu từ liệt kê*. Sau đó, tổ chức cho HS thực hành.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Lưu ý chung: *Biện pháp tu từ chêm xen* và *biện pháp tu từ liệt kê* là hai hiện tượng ngôn ngữ đã xuất hiện trong các VB của bài học. Tri thức tiếng Việt cũng như các ví dụ đã rõ ràng, điều quan trọng là HS vận dụng được vào việc thực hiện các bài tập thực hành. Các bài thực hành tiếng Việt ở đây, một mặt, giúp ích thiết thực cho việc đọc hiểu VB; mặt khác, giúp HS vận dụng trong khi thực hành các kĩ năng nói và viết.

Gợi ý về cách thực hiện các bài tập: Với phần thực hành các bài tập tiếng Việt, GV không nhất thiết phải giảng lại toàn bộ phần lí thuyết mà nên hướng dẫn HS nhớ lại kiến thức ở đầu bài. Các bài tập hầu hết đều lấy từ các VB học trong chương trình Ngữ văn lớp 10 hoặc từ các bài lớp dưới để thực hiện nguyên tắc tích hợp.

GV hướng dẫn cho HS lần lượt giải các bài tập trong SGK.

Bài tập 1:

GV hướng dẫn HS đọc lại các VB và thực hiện một số yêu cầu:

- Chỉ ra biện pháp tu từ chêm xen.
- Giải thích dấu hiệu giúp HS nhận diện biện pháp tu từ này trong bài tập, tùy theo từng câu mà thành phần chêm xen có thể được nhận ra bằng những dấu hiệu khác nhau: câu a (dấu ngoặc đơn), câu b (dấu gạch ngang), câu c (dấu phẩy).
- Chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen trong các ngữ liệu đã cho: bổ sung thông tin (câu b), vừa bổ sung thông tin vừa bộc lộ cảm xúc (câu a và câu c).

Bài tập 2:

GV hướng dẫn HS đọc lại các ngữ liệu và thực hiện một số yêu cầu:

- Chỉ ra biện pháp tu từ liệt kê. Dấu hiệu nhận diện: Các từ, các cụm từ cùng loại (có cấu tạo ngữ pháp tương đương nhau) sắp xếp nối tiếp nhau, ngăn cách với nhau bằng các dấu phẩy.

Gợi ý:

a. *Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, muong rạch, của đất ẩm và đường khí thảo mộc thở ra từ bình minh.* (Đoàn Giỏi)

b. *Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh...* (Đoàn Giỏi)

c. *Bà con xem, Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán.* (Trích sử thi Đăm Săn)

d. *Tôi đã cầm cây xà gạc phát rẫy mới này, tôi rạch rừng, tôi giết tê giác trong thung, giết cọp beo trên núi, giết kên kên, quạ dữ trên ngọn cây, chém ma thiêng quỷ ác trên đường đi.* (Trích sử thi Đăm Săn)

Lưu ý: Trong ngữ liệu d, ngoài phép liệt kê đã chỉ ra ở trên, các vế câu cũng có thể tạo thành một phép liệt kê.

- Tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong các văn bản trên: (1) miêu tả chi tiết những khía cạnh khác nhau của đối tượng; (2) tạo ấn tượng mạnh về hình ảnh và cảm xúc cho người đọc.

Bài tập 3:

GV hướng dẫn HS đảo trật tự các bộ phận của các phép liệt kê trong đoạn văn để rút ra kết luận các phép liệt kê ấy có gì khác nhau không. Bài tập này nhằm giúp HS phân biệt kiểu liệt kê tăng tiến và kiểu liệt kê không tăng tiến. Trong phép liệt kê tăng tiến, chúng ta không thể đảo trật tự các bộ phận của nó (ví dụ: phép liệt kê *hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu*).

GV yêu cầu HS đảo trật tự các bộ phận của những phép liệt kê khác và rút ra nhận xét.

– trí tuệ hoá và quốc tế hoá

– thời đại của thông tin, của trí tuệ; thời đại của hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu

– của thông tin, của trí tuệ

8.3. Từ đọc đến viết

GV lưu ý HS:

– Viết ngắn, trong trường hợp này đồng thời cũng có nghĩa là phải viết nhanh, tạo lập được sản phẩm (đoạn văn) trong một khoảng thời gian ngắn. Với kiểu bài tập này, chưa nên đặt nặng yêu cầu viết tốt, viết hay mà nên coi trọng kĩ năng viết nhanh, rõ ý. GV nên hướng dẫn HS thực hiện theo các bước:

– *Đọc nhanh* đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề. Với bài tập này, có yêu cầu về đề tài (viết về cái gì?).

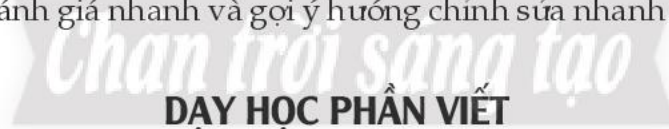
– *Lựa chọn nhanh* đề tài cho đoạn văn ngắn của bản thân.

Bài tập nêu đề tài: “Kể lại ấn tượng về một vùng đất mà bạn đã đi qua” hoặc “Nêu cảm nghĩ về một nhân vật mà bạn cảm thấy gần gũi nhất trong hai VB *Đất rừng phương Nam* (trích) và *Giang*”. Hai câu này nhằm giúp bạn hiểu sâu thêm chủ điểm *Đất nước và con người*.

Như vậy HS phải chọn lựa một trong hai chủ đề trên.

– *Viết nhanh bản thảo* đoạn văn đồng thời, *đọc lại và chỉnh sửa nhanh*.

GV nhận xét, đánh giá nhanh và gợi ý hướng chỉnh sửa nhanh cho bài tập của HS.



Lưu ý chung: Việc dạy viết hầu hết các kiểu VB theo chương trình Ngữ văn lớp 10 đều phải dựa vào quy trình 4 bước: **1. Chuẩn bị viết** 2. **Tìm ý, lập dàn ý**, 3. **Viết bài**, 4. **Xem lại và chỉnh sửa**. HS cần được hướng dẫn kĩ lưỡng và thực hành viết theo quy trình thường xuyên thì mới có kĩ năng viết VB thành thạo. Với việc dạy viết VB *phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch* cũng vậy.

Dưới đây là một số nội dung gợi ý về việc dạy viết VB *phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch*.

1. DẠY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Trước khi hướng dẫn HS phân tích kiểu VB và tạo lập VB, GV cần dành thời gian để trao đổi, trang bị cho HS một số tri thức cơ bản về kiểu bài. Tri thức này đã được nêu tóm lược trong SGK (đặt trong box, với 4 điểm yêu cầu đối với kiểu bài).

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

Một số lưu ý về nội dung và cách thực hiện khâu này:

– Bài văn được chọn tham khảo để phân tích về kiểu bài *phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch* là truyện “Cô bé bán diêm” của Andersen (An-đéc-xen). Trước khi hướng dẫn HS phân tích bài tham khảo, GV cần lưu ý HS đọc lại truyện “Cô bé bán diêm”, sau đó đọc kĩ VB bài viết; nhắc các em khi đọc, phải làm sao vừa bao quát toàn VB, vừa nắm bắt các chi tiết cụ thể về ý tưởng lẫn cách thức nghị luận (luận điểm – lí lẽ – bằng chứng).

– GV yêu cầu HS đọc, suy nghĩ trả lời các câu hỏi (hướng dẫn phân tích VB tham khảo. Có thể cho HS thảo luận và nêu nhận xét về bài viết.

Trong và sau khi HS đọc bài viết tham khảo, GV yêu cầu HS đối chiếu VB này với *Yêu cầu đối với kiểu bài* (mục *Tri thức về kiểu bài*) và lần lượt trả lời các câu hỏi gợi ý phân tích VB bài viết tham khảo. Có thể cho HS thảo luận và nêu nhận xét về bài viết. Qua đó, các em tự học hỏi cách thực hiện các yêu cầu cụ thể của bài văn *phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch*.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

GV giao đề bài (vừa đọc to, vừa ghi lên bảng, có thể yêu cầu một vài HS nhắc lại đề bài).

3.2. Hướng dẫn học sinh thực hành quy trình viết

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu viết VB theo quy trình viết nói chung, viết VB nghị luận *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện hoặc một màn kịch* nói riêng. SGK đã có các hướng dẫn khá tỉ mỉ về quy trình này.

GV có thể yêu cầu HS tóm tắt các bước dưới dạng bảng (hoặc sơ đồ) để nhắc lại quy trình viết. GV có thể lưu ý thêm một số điểm hạn chế mà HS vẫn vấp phải trong khi thực hiện từng bước trong quy trình.

Dưới đây, xin lưu ý một số bước.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Cần phải lưu ý HS: việc xác định, chọn lựa tác phẩm là hoạt động, công việc phải do mỗi HS thực hiện. Dựa vào SGK, GV có thể gợi ra một danh mục “tác phẩm” để HS cân nhắc lựa chọn (cũng có thể chọn một tác phẩm khác).

GV lưu ý HS phải tự mình lựa chọn tác phẩm, nhưng để việc triển khai viết bài được thuận lợi nhất, tác phẩm được chọn nên là:

- Tác phẩm mà HS quan tâm, am hiểu, có hứng thú trong việc trình bày.
- Tác phẩm đó quen thuộc, gần gũi với HS và các bạn cùng trang lứa.

– Tác phẩm đó thuận lợi cho HS trong việc đọc, thu thập tư liệu, tìm ý để chuẩn bị cho bài viết.

– Tác phẩm đó có nội dung hấp dẫn, nghệ thuật đặc sắc.

– Có thể tìm những tác phẩm đang được nhiều người quan tâm (ví dụ như tác giả mới, tác giả nổi tiếng, tác giả đạt giải thưởng, tác phẩm được dựng thành phim,...), hoặc tác phẩm gây ra những tranh luận để HS có thể góp thêm một quan điểm, cách đánh giá hòng làm sáng tỏ giá trị tác phẩm.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Để HS có thời gian thu thập tư liệu, tìm ý, lập dàn ý, GV nên giao đề trước khoảng một tuần lễ.

Đến lớp, khi thực hiện bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào kết quả tìm ý tưởng đã chuẩn bị ở nhà, chuẩn bị phác thảo dàn ý cho bài viết. Sau đó, GV có thể mời một số HS chia sẻ những ý tưởng hay dàn ý của mình.

GV giúp HS ghi nhớ bố cục dàn ý của VB nghị luận *phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện hoặc tác phẩm kịch*. Xác định rõ mỗi phần mở bài, thân bài, kết bài cần phải phải đáp ứng các nội dung gì.

Bước 3: Viết bài

GV hướng dẫn HS dựa vào dàn ý mà các em đã tạo lập, viết (ở nhà) một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài *phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hay tác phẩm kịch*, nhằm đáp ứng YCCĐ. Trên lớp, không có nhiều thời gian, chỉ nên yêu cầu HS dựa vào dàn ý vừa lập, viết một đoạn để triển khai một ý nào đó. GV và HS có thể nhận xét chỉnh sửa đoạn văn ấy nếu có điều kiện.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

GV cần hình thành ở HS ý thức và thói quen xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm. Thường GV nên tập trung: hướng dẫn HS tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng kiểm (SGK); dựa vào bảng kiểm để tự chỉnh sửa về nội dung và các lỗi (nếu cần); dựa vào câu hỏi (SGK) để tự đánh giá bài viết của mình.

DẠY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Đề tài nói – nghe ở đây là *Giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch*.

Lưu ý chung: Đề tài nói và nghe ở bài này chính là đề tài mà HS đã viết bài văn. Vì thế một số bước chuẩn bị bài nói theo quy trình HS hoàn toàn có thể dựa vào bài viết, nhất là các khâu *xác định đề tài, tìm ý, lập dàn ý*. Tuy nhiên, nói và nghe có những yêu cầu riêng, đối tượng ở đây là tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch thì cần lưu ý có

một số điểm khác so với các bài nói và nghe lấy đối tượng phân tích đánh giá là tác phẩm thơ văn trữ tình. Ví dụ:

- Các trích dẫn không nên quá dài dòng.

- Các luận điểm về nghệ thuật cần tập trung vào đặc trưng của truyện như nhân vật, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,... còn về kịch thì tập trung vào xung đột kịch, lời thoại, nhân vật,...

GV cần lưu ý HS đối với từng bước trong quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Khác với bài viết, bài nói cần *xác định mục đích nói và người nghe, không gian và thời gian nói*. GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SGK để thực hiện khâu này.

Tìm ý

GV lưu ý HS: Nói là trình bày giao tiếp trực tiếp với người nghe cụ thể trong không gian, thời gian xác định; vì thế cần chuẩn bị ý tưởng theo yêu cầu của bài nói; nên có thêm một số ý tưởng liên quan đến cách thức trình bày bài nói sao cho hiệu quả. SGK đã đưa ra 4 gợi ý, GV cần hướng dẫn HS áp dụng việc tìm ý tưởng theo các gợi ý này. Đặc biệt lưu ý: *a. tìm những câu mở đầu, kết thúc bài nói phù hợp, nhằm gây chú ý, tạo ấn tượng đối với người nghe; b. sử dụng công cụ hỗ trợ như: bảng tóm tắt các ý chính để khi cần thì chỉ cần nhìn lướt qua là nhớ; chuẩn bị tìm hình ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu để tăng tính thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng (nếu có điều kiện); c. dự kiến trước một số điểm nghi vấn, băn khoăn, thắc mắc mà người nghe có thể nêu lên tìm cách trả lời, giải đáp.*

Lập dàn ý

GV hướng dẫn HS sử dụng dàn ý của bài viết điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của bài nói như đánh dấu tập trung vào một số ý chính, sau đó nghĩ về cách chuyển những ý này thành nội dung chính của bài nói; sắp xếp và dự kiến thời điểm, cách thức sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi trình bày bài nói.

Luyện tập

GV hướng dẫn HS một số cách luyện tập ở nhà. Trước hết là tập phát âm to, rõ ràng; tập điều chỉnh cao độ, nhịp độ, tập biểu cảm.

GV hướng dẫn HS cách chuyển các nội dung trong bài viết thành nội dung của bài nói thông qua lựa chọn những từ ngữ thích hợp của ngôn ngữ nói và quen thuộc với người nghe (tránh dùng ngôn ngữ viết và đọc lại bài viết). Đồng thời lưu ý HS tập thói quen điều chỉnh giọng điệu (cao độ, âm lượng, tốc độ), tập kết hợp giọng điệu với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... sao cho phù hợp.

Bước 2: Trình bày bài nói

GV hướng dẫn HS sử dụng một số kỹ thuật nói như dựa vào phần tóm tắt ý đã chuẩn bị từ trước, sử dụng những tờ giấy nhỏ để viết; ghi chú ngắn gọn, súc tích nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ,... phát huy sự hỗ trợ của các phương tiện nghe, nhìn trong khi thực hiện bài nói, nếu có điều kiện; chọn vị trí đứng thuận lợi cho việc giao lưu, tiếp cận khán thính giả.

GV tập cho HS cách trình bày theo các trình tự linh hoạt. Nhưng khuyến khích trình bày từ khái quát đến cụ thể. Ví dụ: điểm tên các luận điểm trước, sau đó mới trình bày cụ thể từng luận điểm, nhằm giúp người nghe dễ dàng và chủ động hơn trong việc theo dõi phần trình bày của bạn.

GV hướng dẫn HS từng bước tương tác với người nghe bằng mắt, bằng câu hỏi và giọng điệu,...

Bước 3: Trao đổi và đánh giá

Trao đổi

SGK hướng dẫn khá kỹ về hai hoạt động này, GV căn cứ vào đó để tổ chức cho HS thực hiện hai hoạt động trao đổi và đánh giá trên cơ sở lần lượt đặt mình vào vai người nói, rồi vai người nghe.

Trong vai trò là người nói: HS biết lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài trình bày; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.

Trong vai trò là người nghe: HS biết lắng nghe bài trình bày của bạn mình, biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, hình thức của bài trình bày của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt.

GV nhắc nhở HS dù ở vai nào cũng phải tôn trọng các ý kiến khác với ý kiến của mình; có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe,...

Đánh giá

GV hướng dẫn HS tập đánh giá theo các tiêu chí cơ bản: *mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung; cách diễn đạt, giọng điệu; cách sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ; cách mở đầu, kết thúc bài nói với các biểu hiện cụ thể,...*; tập đánh giá bài nói từ cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe; biết sử dụng bảng kiểm (SGK) để đánh giá bài nói.

ÔN TẬP

GV hướng dẫn HS ôn tập theo sáu câu hỏi trong SGK. Dưới đây là một số gợi ý, đáp án tham khảo và cách thức thực hiện.

1. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập này bằng cách lập bảng đối chiếu chủ đề, thông điệp, tư tưởng, điểm nhìn trần thuật của ba VB *Đất rừng phương Nam* (trích), *Giang* và *Buổi học cuối cùng* (làm vào vở).

Bảng đối chiếu các yêu cầu của bài tập

Văn bản	Chủ đề	Tư tưởng	Điểm nhìn trần thuật
<i>Đất rừng phương Nam</i> (trích)			
<i>Giang</i>			
<i>Buổi học cuối cùng</i>			

2. GV hướng dẫn HS đối chiếu mục từ *Nhân vật* trong *Tri thức Ngữ văn* đọc hiểu với các nhân vật trong hai VB để thực hiện yêu cầu của bài tập. HS có thể chọn nhân vật tùy theo cảm nhận của HS, không nhất thiết phải là nhân vật chính. Tuy nhiên khi nêu nhận xét hay cảm nhận, GV cần lưu ý các đặc điểm, tính cách của nhân vật mà HS đưa ra có hợp lí và sát với VB không.
3. GV hướng dẫn HS ôn lại tri thức về thành phần chêm xen và thành phần liệt kê và nêu tác dụng của chúng trong VB mà HS đã viết.
- 4, 5. GV hướng dẫn HS ôn lại tri thức về kiểu bài, nhớ lại bố cục, cách viết và trình bày một VB nghị luận *phân tích, đánh giá tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch* trên các phương diện chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng trong VB mẫu và bài viết/ trình bày của bản thân để trả lời hai câu hỏi này.
6. GV yêu cầu HS: vận dụng các trải nghiệm, nội dung suy ngẫm và phản hồi khi đọc hiểu ba VB trong bài để trả lời câu hỏi này.

Gợi ý: Quê hương, đất nước có ý nghĩa thân thương, thiêng liêng như thế nào đối với mỗi con người? Những biểu hiện cụ thể của hình ảnh về quê hương, đất nước đối với bạn là qua những vùng đất nào? Đồng thời, qua các VB đã học, bạn cảm nhận được tình cảm đồng bào đối với nhau như thế nào? Những đóng góp của con người cho vùng đất mà mình yêu thương, gắn bó có tác dụng thế nào cho việc bồi đắp tình yêu quê hương đất nước của chính bạn?

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**1. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC**

Hướng dẫn HS đạt được các yêu cầu về *phẩm chất, năng lực chung* và *năng lực đặc thù*.

Về phẩm chất: Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Về năng lực chung: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe, *năng lực hợp tác* thông qua các hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết và bài nói của bạn.

Về năng lực đặc thù: Phát triển *năng lực ngôn ngữ và văn học* thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập cụ thể về *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe* nhằm đáp ứng các *yêu cầu cần đạt* (YCCĐ) như sau:

– Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB; nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.

– Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua VB và từ VB); nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân.

– Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB.

– Viết được một bài luận về bản thân.

– Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

– Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Các YCCĐ trên đây là mục tiêu cụ thể của bài học, được thực hiện thông qua hệ thống câu hỏi của hai VB đọc chính và VB đọc mở rộng theo thể loại. Đây là cơ sở để ra đề kiểm tra đánh giá. Cần bảo đảm không bị sót bất cứ YCCĐ nào. Tất cả các chi tiết, bộ phận trong YCCĐ, tối thiểu phải được thực hiện một lần qua câu hỏi *Sau khi đọc*.

Về phân bố thời lượng dạy học, GV tùy vào điều kiện thực tế của đối tượng, địa phương mà phân bố số tiết cho từng nhóm kĩ năng một cách phù hợp với việc thực hiện mục tiêu.

2. ĐẶC ĐIỂM BÀI HỌC VÀ PHÂN BỐ SỐ TIẾT

2.1. Đặc điểm bài học

– Về thể loại:

Trong bài học này, HS được hướng dẫn đọc hiểu một số VB thuộc VB nghị luận và hình thành các kĩ năng viết, nói và nghe gắn với chủ đề *Khát vọng độc lập và tự do*. Đó là chủ điểm xuyên suốt của bài học, thể hiện tinh thần tích hợp về nội dung dạy học và phát triển năng lực cho HS của bộ sách. Các tri thức mới về văn học và tiếng Việt được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ văn* nhằm hỗ trợ HS thực hành, luyện tập *đọc, viết, nói và nghe*.

– Về cấu trúc bài học:

Các hoạt động *đọc, viết, nói và nghe* được tổ chức thực hiện trên tinh thần tích hợp, tương hỗ qua lại lẫn nhau, và về cơ bản, được triển khai dựa trên một cụm ngữ liệu (riêng về hoạt động viết, có thêm ngữ liệu là một VB tham khảo để HS trực quan về kiểu bài *bài luận về bản thân*).

Đọc: HS học kĩ năng đọc VB nghị luận thông qua VB *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), VB *Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khẳng định chân lí độc lập của dân tộc* (Nguyễn Hữu Sơn), VB *Tôi có một giấc mơ* (Mác-tin Lu-thơ Kinh). HS đạt được yêu cầu về đọc hiểu nội dung qua việc đọc VB đọc kết nối chủ điểm *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi) để từ đó hiểu hơn về chủ điểm bài học *Khát vọng độc lập và tự do*.

Tiếng Việt: Thực hành theo YCCĐ: nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB.

Viết, nói và nghe: HS viết được một bài luận về bản thân; biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét nội dung và hình thức thuyết trình.

2.2. Phân bố số tiết

Bài học *Khát vọng độc lập và tự do* dự kiến được dạy trong thời gian 12 tiết, có thể phân chia như sau:

– Đọc: 5,5 tiết (VB 1: 2,5 tiết; VB 2: 2 tiết; VB 3 đọc kết nối chủ điểm: 0,5 tiết và VB 4 đọc mở rộng theo thể loại: 0,5 tiết)

– Viết: 4 tiết (1 tiết hướng dẫn; 2 tiết HS làm bài trên lớp; 1 tiết trả bài)

– Tiếng Việt: 1 tiết

– Nói – nghe: 1 tiết

– Ôn tập: 0,5 tiết

Việc phân bố thời gian cho hoạt động rèn luyện từng kĩ năng được xác định như trên. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho vẫn đảm bảo được những định hướng nội dung và YCCĐ của bài học.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

3.1. Phương pháp dạy học

SGK *Ngữ văn 10* thiết kế một hệ thống nhiệm vụ học tập riêng cho từng phần đọc, tiếng Việt, viết kết nối với đọc, viết VB, nói và nghe, ôn tập. GV cần nghiên cứu, khai thác các kĩ thuật dạy học để thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập này. GV nên kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về VB nghị luận, kiểu bài luận về bản thân, phương pháp phân tích mẫu và đàm thoại gợi mở để hướng dẫn HS phân tích kiểu VB nhằm hình thành và củng cố kiến thức về đặc trưng kiểu bài luận về bản thân.

- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến khi dạy đọc VB.

- Ngoài ra, GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kĩ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và kiến thức Tiếng Việt.

3.2. Phương tiện dạy học

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- SGK, SGV.
- Máy chiếu dùng để chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.
- Giấy A1 hoặc A3 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu *Chuẩn bị đọc*, *Sau khi đọc*) trong SHS thành phiếu học tập.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài thuyết trình của HS.
- ...

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

DẠY HỌC PHẦN ĐỌC VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Định hướng chung

Trọng tâm của bài học là hướng dẫn HS đọc hiểu VB nghị luận. Vì thế, mục tiêu giúp HS “Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB; nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận” sẽ là mục tiêu hàng đầu. Cùng với đó là các YCCĐ: “Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua VB và từ VB); nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân”.

Để giúp HS đạt được các YCCĐ đó, việc tổ chức hoạt động dạy học đọc cần tuân thủ một số nguyên tắc, cách thức sau đây:

Thứ nhất: Bám sát và đáp ứng đầy đủ mục tiêu của bài học, cụ thể là bám sát các YCCĐ về đọc đã phân bố cho bài học và cho mỗi VB trong cụm ngữ liệu (Xem Ma trận YCCĐ – câu hỏi đọc hiểu đối với từng VB).

Thứ hai: Bám sát và tuân thủ quy trình dạy học đọc hiểu trên lớp, gồm các khâu *Trước khi đọc, Đọc VB, Sau khi đọc* để hình thành các thói quen, các kĩ năng và rộng hơn, năng lực đọc hiểu VB cho HS.

Thứ ba: Chú ý đúng mức đến việc phối hợp các cấp độ nhận thức của HS trong tiếp nhận VB thông qua một hệ thống câu hỏi dẫn dắt, khơi gợi (có thể thêm các câu hỏi ngoài) để HS tự trải nghiệm và khám phá VB, từng bước chủ động tích lũy kinh nghiệm, phương pháp đọc VB.

Cũng cần lưu ý thêm rằng: (1) các câu hỏi trong khi đọc được đặt ra là để HS biết dừng lại ở những điểm cần thiết khi đọc VB, tự trả lời từ đó mà rèn luyện các kĩ năng đọc (*suy luận, liên hệ, tưởng tượng,...*); (2) trong các câu hỏi ở bước *Sau khi đọc* thường có những câu hỏi định hướng nhận biết thể loại; nhận biết và phân tích các yếu tố hình thức của thể loại.

1. DẠY HỌC TRI THỨC NGỮ VĂN

1.1. Tri thức văn học

Ở bài này, HS sẽ tiếp tục học tri thức về VB nghị luận. Có 3 đơn vị kiến thức GV cần chú ý:

- Mục đích và quan điểm của người viết trong VB nghị luận.
- Bối cảnh lịch sử, văn hoá xã hội trong VB nghị luận.
- Yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.

Để dạy những nội dung này, GV cần:

(1) Kích hoạt kiến thức nền của HS (đã được học ở THCS) về VB nghị luận: các yếu tố cơ bản của văn nghị luận, mục đích viết của VB nghị luận.

(2) Cho HS đọc *Tri thức Ngữ văn*, ghi chú lại những thông tin quan trọng. GV có thể đưa thêm ví dụ để học sinh hình dung về các đơn vị kiến thức, dựa vào những VB nghị luận HS đã học ở cấp THCS.

Lưu ý: Việc dạy tri thức văn học là một quá trình: đọc mục *Tri thức Ngữ văn* để bước đầu hình thành kiến thức → đọc các VB 1, VB 2, VB đọc mở rộng theo thể loại và soi chiếu lại mục *Tri thức Ngữ văn* để hình dung trực quan hơn về đặc điểm thể loại văn nghị luận và các lưu ý đọc VB nghị luận → khái quát đặc điểm thể loại văn nghị luận và kĩ năng đọc VB nghị luận. Do đó, GV không yêu cầu HS phải học thuộc tri thức văn học ở bước đọc và hình thành kiến thức (bước đầu tiên).

1.2. Tri thức tiếng Việt

Ở bài này, HS sẽ được học lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa. GV cần tổ chức cho HS đọc nội dung kiến thức tiếng Việt ở mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK, lưu ý những nội dung sau:

- Lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB xảy ra khi nào?
- Một số lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB: Ngoài những lỗi giống như lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn (xem *Tri thức Ngữ văn*, bài *Tạo lập thể giới*), trong VB còn có lỗi không tách đoạn và lỗi tách đoạn tùy tiện.
- Cách chỉnh sửa đối với từng loại lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB.

GV cần nêu câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ví dụ. Nếu cần, GV có thể chuẩn bị thêm một số ví dụ khác và hướng dẫn HS cách sửa. Lưu ý HS nắm vững kiến thức các loại lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB và cách chỉnh sửa để vận dụng vào việc làm bài tập ở phần *Thực hành tiếng Việt*.

2. GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể tham khảo lời giới thiệu trong SGK. GV cũng có thể cho HS xem những video tư liệu về quá trình kháng chiến giành độc lập – tự do của dân tộc, chia sẻ cảm nghĩ, từ đó GV dẫn dắt vào chủ điểm bài học.

3. DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

(Xem hướng dẫn ở các bài trước)

4. DẠY ĐỌC VĂN BẢN HỊCH TƯỚNG SĨ

4.1. Trước khi đọc

GV cho HS đọc box thông tin ở đầu VB để hiểu về thể loại hịch và hoàn cảnh sáng tác *Hịch tướng sĩ*. GV nhấn mạnh: hịch là một thể văn nghị luận cổ, bên cạnh những đặc điểm riêng về chủ thể sáng tác (viết bởi vua chúa, tướng lĩnh, thủ lĩnh phong trào), đối tượng người đọc (binh sĩ), mục đích viết (thuyết phục binh sĩ chống thù trong giặc ngoài) thì hịch cũng thể hiện các đặc điểm chung của văn nghị luận.

Hoạt động *Trước khi đọc* nhằm mục đích kích hoạt kiến thức nền của HS về bối cảnh văn hoá lịch sử có liên quan đến VB *Hịch tướng sĩ* (câu hỏi 1) cũng như hiểu biết về tác giả Trần Quốc Tuấn (câu hỏi 2). Đây là những cơ sở quan trọng để HS đọc – hiểu VB *Hịch tướng sĩ*, giải mã các tầng nghĩa VB. Để thực hiện hoạt động này, GV có thể giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. Ở lớp, GV có thể thực hiện kĩ thuật phòng tranh để buổi giới thiệu, chia sẻ sản phẩm được sinh động.

GV cũng cần tổ chức hoạt động kích hoạt kiến thức nền của HS về thể văn nghị luận mà HS đã học ở các lớp dưới: khái niệm, mục đích, đặc điểm, các yếu tố cơ bản như luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. GV có thể tổ chức dưới hình thức trò chơi, câu hỏi trắc nghiệm, giải ô chữ...

4.2. Đọc văn bản

GV cho HS đọc từng đoạn, hướng dẫn HS chọn ngữ điệu đọc phù hợp. Cần đọc VB một cách chậm rãi, trang nghiêm, giọng điệu đanh thép, hùng hồn, làm bật lên âm hưởng hùng biện của bản *Hịch tướng sĩ*.

Trong quá trình đọc, GV sử dụng phương pháp nói to suy nghĩ (think – aloud) để hướng dẫn HS về kĩ năng đọc. GV cần lưu ý, các câu hỏi trong khi đọc sẽ có mối liên kết với những câu hỏi ở phần *Sau khi đọc*, làm tiền đề, cơ sở để giúp HS trả lời các câu hỏi *Sau khi đọc*. Cụ thể như sau:

Câu hỏi Đọc VB	Câu hỏi <i>Sau khi đọc</i> có liên quan
Câu hỏi 1 (Suy luận)	Câu hỏi 1, câu hỏi 3, câu hỏi 4
Câu hỏi 2 (Suy luận)	Câu hỏi 2
Câu hỏi 3 (Suy luận)	Câu hỏi 2, câu hỏi 6

4.3. Sau khi đọc

4.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản *Hịch tướng sĩ*

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
– Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB (1a); nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả (1b); vai trò của các yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận (1c).	(1a) câu 1, câu 3, câu 5 (1b) câu 4 (1c) câu 2
– Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua VB và từ VB) (2a); nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân (2b).	(2a) câu 6 (2b) câu 7

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, hoặc làm việc theo nhóm đôi, nhóm nhỏ từ 4 – 6 thành viên để thảo luận, trả lời các câu hỏi *Sau khi đọc*. GV lưu ý HS xem lại *Tri thức Ngữ văn* và đọc lướt, đọc quét VB để suy nghĩ, tìm câu trả lời. Sau đó, GV mời HS trình bày ý kiến và nhận xét, kết luận.

Sau đây là một số gợi ý trả lời:

4.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

Câu 1:

Mục tiêu: Nhằm giúp HS xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của VB *Hịch tướng sĩ*. GV hướng dẫn HS đọc quét và đọc lướt, chú ý vào các phần VB được đánh số và chỉ ra hệ thống luận điểm, lí lẽ bằng chứng của VB theo mẫu trong SGK.

Gợi ý:

STT	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1	Những tấm gương trung nghĩa đời trước.	– Lí lẽ: từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước đời nào cũng có, được lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ. → Bằng chứng: Kỷ Tín, Do Vu, Dị Nhượng, Kính Đức, Cảo Khanh, Nguyễn Văn Lập, Xích Tu Tư.
2	Nỗi căm thù của Trần Quốc Tuấn trước những tội ác và hành động ngang ngược của quân Mông – Nguyên trên đất nước ta.	– Lí lẽ 2.1: ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan → Bằng chứng: sứ giặc nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, đòi ngọc lụa để thỏa lòng tham, thu bạc vàng vét của kho có hạn. – Lí lẽ 2.2: “chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”, “Dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”.
3	Phê phán những biểu hiện sai của binh sĩ đồng thời khẳng định thái độ đúng đắn trước tình cảnh hiện tại của đất nước.	– Lí lẽ 3.1: nhắc lại ân tình giữa Trần Quốc Tuấn và binh sĩ, so sánh ân tình đó với các tấm gương nhân nghĩa thuở trước. – Lí lẽ 3.2: phê phán thái độ thờ ơ, chỉ lo hưởng thụ của binh sĩ và tác hại của thái độ ấy → Bằng chứng: “nhìn chủ nhục mà không biết lo”, “làm tướng triều đình hầu quân giặc mà không biết tức”, “nghe nhạc thái thường để đãi yến nguy sứ mà không biết căm”...; nếu có giặc tràn sang thì “cựa gà trống không thể làm thủng áo giáp của giặc”, “mèo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh”,... – Lí lẽ 3.3: khẳng định thái độ đúng đắn là phải luôn cảnh giác trước giặc ngoại xâm và cần rèn luyện binh sĩ để sẵn sàng đánh giặc, có như vậy mới bảo vệ được đất nước, mang lại vinh quang cho bản thân và gia tộc. → Bằng chứng: “thái ấp ta vững bền,... bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ”, “gia quyến ta được êm ấm gối chăn, ... vợ con các người cũng được bách niên giai lão”,...

4	<i>Khích lệ binh sĩ chuyên tâm học theo “Binh thư yếu lược” để đánh giặc cứu nước.</i>	– Lí lẽ 4.1: học theo sách <i>Binh thư yếu lược</i> là theo đạo thần chủ. – Lí lẽ 4.2: mỗi thù không đội trời chung với giặc không cho phép binh tướng lơ là, cần học <i>Binh thư yếu lược</i> để tiêu diệt kẻ thù, bảo vệ bờ cõi, đó cũng là chân lí, lẽ phải để “rửa nhục”, “đứng trong trời đất”.
---	--	---

Câu 2:

Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và nêu tác dụng của các yếu tố biểu cảm trong VB *Hịch tướng sĩ*. Câu hỏi này có liên kết với câu hỏi 2 (Suy luận) và câu hỏi 3 (Suy luận) ở phần *Đọc VB*, do vậy GV hướng dẫn HS xem lại các câu hỏi trong khi đọc đã thực hiện để tìm câu trả lời. VB *Hịch tướng sĩ* có nhiều yếu tố biểu cảm, GV yêu cầu HS nêu ra một số yếu tố theo gợi ý trong SGK.

Gợi ý:

Tác dụng của các yếu tố biểu cảm này:

- Tác động đến tướng sĩ (đối tượng VB trực tiếp hướng đến): Cảm phục trước những tấm gương trung nghĩa trong lịch sử; khơi gợi sự cảm kích trước ân tình giữa họ và Trần Quốc Tuấn, thấu hiểu và kính trọng tấm lòng của Trần Quốc Tuấn với đất nước; nhận ra những sai lầm của bản thân và sẵn sàng thay đổi; khơi gợi lòng căm thù giặc và ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi với non sông, khơi dậy ý chí quyết tâm rèn luyện theo *Binh thư yếu lược*.

- Tác động đến người đọc sau này (HS có thể đưa ra nhiều phương án thể hiện quan điểm cá nhân, sau đây là một vài gợi ý): trân trọng, biết ơn lòng yêu nước và sự nghiệp chống giặc ngoại xâm của Trần Quốc Tuấn nói riêng, quân dân thời nhà Trần nói chung; trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; khơi gợi sự phản tư về trách nhiệm của bản thân với đất nước...

Câu 3:

Mục tiêu: Giúp HS nhận ra mục đích viết của *Hịch tướng sĩ* thông qua hệ thống luận điểm, các lí lẽ và bằng chứng của VB. GV hướng dẫn HS dựa vào phần trả lời câu 1, đọc quét các phần của VB, xác định mục đích viết của từng phần và mục đích viết của toàn VB.

Gợi ý:

- Mục đích viết của phần 1: Thông qua tấm gương trung nghĩa thuở trước, nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.

- Mục đích viết của phần 2: Khơi dậy lòng căm thù giặc của binh sĩ, giúp binh sĩ hiểu được tâm tư của Trần Quốc Tuấn.

– Mục đích viết của phần 3: Nhắc lại ân tình của Trần Quốc Tuấn với binh sĩ để nhắc nhở về lòng trung thành và cách sống hợp đạo lí, qua đó phân tích cho binh sĩ hiểu những sai lầm của bản thân và lẽ phải cần theo đuổi.

– Mục đích viết của phần 4: Kêu gọi binh sĩ chuyên tâm tập *Binh thư yếu lược* để đánh giặc cứu nước.

→ Mục đích viết của VB: Khơi gợi lòng căm thù giặc, ý chí quyết tâm chống giặc cứu nước của binh sĩ, thuyết phục binh sĩ chuyên tâm tập luyện *Binh thư yếu lược*.

Câu 4:

Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích cách sắp xếp luận điểm trong VB.

Gợi ý: Các luận điểm trong *Hịch tướng sĩ* được sắp xếp theo một trật tự rất chặt chẽ, phần trước là tiền đề, cơ sở để triển khai ý ở phần sau, tất cả đều hướng đến thực hiện mục đích viết của VB. Cụ thể như sau:

– Luận điểm 1: Nêu cơ sở nhận thức, thể hiện chân lí lịch sử: những tấm gương trung nghĩa sẽ được lưu danh muôn thuở. GV nhấn mạnh thêm: với tính chất “sùng cổ” của văn hoá trung đại, việc đưa bằng chứng là những tấm gương người xưa đã tạo lập được một cơ sở lập luận vững chắc cho VB.

– Luận điểm 2: Nêu cơ sở thực tiễn, khẳng định tình cảnh hiện tại của nước nhà, thể hiện sự căm ghét với tội ác của giặc.

– Luận điểm 3: Dựa trên cơ sở nhận thức và cơ sở thực tiễn đã nêu, phân tích những sai lầm của binh sĩ và hậu quả, phân tích lẽ phải cần theo và ích lợi.

– Luận điểm 4: Kết luận, khẳng định rằng binh sĩ cần chuyên tâm học theo *Binh thư yếu lược*.

→ Tất cả đều hướng tới thực hiện mục đích của VB thuyết phục binh sĩ và người đọc sau này về quan điểm của tác giả.

Câu 5:

Mục tiêu: Giúp HS nhận biết quan điểm của tác giả trong VB.

Gợi ý: Theo Trần Quốc Tuấn, các tướng sĩ có trách nhiệm bảo vệ đất nước, chuyên tâm học theo *Binh thư yếu lược* để chống lại giặc Mông – Nguyên xâm lược. Đó là việc làm theo lẽ phải, theo chính nghĩa, xuất phát từ cơ sở trách nhiệm của đấng nam nhi với Tổ quốc; từ cơ sở tuân theo đạo thần – chủ, từ lợi ích của cá nhân và dòng tộc của từng binh sĩ → GV có thể nhận xét thêm: Quan điểm này được Trần Quốc Tuấn soi chiếu qua nhiều phương diện, hài hoà giữa cái chung và cái riêng, giữa lợi ích và bổn phận, giữa lí và tình.

Câu 6:

Mục tiêu: Giúp HS phân tích bối cảnh lịch sử, văn hoá xã hội liên quan đến VB. Để trả lời được câu hỏi này, HS cần xem lại phần tư liệu đã thực hiện ở hoạt động *Chuẩn bị đọc*.

Gợi ý: Hào khí Đông A thể hiện ở tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm chiến thắng kẻ thù, bảo vệ bờ cõi đất nước; điểm đặc biệt của hào khí Đông A đó

là sự đoàn kết, tinh thần trên dưới một lòng của vua, tướng, binh sĩ, quân dân nhà Trần. Trong *Hịch tướng sĩ*, tinh thần đồng lòng đó thể hiện qua việc tác giả lập luận vừa trên lập trường người bề trên nói với kẻ dưới, vừa trên lập trường những người đồng cảnh ngộ; sự gắn bó về vận mệnh của bản thân với vận mệnh của binh sĩ và vận mệnh quốc gia, dân tộc; đem sự vinh – nhục của bản thân gắn với sự vinh – nhục của binh sĩ, của quốc gia, dân tộc. GV hướng dẫn HS đọc lại VB và tìm bằng chứng để làm sáng tỏ các biểu hiện của hào khí Đông A.

Câu 7:

Mục tiêu: Giúp HS kết nối những gì đã đọc với suy nghĩ, trải nghiệm của bản thân.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS thực hiện sản phẩm sáng tạo phù hợp với khả năng, điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Cần thống nhất tiêu chí đánh giá sản phẩm và công bố với HS trước khi thực hiện.

5. DẠY ĐỌC VĂN BẢN NAM QUỐC SƠN HÀ – BÀI THƠ THẦN KHẮNG ĐỊNH CHÂN LÍ ĐỘC LẬP CỦA ĐẤT NƯỚC

5.1. Chuẩn bị đọc

Hai câu hỏi trong hoạt động này nhằm mục đích kích hoạt kiến thức nền của HS về đề tài lòng yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam; kiến thức nền về bài thơ *Nam quốc sơn hà* đã được học ở THCS, từ đó chuẩn bị tâm thế để HS đọc VB. GV có thể cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) để trình bày ý kiến. GV cũng có thể cho HS xem một trích đoạn phim tài liệu, phim lịch sử nói về đề tài lòng yêu nước và tinh thần chống giặc ngoại xâm, hoặc về bài thơ *Nam quốc sơn hà* để tạo sự hứng thú cho HS.

5.2. Đọc văn bản

Cách dạy giống với VB 1. GV cần lưu ý câu hỏi *Theo dõi* sẽ liên kết với câu hỏi 4 trong phần *Sau khi đọc*.

5.3. Sau khi đọc

5.3.1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi, bài tập Sau khi đọc

Ma trận yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi, bài tập đọc hiểu văn bản *Nam quốc sơn hà – bài thơ Thần khải định chân lí độc lập của đất nước*

Yêu cầu cần đạt (Mục tiêu)	Hệ thống câu hỏi
– Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB (1a); nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả (1b).	(1a) Câu hỏi 1, 2 (1b) Câu hỏi 3
– Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua VB và từ VB) (2a); nêu được ý nghĩa hay tác động của VB đối với quan niệm sống của bản thân (2b).	(2a) Câu hỏi 4 (2b) Câu hỏi 5

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, hoặc làm việc theo nhóm đôi, nhóm nhỏ từ 4 – 6 thành viên để thảo luận, trả lời các câu hỏi *Sau khi đọc*. GV lưu ý HS xem lại *Tri thức Ngữ văn* và đọc lướt, đọc quét VB để suy nghĩ, tìm câu trả lời. Sau đó, GV mời HS trình bày ý kiến và nhận xét, kết luận.

Sau đây là một số gợi ý trả lời:

5.3.2. Gợi ý tổ chức hoạt động học và đáp án cho các câu hỏi, bài tập

Câu 1: GV hướng dẫn HS dựa vào nhan đề và nội dung chính của VB để xác định luận điểm. Để xác định luận điểm, GV hướng dẫn HS chia bố cục VB, xác định câu chủ đề của từng phần. Sau đó, GV hướng dẫn HS đọc quét, đọc lướt để tìm bằng chứng, lí lẽ tương ứng với các luận điểm. Sau đây là gợi ý về hệ thống luận điểm VB:

- Luận điểm 1: Chân lí độc lập chủ quyền của đất nước đã được tác giả khẳng định từ đầu bài thơ.
- Luận điểm 2: Câu thơ thứ hai tiếp tục khẳng định quyền độc lập và tính chất chính nghĩa của việc phân chia lãnh thổ.
- Luận điểm 3: Câu thơ thứ ba nêu sự việc “nghịch lỗ lai xâm phạm”, chỉ rõ sự ngang ngược của giặc ngoại xâm.
- Luận điểm 4: Câu kết bài thơ vang lên như một lời cảnh báo, lời hiệu triệu, lời tiên tri khẳng định quân ta nhất định thắng, quân giặc nhất định thua.

Câu 2: VB được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về quan điểm của người viết về bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Quan điểm ấy là: bài thơ *Nam quốc sơn hà* là một bài thơ có giá trị, khẳng định chân lí độc lập của dân tộc.

Câu 3: Các luận điểm trong VB được triển khai theo trình tự phát triển ý của bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Cách sắp xếp ấy giúp cho người đọc dễ dàng hình dung được mạch lập luận của tác giả tương ứng với mạch triển khai ý của bài thơ *Nam quốc sơn hà*, từ đó tăng tính thuyết phục cho quan điểm của người viết.

Câu 4: Ở đoạn văn đầu tiên, tác giả đề cập đến sự phân biệt “đế” và “vương” trong xã hội phong kiến Trung Hoa nhằm mục đích khẳng định tinh thần dân tộc, ý thức tự chủ được thể hiện trong bài thơ *Nam quốc sơn hà* → GV kết luận về tác dụng của việc phân tích bối cảnh văn hoá xã hội trong VB để hiểu thêm về nội dung, ý nghĩa của VB nghị luận.

Câu 5: Đây là câu hỏi mở, GV cho HS có quyền đưa ra ý kiến riêng và lập luận để bảo vệ ý kiến trái chiều. Nếu có nhiều ý kiến đối lập, GV có thể tổ chức tranh luận (nếu cần). Để khơi gợi cho HS trả lời được câu này, GV có thể đặt ra một số câu hỏi gợi ý:

- Em hãy cho biết một VB được xem là tuyên ngôn độc lập cần có đặc điểm gì?
- Bài thơ *Nam quốc sơn hà* có đáp ứng được các tiêu chí của một bản tuyên ngôn độc lập hay không?

6. DẠY ĐỌC VĂN BẢN KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM ĐẤT NƯỚC

Lưu ý chung: Đây là VB được sử dụng theo yêu cầu đọc kết nối chủ điểm *Khát vọng độc lập và tự do*. Vì thế, GV không khai thác khía cạnh thể loại mà chỉ tập trung khai thác về chủ điểm. GV dành thời gian 1 tiết để hướng dẫn HS đọc VB này tại lớp.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

– GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để hướng dẫn HS trả lời từng câu hỏi trong phần *Sau khi đọc*.

Câu 1: Không gian của “những ngày thu đã xa” được tái hiện qua các hình ảnh: *sáng mát trong, hương cốm mới, những phố dài xao xác hơi may, người ra đi dẫu không ngoảnh lại, thêm nắng lá rơi đầy,...*

HS ghi ra giấy những hình dung, tưởng tượng của mình về “những ngày thu đã xa” do các hình ảnh vừa tìm được gợi ra, sau đó chia sẻ với các bạn.

Câu 2: Hình ảnh mùa thu nay khác mùa thu xưa ở: cảnh sắc thiên nhiên trong trẻo, tươi sáng (*trời thu thay áo mới, trong biếc,...*); không gian rộng mở, đầy sức sống (*núi đồi, gió thổi rừng tre phấp phới,...*); tràn ngập âm thanh vui tươi (*nói cười thiết tha*).

HS tùy ý lí giải nguyên nhân của sự khác biệt đó, miễn là hợp lí. Có thể định hướng: Vì tâm thế của chủ thể trữ tình ở thu nay đã khác thu xưa: đang đứng giữa núi đồi của chiến khu Việt Bắc với tâm trạng vui tươi, phấn chấn, đầy tin tưởng vào nền độc lập của dân tộc.

Câu 3: Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ là phép điệp. Các dạng của phép điệp trong đoạn thơ là: điệp từ (*đây, là, của, chúng ta*); điệp ngữ (*của chúng ta*); điệp cấu trúc cú pháp (*Trời xanh đây là của chúng ta / Núi rừng đây là của chúng ta / Những cánh đồng... / Những ngả đường... / Những dòng sông...*).

Hiệu quả biểu đạt của phép điệp trong đoạn thơ: góp phần tạo nên nhịp thơ dồn dập, giọng điệu hào hùng nhằm khẳng định ý thức chủ quyền về lãnh thổ, niềm tự hào về cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, trù phú của đất nước.

Câu 4: Tùy HS trả lời. Có thể định hướng:

Tiếng vọng của “những buổi ngày xưa” nhằm gửi gắm cho chúng ta thông điệp: Thế hệ trẻ cần giữ gìn và phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất của cha ông để bảo vệ độc lập dân tộc.

7. HƯỚNG DẪN ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI TÔI CÓ MỘT GIẤC MƠ

Trước khi hướng dẫn HS đọc VB *Tôi có một giấc mơ*, GV cần cho HS khái quát đặc điểm thể loại văn nghị luận đã được học trong hai VB đầu tiên (dưới dạng sơ đồ, infographic,...) tập trung vào các khía cạnh:

- Mục đích, quan điểm của người viết trong VB nghị luận.
- Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong VB nghị luận.

– Yếu tố biểu cảm trong VB nghị luận.

Từ đó, GV hướng dẫn HS rút ra những lưu ý, kinh nghiệm đọc đối với các khía cạnh trên của VB nghị luận.

GV có thể giao cho HS về nhà:

(1) Tìm hiểu tư liệu về VB *Tôi có một giấc mơ*, tác giả Mác-tin Lu-thơ Kinh (Martin Luther King), về chủ đề giấc mơ Mỹ.

(2) Đọc VB *Tôi có một giấc mơ* và trả lời các câu hỏi *Hướng dẫn đọc*. Lưu ý tới các chú thích trong SGK để trả lời câu hỏi phân tích bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong VB (câu hỏi 4).

GV có thể tổ chức hoạt động chia sẻ sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại tích hợp vào tiết *Ôn tập*.

8. DẠY HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT

8.1. Dạy học Tri thức tiếng Việt

GV dành 5 – 7 phút hướng dẫn HS tìm hiểu nhanh nội dung kiến thức tiếng Việt trong mục *Tri thức Ngữ văn* với nội dung *lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa*. GV có thể yêu cầu HS nhắc lại lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn đã học ở bài 1 như lỗi thiếu mạch lạc và lỗi thiếu các phương tiện liên kết hoặc sử dụng các phương tiện liên kết chưa phù hợp. GV nhấn mạnh: ngoài những lỗi giống như lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn, trong VB còn có những lỗi khác như: lỗi không tách đoạn và lỗi tách đoạn tùy tiện. Đối với từng loại lỗi, GV hướng dẫn HS phân tích ví dụ để xác định lỗi và cách chỉnh sửa. Sau đó, tổ chức cho HS thực hành làm bài tập.

8.2. Dạy học Thực hành tiếng Việt

Lưu ý chung: Lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB là tri thức không xuất hiện trong các VB của bài học. Tuy nhiên, phần *Tri thức Ngữ văn* (nội dung về tiếng Việt) đã trình bày rõ lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB và cách chỉnh sửa. Điều quan trọng là HS vận dụng được các tri thức này để thực hiện các bài tập thực hành. Việc thực hành ở đây giúp HS có ý thức tránh mắc phải các lỗi về mạch lạc, liên kết trong VB khi thực hành viết bài luận về bản thân, VB báo cáo kết quả nghiên cứu, VB nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm văn học,...

GV cần lưu ý phần thực hành có hai bài tập tiếng Việt và một bài tập *Từ đọc đến viết* học trong 1 tiết, nên cần phân phối thời gian một cách hợp lí.

Gợi ý cách tổ chức và đáp án:

Bài tập 1: Yêu cầu HS chỉ ra và nêu cách sửa lỗi không tách đoạn và lỗi tách đoạn tùy tiện trong các trường hợp đã cho.

GV hướng dẫn HS đọc kĩ hai đoạn trích, đối chiếu với các loại lỗi đã học, sau đó, chỉ ra lỗi và nêu cách sửa.

Câu a: VB mắc lỗi tách đoạn tùy tiện.

Cách sửa: không tách đoạn ngay sau câu “Xuân Diệu ... trở lại” vì chưa triển khai hết ý quan niệm về thời gian của Xuân Diệu.

Câu b: VB mắc lỗi không tách đoạn. Ý thứ nhất triển khai cái nguy hiểm của mặt ghềnh, ý thứ hai triển khai cái nguy hiểm của những cái hút nước nên cần tách đoạn để rõ ý.

Cách sửa: Tách đoạn ngay sau câu “Câu văn trải dài ... sự hiểm nguy”.

Bài tập 2: Chỉ ra lỗi về mạch lạc trong các trường hợp đã cho và nêu cách sửa:

VB mắc lỗi lạc chủ đề (hai đoạn văn không tập trung vào một chủ đề): đoạn (1) trình bày tính chất và trữ lượng của nước trên Trái Đất và viết câu chuyển đoạn đặt ra vấn đề chúng ta phải sử dụng như thế nào để bảo vệ nguồn nước nhưng đoạn (2) lại triển khai nội dung xung đột vì nguồn nước giữa các quốc gia.

Cách sửa: Viết lại đoạn (2) bàn về việc chúng ta phải sử dụng như thế nào để bảo vệ nguồn nước.

8.3. Từ đọc đến viết

Lưu ý chung:

– GV hướng dẫn HS sưu tầm hình ảnh đúng chủ đề *Tuổi trẻ và đất nước*. GV có thể chuẩn bị sẵn một số hình ảnh minh họa chủ đề để HS dễ hình dung.

– Với yêu cầu “Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) để giới thiệu những hình ảnh ấy đến các bạn trong lớp”, GV nhắc HS đoạn văn cần đảm bảo hai yêu cầu: giới thiệu được nội dung của những hình ảnh sưu tầm được; chỉ ra sự mạch lạc và liên kết trong đoạn văn ấy.

Chân trời sáng tạo
DAY HỌC PHẦN VIẾT

Lưu ý chung:

– GV lưu ý HS trước khi viết cần xác định: mục đích viết và đối tượng người đọc mà bài viết hướng tới. Đây là khâu khởi đầu có vai trò định hướng rất quan trọng đối với người viết.

– GV nhắc HS tuân thủ quy trình viết gồm 4 bước đã được rèn luyện ở các cấp lớp trước.

1. DAY HỌC TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI

Trong cuộc sống, kiểu bài *luận về bản thân* thường gắn với một tình huống giao tiếp cụ thể, chẳng hạn như viết bài luận về bản thân để ứng tuyển một vị trí, chức vụ nào đó, hoặc để đăng kí xét học bổng, tham gia xét tuyển các trường đại học, cao đẳng... Do đó, khi dạy tri thức về kiểu bài, GV cần tổ chức hoạt động kích hoạt kiến thức nền cho HS về tình huống giao tiếp gắn với kiểu bài trong thực tế, từ đó khái quát yêu cầu đối với kiểu bài.

GV có thể thực hiện như sau:

(1) Cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) về hai câu hỏi:

– *Em hiểu như thế nào về bài luận về bản thân?*

– *Trong cuộc sống, chúng ta cần viết bài luận về bản thân khi nào?*

(2) Cho HS làm việc cá nhân, đọc khung *Yêu cầu đối với kiểu bài* trong SGK, đánh dấu những thông tin quan trọng để trả lời câu hỏi:

– Khi viết bài luận về bản thân, cần chú ý những yêu cầu gì?

– Trình bày sơ đồ dàn ý kiểu bài *bài luận về bản thân*.

2. HƯỚNG DẪN HỌC SINH PHÂN TÍCH NGỮ LIỆU THAM KHẢO

GV cho HS đọc bài viết tham khảo, đối chiếu bài viết tham khảo với sơ đồ dàn ý kiểu bài *bài luận về bản thân* đã tìm hiểu ở trên.

Sau đó, cho HS thảo luận, trả lời các câu hỏi ở sau VB để tiếp tục hiểu rõ đặc điểm của kiểu bài. Sau đây là gợi ý trả lời:

– Câu 1: GV hướng dẫn HS đọc lại VB và tự suy ngẫm trả lời.

– Câu 2: Các bằng chứng được nêu trong bài luận có đặc điểm: cụ thể, xác thực, tiêu biểu, làm bật lên đặc điểm của bản thân người viết là có đam mê, có những ý tưởng thực tế để đưa văn chương gần hơn với cuộc sống.

– Câu 3: Để bài luận xác thực, đáng tin cậy, người viết đã đưa ra những thông tin cụ thể, chi tiết về không gian và thời gian.

– Câu 4: Giọng điệu khiêm tốn, say mê, nhiệt huyết khi nói về những ý tưởng, kế hoạch của mình. Ngôn ngữ bình dị, chân thành.

– Câu 5: Thông điệp bài viết đưa ra là “văn học gần với cuộc sống, việc đọc sách là nhịp cầu kết nối những tâm hồn”. Đây là một thông điệp có ý nghĩa, lan toả giá trị sống tích cực đến người đọc.

Lưu ý: *Bài luận về bản thân* là kiểu bài in đậm dấu ấn cá nhân của người viết, nên bài viết tham khảo đưa phân tích chỉ là một cách triển khai thường thấy (và để thực hiện với đa số HS). Trên thực tế, có nhiều bài luận về bản thân có cách triển khai rất sáng tạo: đi từ một câu chuyện ẩn tượng về bản thân để từ đó khái quát đặc điểm của người viết; đi từ một câu danh ngôn, một quan niệm mà người viết tâm đắc; bắt đầu từ một vấn đề gây tranh cãi để từ đó khái quát đặc điểm của bản thân. Cũng có những bài luận kết hợp hiệu quả với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu, cách thiết kế, dàn trang thể hiện cá tính của người viết... Do vậy, GV có thể gợi ra những ý tưởng sáng tạo bằng cách cho HS xem những mẫu bài luận có những cách triển khai khác trong thực tế, những mẫu bài luận được thiết kế sáng tạo, ẩn tượng, thể hiện dấu ấn cá nhân của người viết.

3. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TẠO LẬP VĂN BẢN

3.1. Giao đề bài

GV giao đề bài cho HS dựa vào SGK: *Các câu lạc bộ ở trường bạn đang tổ chức tuyển thành viên. Bạn hãy viết bài luận giới thiệu bản thân để ứng tuyển vào câu lạc bộ bạn yêu thích.*

GV hướng dẫn HS đọc, xác định yêu cầu đề:

- Tình huống đề bài đặt ra là gì? Em có hiểu biết gì về các câu lạc bộ trong trường học?
- Đề bài yêu cầu chúng ta thực hiện nhiệm vụ gì?

3.2. Hướng dẫn học sinh thực hành quy trình viết

3.2.1. Hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết bài luận về bản thân

GV cho HS đọc phần *Hướng dẫn quy trình viết* trong SGK để tìm hiểu lí thuyết về quy trình viết bài luận về bản thân và điền vào phiếu học tập theo mẫu sau:

PHIẾU HỌC TẬP QUY TRÌNH VIẾT BÀI LUẬN VỀ BẢN THÂN

Quy trình viết	Thao tác cần làm	Điều cần lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết	Xác định đề tài: Xác định những đặc điểm nổi bật của bản thân, chọn ra đặc điểm mình tâm đắc để triển khai bài viết.	Thực hiện bằng cách tự ghi ra các đặc điểm của bản thân và hỏi ý kiến của người khác (sử dụng các sơ đồ trong SGK).
	Thu thập tư liệu:	
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý:	
	Lập dàn ý:	
Bước 3: Viết bài		
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa	Xem lại và chỉnh sửa:	
	Rút kinh nghiệm:	

3.2.2. Hướng dẫn HS viết bài luận về bản thân

Tại lớp, GV hướng dẫn HS thực hiện **Bước 1: Chuẩn bị viết**, sử dụng phương pháp nói to suy nghĩ (think – aloud) để làm mẫu những kĩ năng viết mà HS còn chưa rõ.

Sau đó giao cho HS về nhà thực hiện **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý; Bước 3: Viết bài** dựa trên những nội dung đã được học và dựa vào *Bảng kiểm kĩ năng viết bài luận về bản thân trong SGK*.

3.2.3. Hướng dẫn học sinh xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

GV tổ chức thực hiện **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa** cho bài luận tại lớp bằng cách cho HS trao đổi bài luận cho nhau để đọc, nhận xét; chia sẻ bài luận trước lớp và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK. Để tiết học được sinh động, hấp dẫn, GV có thể tổ chức hình thức nhập vai một buổi tuyển chọn thành viên câu lạc bộ, cho HS đóng vai để nhận xét, ví dụ: *Trong vai trò ban chủ nhiệm câu lạc bộ, em thấy bài luận này có thuyết phục hay không? Đây là điểm em tâm đắc về bài luận của bạn? Đây là điểm em nghĩ bạn có thể làm tốt hơn?*

GV cho HS ghi lại và chia sẻ những kinh nghiệm viết mình rút ra được sau khi thực hiện bài luận về bản thân.

Các bài viết của HS sẽ tiếp tục được chỉnh sửa và công bố ở góc tập của lớp (hoặc trang web văn học của lớp, nhóm học Văn...), để các thành viên trong lớp tiếp tục góp ý, nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK.

DAY HỌC PHẦN NÓI VÀ NGHE

Đề tài nói – nghe ở đây là *Thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*. Đề bài để HS thực hành là: *Thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay*.

Lưu ý chung:

Đề tài nói và nghe ở bài này không phải là nội dung HS đã thực hiện trong tiết viết. Vì thế, GV hướng dẫn HS từng bước theo quy trình sau:

Bước 1: Chuẩn bị bài nói

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Khác với bài viết, bài nói cần xác định mục đích nói và người nghe, không gian, thời gian nói. GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý trong SGK để thực hiện khâu này.

GV hướng dẫn HS xác định quan điểm của bản thân về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay. Lưu ý, HS có thể lựa chọn một trong những quan điểm được gợi ý trong SGK hay một quan điểm khác mà HS cho là đúng đắn hoặc sai lầm để bày tỏ sự đồng tình/ không đồng tình của bản thân.

Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

GV lưu ý HS:

– Ý tưởng của bài thuyết trình chính là ý kiến của HS về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay. HS có thể tìm ý bằng cách khai thác kiến thức, trải nghiệm của bản thân về vấn đề và tìm kiếm thông tin trên internet, sách báo,...

– Để việc thuyết trình được hiệu quả, SGK đã đưa ra một số gợi ý. Đối với bài này, GV nhắc HS bài thuyết trình cần có sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ nên HS cần chuẩn bị: (1) câu mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; (2) sử dụng một số phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ như: hình ảnh, video clip, sơ đồ,...; (3) dự kiến một số vấn đề người nghe có thể hỏi và câu trả lời phù hợp.

Lập dàn ý

GV lưu ý HS: Từ những ý đã tìm, phác thảo dàn ý cho bài thuyết trình bằng cách dựa vào hệ thống câu hỏi gợi ý trong SGK hoặc điền vào bảng chuẩn bị *thuyết trình về một vấn đề xã hội* sau:

Quan điểm của tôi:	
Lí lẽ 1:	Bằng chứng:
Lí lẽ 2:	Bằng chứng:
Lí lẽ 3:	Bằng chứng:
Quan điểm trái ngược dự kiến:	Cách trao đổi lại:
.....	
.....	
Thông điệp/ Lời kêu gọi hành động:	
.....	

Luyện tập

GV hướng dẫn HS một số cách luyện tập ở nhà dựa trên những gợi ý trong SGK. HS có thể ghi âm hoặc ghi hình những lần luyện tập để phân tích ưu, nhược điểm và rút kinh nghiệm. Lưu ý HS tập phát âm to, rõ ràng; tập điều chỉnh cao độ, nhịp độ, tập biểu cảm. YCCĐ của bài này là thuyết trình có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nên HS cần lựa chọn từ ngữ thích hợp với văn nói và phù hợp với phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm.

GV lưu ý HS trong quá trình luyện tập thuyết trình cần sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như sơ đồ, hình ảnh, video clip,... để tránh lúng túng khi thuyết trình trên lớp. Ngoài ra, HS cần đối chiếu với bảng kiểm trong SGK để tập cách thuyết trình khoa học, hấp dẫn.

Bước 2: Trình bày bài nói

GV lưu ý HS: Cần trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị, kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung để bài thuyết trình thêm sinh động, hấp dẫn.

GV nhắc nhở HS khi thuyết trình cần có thái độ tự nhiên, thân thiện; giọng nói rõ ràng; ngữ điệu linh hoạt.

GV nhắc nhở HS khi trình bày cần tôn trọng và tương tác với người nghe (bằng mắt, bằng cách nêu câu hỏi cho người nghe trong quá trình trình bày,...).

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

SGK hướng dẫn khá kĩ về hai hoạt động này, GV căn cứ vào đó để tổ chức cho HS thực hiện hai hoạt động trao đổi và đánh giá trên cơ sở HS lần lượt đặt mình vào vai người nói và vai người nghe.

Trong vai trò là người nói: HS biết lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về nội dung, hình thức bài thuyết trình; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.

Trong vai trò là người nghe: HS biết lắng nghe bài thuyết trình của bạn mình, biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, hình thức của bài thuyết trình của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt.

GV nhắc nhở HS dù ở vai nào cũng phải tôn trọng các ý kiến khác với ý kiến của mình; có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe,...

Đánh giá

GV hướng dẫn HS tập đánh giá bài thuyết trình từ cả vai trò người nói lẫn vai trò người nghe; biết sử dụng bảng kiểm (trong SGK) để đánh giá bài thuyết trình.

Sau khi HS đánh giá và tự đánh giá bài thuyết trình, GV nhắc HS suy ngẫm về những điều mình đã làm được để phát huy và những điều mình chưa làm được để rút kinh nghiệm, cố gắng làm được trong những lần thuyết trình sau.

Lưu ý thời gian thực hiện: Hoạt động nói và nghe được dạy trong 1 tiết. GV cần cân nhắc thời gian để đảm bảo HS có đủ thời gian để trình bày bài nói và trao đổi, đánh giá để rút kinh nghiệm.

ÔN TẬP

Phần *Ôn tập* cần được thực hiện trong thời gian khoảng 0,5 tiết để HS ôn luyện cả 4 kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe. GV hướng dẫn HS ôn tập theo 7 câu hỏi trong SGK. Dưới đây là một số gợi ý đáp án và cách thức thực hiện.

1. HS dựa vào kết quả đọc ba VB để tổng hợp, điền vào bảng.
2. Trong các VB nghị luận đã học, yếu tố biểu cảm giúp tác động vào cảm xúc của người đọc, làm tăng sức thuyết phục cho VB; ngoài ra, các yếu tố biểu cảm còn giúp ngôn ngữ VB thêm sinh động, tăng sức gợi hình, gợi tả.
3. Việc nhận biết, liên hệ bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội giúp người đọc xác định được mục đích viết, đối tượng người đọc hướng đến và hiểu thêm về nội dung, ý nghĩa của VB nghị luận.
4. HS ghi lại những điều cần lưu ý và những kinh nghiệm rút ra sau khi viết bài luận về bản thân.
5. GV yêu cầu HS đọc lại mục *Tri thức Ngữ văn* (kiến thức tiếng Việt) để trả lời câu hỏi.
6. GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác để hướng dẫn HS rút ra một số kinh nghiệm khi thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.

Gợi ý: Khi thuyết trình về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ, bài nói cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

– Phần mở đầu: trình bày rõ ràng quan điểm của bản thân về sự lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ hiện nay.

– Nội dung của bài thuyết trình: đưa ra các luận điểm rõ ràng; nêu ra các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục để bảo vệ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.

– Phần kết thúc: cần tóm tắt ngắn gọn nội dung đã trình bày và đưa ra thông điệp hoặc lời kêu gọi hành động.

– Lựa chọn các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung thuyết trình như hình ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu,... để làm cho bài thuyết trình thuyết phục và sinh động hơn.

7. Để thực hiện bài tập này, GV nên giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà trước tiết *Ôn tập*. Trong tiết *Ôn tập*, GV cho HS chia sẻ sản phẩm và trả lời câu hỏi lớn. Đây là câu hỏi có tính mở, do đó, GV không chốt đáp án, mà tiếp tục khơi gợi để HS suy nghĩ sâu hơn về câu hỏi lớn của chủ điểm bằng cách cho HS xem đoạn phim tài liệu, những bài hát nói về khát vọng độc lập, tự do của dân tộc.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VẤN 10, TẬP HAI – SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HG XV002M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/35-708/GD

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-32759-8

Tập 2: 978-604-0-32760-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|--|
| 1. NGỮ VĂN 10, TẬP MỘT - Sách giáo viên | 13. VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên |
| 2. NGỮ VĂN 10, TẬP HAI - Sách giáo viên | 14. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP VẬT LÍ 10 - Sách giáo viên |
| 3. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10 - Sách giáo viên | 15. HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 4. TOÁN 10 - Sách giáo viên | 16. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP HOÁ HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 5. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP TOÁN 10 - Sách giáo viên | 17. SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 6. TIẾNG ANH 10
Friends Global - Teacher's Guide | 18. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP SINH HỌC 10 - Sách giáo viên |
| 7. LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 19. ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 8. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 10 - Sách giáo viên | 20. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ÂM NHẠC 10 - Sách giáo viên |
| 9. ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 21. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 1) - Sách giáo viên |
| 10. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10 - Sách giáo viên | 22. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 2) - Sách giáo viên |
| 11. GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | 23. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10 -
Sách giáo viên |
| 12. CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10 - Sách giáo viên | |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-32760-4



Giá: 26.000 đ